

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE



HỒ SƠ MỜI THẦU
BIDDING DOCUMENTS



Tên gói thầu:

Name of the bidding package:

Dịch vụ Tư vấn triển khai chức năng Quản trị kiến trúc doanh nghiệp

Consulting Services for implementation of Enterprise architecture management functions

Ngày phát hành:

Date of issuance:

21./.../2026

Ban hành theo Quyết định:

Issued pursuant to the Decision No.:

110..../QĐ-TGD-NHCT-MSTS1

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC KHỐI MS & QLTS

THE EMPLOYER'S REPRESENTATIVE

DIRECTOR OF PURCHASING AND ASSETS MANAGEMENT DIVISION



NGUYỄN THÀNH XUÂN
NGUYEN THANH XUAN

CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT
ABBREVIATIONS

BDL <i>BDS</i>	Bảng Dữ liệu Đấu thầu <i>Bid Data Sheet</i>
CDNT <i>ITB</i>	Chỉ dẫn Nhà thầu <i>Instructions to Bidders</i>
CV <i>CV</i>	Hồ sơ lý lịch <i>Curriculum vitae</i>
DVTV <i>CS</i>	Dịch vụ tư vấn <i>Consulting services</i>
ĐKC <i>GC</i>	Điều kiện Chung của Hợp đồng <i>General Conditions of Contract</i>
ĐKCT <i>SC</i>	Điều kiện Cụ thể của Hợp đồng <i>Specific Conditions of Contract</i>
HSDT <i>Bid</i>	Hồ sơ Dự thầu <i>Bid</i>
HSDXKT <i>TPD</i>	Hồ sơ Đề xuất Kỹ thuật <i>Technical Proposal Dossier</i>
HSDXTC <i>FPD</i>	Hồ sơ Đề xuất Tài chính <i>Financial Proposal Dossier</i>
HSMT <i>BD</i>	Hồ sơ Mời thầu <i>Bidding Documents</i>
Luật Đấu thầu <i>Law on Bidding</i>	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 <i>Law on Bidding No. 22/2023/QH15, as amended and supplemented by Law No. 57/2024/QH15 and Law No. 90/2025/QH15</i>



M. D. N.

Nghị định số 214 <i>Decree No. 214</i>	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu <i>Decree No. 214/2025/ND-CP dated 4 August 2025 detailing a number of articles of, and providing measures for the implementation of the Law on Bidding regarding the bidder selection</i>
USD <i>USD</i>	Đồng đô-la Mỹ <i>United States Dollar</i>
VietinBank <i>VietinBank</i>	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <i>Vietnam JSC Bank for Industry and Trade</i>
VND <i>VND</i>	Đồng Việt Nam <i>Vietnamese Dong</i>

01
NC
HƯỞNG
CỘNG
V
TP

tr
V

MỤC LỤC
TABLE OF CONTENTS

Mô tả tóm tắt

Summary

Từ ngữ viết tắt

Abbreviations

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Part 1. BIDDING PROCEDURES

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chapter I. Instructions to bidders

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chapter II. Bid data sheet

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐT

Chapter III. Evaluation criteria for the Bid

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chapter IV. Bidding forms and bid submission forms

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Part 2. TERMS OF REFERENCE

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Chapter V. Terms of reference

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Part 3. CONDITIONS OF THE CONTRACT AND CONTRACT FORMS

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng


Chapter VI. General conditions of contract

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chapter VII. Specific conditions of contract

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chapter VIII. Contract forms

tr


MÔ TẢ TÓM TẮT

SUMMARY

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Part 1. BIDDING PROCEDURES

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chapter I. Instructions to bidders

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

This chapter provides the necessary information for bidders to prepare the Bid. The information includes stipulations on Bid preparation, submission, opening, evaluation, and award of contract. Only use without amending the stipulations in this Chapter.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chapter II. Bid data sheet

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

This chapter specifies the detailed contents of Chapter I as applied to each bidding package.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chapter III. Evaluation criteria for the Bid

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT. Cụ thể:

This chapter contains the criteria for evaluating the Bid. Specifically:

- Mục 1: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT;

Section 1: Examination and evaluation of the validity of TPD;

- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;

Section 2: Technical evaluation criteria;

- Mục 3: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC;

Section 3: Examination and evaluation of the validity of FPD;

- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

Section 4: Financial evaluation criteria.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chapter IV. Bidding forms and bid submission forms

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSDT.

This chapter contains the bidding forms and the bid submission forms that the bidder must complete to be included as part of the content of the Bid.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Part 2. TERMS OF REFERENCE

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Chapter V. Terms of reference

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm, nhân sự của nhà thầu và các yêu cầu cần thiết khác (nếu có); trách nhiệm của chủ đầu tư.

Terms of reference contain an introduction to the bidding package, the scope of work; requirements for reporting, implementation period, experience, personnel of the bidder, and other necessary requirements (if any); responsibilities of the employer.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Part 3. CONDITIONS OF THE CONTRACT AND CONTRACT FORMS

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chapter VI. General conditions of the contract

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

This chapter contains general conditions that are uniformly applied in all bidding packages for consulting services.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng*Chapter VII. Specific conditions of the contract*

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được điều kiện chung của hợp đồng.

This chapter contains contract data and specific conditions for each contract. The specific conditions of the contract aim to detail and supplement, but not replace the general conditions of the contract.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng*Chapter VIII. Contract forms*

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

This chapter contains the forms which, upon completion, shall constitute an integral part of the contract.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Part 1. BIDDING PROCEDURES
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU
Chapter I. INSTRUCTIONS TO BIDDERS

<p>1. Phạm vi gói thầu <i>The scope of the bidding package</i></p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. <i>The employer, as specified in the BDS, issues this set of BD to select a bidder to implement the consulting service bidding package under the single-stage, two-envelope bidding method.</i></p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại BDL. <i>The name of the bidding package, project/procurement estimate shall be specified in the BDS.</i></p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu <i>Definitions in bidding</i></p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong TBMT trên Hệ thống mạng. <i>The bid closing time means the deadline for receiving Bid and shall be specified in the Invitation for Bids on the online System.</i></p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. <i>Days mean calendar days, including weekends, holidays, and Tet holidays in accordance with the provisions of the law on labor.</i></p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7). <i>Time and date on the System means the time and date displayed on the System (GMT+7).</i></p>
<p>3. Nguồn vốn <i>Sources of funds</i></p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL. <i>Sources of funds to be used for the bidding package are stipulated in the BDS.</i></p>
<p>4. Hành vi bị cấm <i>Prohibited acts</i></p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. <i>Offering, receiving, or brokering bribery.</i></p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới</p>

mọi hình thức.

Abusing positions or entrusted power to influence or illegally intervene in bidding activities in any form.

4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:

Collusive practices include the following acts:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu;
Arranging, reaching an agreement, or coercing one or more parties to prepare or withdraw their Bids so that one party shall win the bid;

b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;
Arranging or reaching an agreement to refuse to supply goods or services, not signing a subcontract, or implementing other forms of agreements to limit competition so that one party shall win the bid;

c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

The bidder with the capability and experience has submitted a bid and satisfies the requirements of the BD but deliberately refuses to provide documents proving their capability and experience at the employer's request for clarification of the Bid or verification of the documents to facilitate one party to win the bid.

4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

Fraudulent practices include the following acts:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;

Forging or falsifying information, dossiers, and/or documents in bidding;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

Deliberately providing information and documents that are not accurate or objective in the Bid to falsify the bidder selection results.

4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

Obstructive practices include the following acts:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ

bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

Destroying, deceiving, altering, or concealing evidence, or making false statements; threatening or suggesting to any party to prevent the clarification of acts of giving, receiving, or brokering bribery, fraud, or colluding with competent authorities having functions and authority over supervision, inspection, examination, or auditing;

b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

Obstructing competent persons, employer, bidder(s) in the course of bidder selection;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

Obstructing competent authorities from supervising, examining, inspecting, and/or auditing bidding activities;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

Deliberately making false complaints, denunciations, or petitions to obstruct bidding activities;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu.

Engaging in acts that violate the law on cybersecurity and network safety for the purpose of interfering with or obstructing the bidding.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

Inequality and non-transparency include the following acts:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

The bidder participating in the bidding is also the employer, or implements the duties of the employer in violation of the Law on Bidding;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;

Concurrently participating in the preparation and appraisal of the BD of the same bidding package;

c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

Concurrently participating in the evaluation of the Bid and the appraisal of the bidder selection results for the same bidding package;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ

thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

Individuals of the employer who directly participate in the bidder selection process, or who participate in the panel of experts or appraisal panel in charge of bidder selection result, or who are the competent persons, the head of the employer for bidding packages where a person having a family relationship, as prescribed by the Law on Enterprises, is named as the bidder or acts as the lawful representative of the bidder participating in the bidding;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

A person named as the bidder for a bidding package of a project of the employer is an agency or organization for which that person previously worked and held an executive or managerial position within 12 months from the date of resignation therefrom;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.

The supervision consulting bidder also acts as the implementation consultant of the same bidding package.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

Disclosing of documents and information regarding the bidder selection process, except in the cases as stipulated in point b, clause 8, Article 77; clause 11, Article 78; clause 4, Article 80; clause 4, Article 81; clause 2, Article 82 of the Law on Bidding, includes:

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

The contents of BD prior to the prescribed issuance time;

b) Nội dung HSĐT; nội dung yêu cầu làm rõ HSĐT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSĐT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSĐT trước khi được công khai

theo quy định;

The content of the Bid; the content of the Employer's clarification requests and responses from the bidder(s) during the evaluation of the Bid; reports of the Employer, the panel of experts, appraisal reports, reports of the consulting bidder, and reports of relevant specialized authorities during the bidder selection process; records or minutes of the bidding evaluation meeting, comments and evaluations on each Bid prior to their disclosure as prescribed;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

The result of bidder selection prior to its disclosure as prescribed;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Other documents during the bidder selection process are determined to contain state secrets as prescribed by law.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

Transfer of the awarded contract in the following cases:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

The bidder transfers to another bidder a volume of tasks of the bidding package exceeding the maximum value of tasks to be subcontracted and the volume of tasks to be undertaken by specialist subcontractor(s) under the contract;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

The bidder transfers to another bidder a volume of tasks of the bidding package that does not exceed the maximum value of tasks for the subcontractor stated in the contract, but is beyond the scope of work for the subcontractor proposed in the Bid without the approval of the employer and the supervision consultant;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

The Employer and the supervision consultant agree to allow the bidder to transfer the tasks as stipulated in point a of this clause;

	<p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p> <p><i>The Employer and the supervision consultant agree to allow the bidder to transfer the tasks, as stipulated in point b of this clause, which exceed the maximum value of tasks for the subcontractor stated in the contract.</i></p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu <i>Eligibility of the bidder</i></p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p><i>A bidder that is an organization shall fully meet the following requirements:</i></p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập; <i>Having independent financial accounting records;</i></p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; <i>Not currently undergoing dissolution procedures or subject to revocation of the enterprise registration certificate, cooperative registration certificate, union of cooperatives or cooperative group registration certificate; not being insolvent in accordance with the provisions of the law on bankruptcy;</i></p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDS; <i>Ensuring competition in bidding as specified in the BDS;</i></p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; <i>Not being subject to a prohibition on participation in bidding in accordance with the provisions of the Law on Bidding;</i></p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. <i>Not being subject to criminal prosecution.</i></p> <p>e) Đối với nhà thầu trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài; <i>For domestic bidders: being enterprises, cooperatives, unions of cooperatives, cooperative groups, public service units, or foreign-invested business organizations that are duly established and operating in accordance with the provisions of the Vietnamese law. For foreign bidders: being established and operating in accordance with foreign law;</i></p>

	<p>g) Đối với nhà thầu nước ngoài, Phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ. <i>For foreign bidders, they must establish a consortium with a domestic bidder or hire a domestic subcontractor, unless otherwise prescribed by the Government.</i></p> <p>h) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và không trong trạng thái bị tạm dừng, chấm dứt tham gia hệ thống <i>The bidder's name is registered on the National e-procurement system prior to the approval of the bidder selection result and is not subject to suspension or termination of participation in the system</i></p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: <i>The bidder that is a household business shall fully meet the following requirements:</i></p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; <i>Having a valid household business registration certificate issued in accordance with the provisions of the law;</i></p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; <i>Not being in the process of termination of operations or subject to revocation of the household business registration certificate; the owner of the household business is not subject to criminal prosecution;</i></p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 CDNT. <i>Satisfying the requirements stipulated in points c and d of Section 5.1 of the ITB.</i></p>
<p>6. Nội dung của HSMT <i>Contents of the BD</i></p>	<p>6.1. HSMT bao gồm: TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: <i>The BD includes the Invitation for Bids and Part 1, Part 2, and Part 3, along with the documents amending and clarifying the BD as stipulated in Section 7 of the ITB (if any), including the following contents:</i></p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu: <i>Part 1. Bidding procedures:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; <i>Chapter I. Instructions to bidders;</i> - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;

- Chapter II. Bid data sheet;*
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- Chapter III. Evaluation criteria for the Bid;*
- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.
- Chapter IV. Bidding forms and bid submission forms.*

Phần 2. Điều khoản tham chiếu:

Part 2. Terms of reference:

- Chương V. Điều khoản tham chiếu.
- Chapter V. Terms of reference.*

Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:

Part 3. Conditions of the contract and Contract forms:

- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;
- Chapter VI. General conditions of contract;*
- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
- Chapter VII. Special conditions of contract;*
- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.
- Chapter VIII. Contract forms.*

6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi chủ đầu tư trên Hệ thống. HSMT do chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.

The employer shall not be responsible for the accuracy or completeness of the BD, any documents clarifying, or amending the BD, as stipulated in Section 7 of the ITB, if such documents are not published by the employer on the System. The BD issued by the employer on the System shall be the basis for consideration and evaluation.

6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.

The bidder must study all information in the Invitation for Bids and the BD, including any amendments, clarifications to the BD, and the minutes of the pre-bid conference (if any), to prepare the Bid in accordance

	<i>with the requirements in the BD accordingly.</i>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ HSMT</p> <p><i>Amendments and clarifications to the BD</i></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p><i>In case of an amendment to the BD, the employer shall upload the decision on the amendment together with the amended contents and the amended BD accordingly. Amendment to the BD must be made at least 10 days prior to the bid closing time and must ensure sufficient time for the bidders to finalize their Bids; if the above time requirement is not met, the bid closing time must be extended.</i></p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT.</p> <p><i>In case the BD needs clarification, the bidder must submit a request for clarification to the employer via the System at least 03 working days prior to the bid closing time for the employer to review and process. The employer shall receive and review the request(s) for clarification from the bidder and publish the clarification on the System at least 02 working days prior to the date of bid closing time, describing the content of the request for clarification without disclosing the name of the requesting bidder. In case the clarification leads to the amendment to the BD, the employer shall amend the BD as stipulated in Section 7.1 of the ITB.</i></p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc</p>

không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.

If necessary, the employer may organize a pre-bid conference to discuss any contents of the BD that remain unclear to the bidder(s), as specified in the BDS. The employer shall post a notice of the organization of the pre-bid conference on the System; all interested bidders may attend the pre-bid conference without being required to give prior notice to the employer. Contents exchanged between the employer and the bidder(s) must be recorded by the employer in minutes and prepared as a written clarification of the BD and shall be published on the System no later than 02 working days from the end of the date of the pre-bid conference. The bidders' absence from the pre-bid conference or failure to provide confirmation of attendance at the pre-bid conference shall not be grounds for the disqualification of their Bids.

7.4. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT.

In case the pre-bid conference leads to an amendment to the BD, the employer shall amend the BD as stipulated in Section 7.1 of the ITB. The minutes of the pre-bid conference shall not be considered an amendment to the BD.

7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

The employer shall be responsible for monitoring information on the System to promptly clarify the BD upon the bidders' requests.

7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

The bidder shall be responsible for monitoring information on the System to keep updated on any amendments to the BD and/or changes to the bid closing time (if any), which shall serve as the basis for preparing the Bid. In case any errors/omissions arise from the failure to monitor or update information on

M.S.D.

	<p><i>the System, resulting in disadvantages to the bidder during the bidding process, including any amendments or modifications to the BD, the bid closing time, the contract negotiation period, and other contents, the bidder must take full responsibility for and bear such disadvantages during the bidding process.</i></p> <p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại BDL.</p> <p><i>For simple consulting service packages or urgent consulting service packages that require immediate implementation due to schedule requirements, the period for amending the BD shall be implemented as specified in the BDS.</i></p>
<p>8. Chi phí dự thầu <i>Costs of bidding</i></p>	<p>HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi chủ đầu tư đăng tải thành công TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp HSMT theo quy định tại BDL. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> <p><i>The BD shall be issued free of charge on the System immediately after the employer successfully posts the Invitation for Bids on the System. The bidder shall bear all costs related to its participation in the bidding process. The costs for submission of the Bid shall be as specified in the BDS. The employer, under no circumstances, shall be responsible for any costs incurred by the bidder in connection with its participation in the bidding process.</i></p>
<p>9. Ngôn ngữ của HSMT <i>Language of the Bid</i></p>	<p>HSMT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSMT được viết bằng ngôn ngữ quy định tại BDL. Các tài liệu bổ trợ trong HSMT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ quy định tại BDL. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết). Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với sai khác giữa bản gốc và bản dịch của tài liệu (nếu có).</p> <p><i>The Bid, as well as all documents and correspondence relating to the Bid, shall be written in the language specified in the BDS. Supporting documents included in the Bid may be written in another language, and accompanied by a translation into the language specified in the BDS. In the event that such translation is missing, the employer may request the bidder to provide an additional translation (if necessary). The bidder shall be responsible for any discrepancies between the originals and their translations (if any).</i></p>

<p>10. Thành phần của HSDT <i>Documents comprising the Bid</i></p>	<p>HSDT bao gồm HSDXKT và HSDXTC: <i>The Bid shall include the TPD and the FPD:</i></p> <p>10.1. HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây: <i>The TPD shall comprise the following:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong HSDXKT theo quy định tại Mục 11 CDNT; <i>The bid submission form included in the TPD as stipulated in Section 11 of the ITB;</i> - Thỏa thuận liên danh được theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); <i>The consortium agreement in accordance with Form No. 03 in Chapter IV (in case of a consortium);</i> - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <i>The technical proposal as stipulated in Section 14 of the ITB and the Forms of Chapter IV;</i> - Tài liệu chứng minh Tư cách Hợp lệ của Nhà thầu (Mục 5 Chương I) <i>Documents evidencing the Eligibility of the Bidder (Section 5, Chapter I)</i> - Tài liệu chứng minh Năng lực, Kinh nghiệm của Nhà thầu và của nhân sự tham gia gói thầu <i>Documents evidencing the Capability and Experience of the Bidder and the personnel proposed for the bidding package.</i> <p>10.2. HSDXTC bao gồm các thành phần sau đây: <i>The FPD shall comprise the following:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong HSDXTC theo quy định tại Mục 11 CDNT; <i>The bid submission form which is included in the FPD as stipulated in Section 11 of the ITB;</i> - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 CDNT và Mục 12 CDNT. <i>The financial proposals and schedules/tables containing all information as stipulated in Section 11 and Section 12 of the ITB.</i> <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại BDL. <i>Other contents as stipulated in the BDS.</i></p>
<p>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu <i>Bid submission form and</i></p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT. <i>The bidder shall fill out all information in the Forms provided in Chapter IV. The bidder shall verify the</i></p>

<i>tables/schedules</i>	<i>information in the bid submission form and the tables/schedules to complete the Bid.</i>
<p>12. Giá dự thầu và giảm giá <i>Bid prices and discounts</i></p>	<p>12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.</p> <p><i>The bid price shall be the price quoted by the bidder in the bid submission form included in the FPD (excluding any discounts), and shall include all costs required for the performance of the bidding package.</i></p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu thuộc HSDXTC hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Thư giảm giá có thể được nộp cùng với HSDXTC hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá được nộp cùng với HSDXTC thì bảng kê thành phần HSDXTC của nhà thầu phải có thư giảm giá. Trường hợp thư giảm giá được nộp riêng thì phải đựng thư giảm giá trong túi có niêm phong, ghi rõ “Thư giảm giá” (cách niêm phong do nhà thầu tự quy định) tuân thủ theo quy định tại Mục 15b.2 và Mục 15b.3 CDNT. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDXTC của nhà thầu. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong HSDXTC. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá, được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong HSDXTC.</p> <p><i>In the event that the bidder proposes any discount, such discount may be stated directly in the bid submission form included in the FPD or submitted separately in a letter of discount. The letter of discount may be submitted together with the FPD or submitted separately, provided that it must be received by the Procuring entity prior to the bid closing time. If the letter of discount is submitted together with the FPD, the bidder's list of documents comprising the FPD must include the letter of discount. If the letter of discount is submitted separately, it must be put in a sealed envelope clearly marked “Letter of discount” (the method of sealing shall be determined by the bidder) as stipulated in Section 15b.2 and Section 15b.3 of the ITB. The letter of discount shall be kept by the Procuring entity as part of the Bid and shall be opened concurrently with the bidder's FPD. In the case of a discount, the bidder must clearly specify the contents and the method of the application of the discount to specific items stated in the FPD. If the method of the application of the discount is not clearly specified, it shall be understood that the discount is applied as a uniform percentage discount to all items stated in the FPD.</i></p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại BDL.</p>

	<i>The analysis of experts' remuneration shall be conducted as specified in the BDS.</i>
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán <i>Bid and payment currencies</i>	<p>13.1. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán phải giống nhau và theo quy định tại BDL. Một hạng mục công việc cụ thể thì được chào bằng một loại đồng tiền.</p> <p><i>The bid and payment currencies must be the same and shall be as specified in the BDS. The bid price for each specific work item shall be quoted in a single currency.</i></p> <p>13.2. Các chi phí trong nước phải chào thầu bằng đồng VND, các chi phí bên ngoài lãnh thổ Việt Nam liên quan đến việc thực hiện gói thầu được chào thầu bằng đồng tiền theo quy định tại Mục 13.1 CDNT</p> <p><i>Domestic costs must be quoted in VND, costs incurred outside the territory of Vietnam related to the performance of the bidding package shall be quoted in the currency as stipulated in Section 13.1 of the ITB</i></p>
14. Đề xuất kỹ thuật <i>Technical proposal</i>	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p><i>The technical proposal shall not contain any financial information. If the bidder's technical proposal includes any important financial information, the bidder shall be responsible for any disadvantages arising from the disclosure of such financial information (if any).</i></p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p><i>The bidder shall not propose alternative candidates for key personnel. For each key personnel position, only one curriculum vitae of an expert shall be proposed.</i></p>
15. Thời hạn có hiệu lực của HSDT <i>Validity period of the Bid</i>	<p>15.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại BDL.</p> <p><i>The validity of the Bid shall not be shorter than the period specified in the BDS.</i></p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.</p> <p><i>If necessary, prior to the expiry of the validity period of the Bid, the employer may request the bidders to extend the validity of their Bids. If the bidder declines such request, the bidders' Bids shall not be further</i></p>

	<p><i>evaluated. The bidder accepting the request to extend the validity of the Bid shall not be allowed to amend any content of its Bid. The request for extension and the acceptance or rejection shall be made in writing.</i></p>
<p>15a. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT <i>Format of the Bid and signing of the Bid</i></p>	<p>15a.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 01 bản gốc HSDXKT, 01 bản gốc HSDXTC theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDXKT, HSDXTC theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH”.</p> <p><i>The bidder must prepare the Bid, including 01 original of the TPD, 01 original of the FPD as stipulated in Section 10 of the ITB, and the number of copies of the TPD and FPD as specified in the BDS. The covers of the documents must be clearly marked as “THE ORIGINAL OF TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE ORIGINAL OF FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE COPY OF TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE COPY OF FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”.</i></p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ”.</p> <p><i>In the event of an amendment or replacement of the TPD and/or FPD, the bidder must prepare 01 original and the number of copies as specified in the BDS. The covers of documents must be clearly marked as “THE ORIGINAL OF AMENDED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE COPY OF AMENDED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE ORIGINAL OF AMENDED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE COPY OF AMENDED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE ORIGINAL OF REPLACED TECHNICAL PROPOSAL”, “THE COPY OF REPLACED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE ORIGINAL OF REPLACED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE COPY OF REPLACED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”.</i></p> <p>Trường hợp HSDT của nhà thầu bao gồm cả tài liệu, thông tin có tính chất bí mật đối với hoạt động của nhà thầu (như thông tin độc quyền, bí mật kinh doanh, thông tin nhạy cảm) thì nhà thầu phải đóng dấu “BẢO</p>

MẬT” đối với các tài liệu, thông tin này.

In case the bidder's Bid includes confidential documents and/or information regarding the bidder's business (such as proprietary information, trade secrets, or sensitive information), these documents and/or information shall be marked as "CONFIDENTIAL".

15a.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

The bidder shall be responsible for ensuring the consistency between the original and the copies. In the event of any discrepancy between the original and the copies that does not affect the ranking of the bidders, the original shall prevail for evaluation purposes. If a discrepancy between the original and the copies leads to an evaluation result on the original that differs from that on the copies, thereby altering the ranking of the bidders, the Bid of that bidder shall be disqualified.

15a.3. Bản gốc của HSDXKT, HSDXTC phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền) ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02b Chương IV hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

The original of the TPD and FPD must be typed or written with indelible ink, and pages must be numbered in consecutive order. The bid submission form, letter of discount (if any), supplementing and/or clarifying documents of the Bid, price tables, and other forms in Chapter IV must be signed and sealed (if any) by the lawful representative of the bidder (either the legal representative or the person authorized by the legal representative); in the case of authorization, a power of attorney according to Form No. 02b, Chapter IV must be included in, or a certified copy of the company's Charter, certified copy of the Branch establishment decision, or other documents proving the authority of the authorized person must be submitted together with the Bid.

15a.4. Đối với nhà thầu liên danh, HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành

	<p>viên liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh.</p> <p><i>For a consortium, the Bid must be signed by the lawful representatives of all consortium members or by the representative member of the consortium as per the consortium agreement. To ensure all consortium members are legally bound, the consortium agreement must be signed by the lawful representatives of all consortium members.</i></p> <p>15a.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p> <p><i>Any inserted, interlined, overwritten, or erased words shall be considered valid only if there is a signature of the person signing the bid submission form, either next to such words or on that page.</i></p>
<p>15b.Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT <i>Sealing and marking the outside of the Bid</i></p>	<p>15b.1. Túi đựng HSDXKT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDXKT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT”. Túi đựng HSDXTC bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDXTC, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH”.</p> <p><i>The TPD envelope containing the original and copies of the TPD must be clearly marked as “THE TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER”. The envelope containing the FPD, including the original and copies, must be clearly marked as “THE FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”.</i></p> <p>Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDXKT và túi đựng HSDXTC, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ”.</p> <p><i>In the event the bidder amends or replaces the TPD and/or FPD, the amended or replaced dossiers (including the original and copies) must be contained in separate envelopes, distinct from those containing the original of the TPD and FPD, with the outside clearly marked as “THE AMENDED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE REPLACED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE AMENDED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE REPLACED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”.</i></p> <p>Các túi đựng: HSDXKT, HSDXTC; HSDXKT sửa đổi, HSDXKT thay thế, HSDXTC sửa đổi, HSDXTC thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p><i>The envelopes of the: TPD, FPD; amended TPD, replaced TPD, amended FPD, and replaced FPD (if any)</i></p>

	<p><i>must be sealed. The sealing method shall shall be determined by the bidder.</i></p> <p>15b.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải: <i>The envelopes shall:</i></p> <p>a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu; <i>Bear the name and address of the bidder;</i></p> <p>Ghi tên và địa chỉ của người nhận là Bên mời thầu theo quy định tại Mục 16.1 CDNT; <i>Bear the name and address of the Procuring entity, as stipulated in Section 16.1 of the ITB;</i></p> <p>Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT; <i>Bear the name of the bidding package, as stipulated in Section 1.2 of the ITB;</i></p> <p>d) Ghi dòng chữ cảnh báo: “Không được mở trước thời điểm mở Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật” đối với túi đựng HSDXKT và túi đựng HSDXKT sửa đổi, HSDXKT thay thế (nếu có); “Không được mở trước thời điểm mở Hồ sơ đề xuất về tài chính” đối với túi đựng HSDXTC và túi đựng HSDXTC sửa đổi, HSDXTC thay thế (nếu có). <i>Bear the warning stating: “Do not open prior to the specified time and date for opening of the Technical proposal dossier” on the TPD envelope and on amended or replaced TPD envelopes (if any); “Do not open prior to the specified time and date for opening of the Financial proposal dossier” on the FPD envelope and on amended or replaced FPD envelopes (if any).</i></p> <p>15b.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo quy định tại Mục 15b.1 và Mục 15b.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên. <i>The bidder shall be responsible for any consequences or disadvantages if it fails to comply with the provisions of this BD, such as failure to seal or loss of the seal on the Bid during the delivery to the Procuring entity, or failure to bear the required information on the Bid envelope as stipulated in Section 15b.1 and Section 15b.2 of the ITB. The Procuring entity shall not be responsible for the confidentiality of the Bid if the bidder fails to comply with the above requirements.</i></p>
<p>16. Thời điểm đóng</p>	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMT. Nhà thầu nộp HSDT theo quy định tại BDL và phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu.</p>

<p>thầu <i>Bid closing time</i></p>	<p><i>The bid closing time shall be the time specified in the Invitation for Bids. The bidder shall submit the Bid in accordance with the provisions of the BDS and shall ensure that it is received by the Procuring prior to the bid closing time.</i></p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p><i>The employer may extend the bid closing time by amending the Invitation for Bids. In the event that the bid closing time is extended, all responsibilities of the employer and the bidders with respect to the previous bid closing time shall be amended according to the new extended bid closing time.</i></p>
<p>16a. HSDT nộp muộn <i>Late Bids</i></p>	<p>HSDT được gửi đến Bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ và bị loại. Bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung HSDT đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.4 CDNT</p> <p><i>Any Bid received by the Procuring entity after the bid closing time shall be unopened, invalid, and disqualified. Any documents submitted by the bidder after the bid closing time for the purpose of amending or supplementing the submitted Bid shall be invalid, except for the documents submitted by the bidder for clarification of the Bid at the request of the Procuring entity or clarifying or supplementing documents to evidence the eligibility, capacity and experience of the bidder as stipulated in Section 23.1 and Section 23.4 of the ITB</i></p>
<p>17. Nộp, rút và sửa đổi HSDT <i>Submission, withdrawal, and amendment of the Bid</i></p>	<p>17.1. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 15a.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p><i>After submitting the Bid, the bidder may amend, replace, or withdraw the Bid by submitting a written notice signed by the bidder's the lawful representative; in case of authorization, a power of attorney as stipulated in Section 15a.3 of the ITB shall be included. The amendment or replacement of the Bid must be submitted with the corresponding written notice and must ensure the following conditions:</i></p>

	<p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 15a và Mục 15b CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT” hoặc “SỬA ĐỔI HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH” hoặc “THAY THẾ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT” hoặc “THAY THẾ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH” hoặc “RÚT HỒ SƠ DỰ THẦU”;</p> <p><i>It is prepared and submitted by the bidder to the Procuring entity as stipulated in Section 15a and Section 15b of the ITB, the envelope containing the notice shall be clearly marked as “THE AMENDED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER” or “THE AMENDED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER” or “THE REPLACED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER” or “THE REPLACED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER” or “WITHDRAWAL OF THE BID SUBMISSION DOCUMENT”;</i></p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 CDNT. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù hợp với HSMT đã được sửa đổi.</p> <p><i>It is received by the Procuring entity prior to the bid closing time as stipulated in Section 16.1 of the ITB. In the event that the bidder has submitted the Bid prior to any amendments of the BD by the Employer (if any), the bidder must submit a new Bid in compliance with the amended BD.</i></p> <p>17.2. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 17.1 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p><i>The Bid requested to be withdrawn by the bidder as stipulated in Section 17.1 of the ITB shall be returned in its original condition to that bidder.</i></p> <p>17.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu</p> <p><i>The bidder shall not be permitted to amend, replace, or withdraw the Bid after the bid closing time.</i></p>
<p>18. Mở HSDXKT <i>Opening of the TPD</i></p>	<p>18.1. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp HSDT, chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu (hủy TBMT này và đăng tải TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p><i>In the event that there are 01 or 02 bidders submitting their Bids, the employer shall consider and handle the situation in accordance with Clause 5, Article 140 of Decree No. 214/2025/ND-CP. If no bidder submits a Bid, the employer shall consider extending the bid closing time or reorganizing the bidder selection process</i></p>

(canceling this Invitation for Bids and posting a new Invitation for Bids) in accordance with the provisions specified in Clause 4, Article 140 of Decree No. 214/2025/ND-CP.

Trừ trường hợp quy định tại Mục 16a và Mục 17 CDNT, Chủ đầu tư phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT của tất cả HSDXKT thuộc HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDXKT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT.

Việc mở HSDXKT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.

Except for cases stipulated in Section 16a and Section 17 of the ITB, the Employer shall publicly open and clearly read out the information as stipulated in point b, Section 18.5 of the ITB for all TPDs of Bids received prior to the bid closing time. The opening of the TPD must be conducted publicly, on the date, time and place as specified in the BDS, in the presence of the bidders' representatives attending the TPD opening ceremony.

The opening of the TPD shall not depend on the presence or absence of the bidder's representative.

18.2. Trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HỒ SƠ DỰ THẦU”; túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT nếu văn bản thông báo rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc các văn bản này không được công khai trong lễ mở HSDXKT. Trong trường hợp này, HSDXKT vẫn được mở theo quy định tại Mục 18.5 CDNT.

Firstly, the Procuring entity shall open and clearly read out the information in the envelope containing the notice marked on the outside as “WITHDRAWAL OF THE BID SUBMISSION DOCUMENT”; the corresponding Bid envelope of the bidder shall not be opened and returned to the bidder in its original condition. The Procuring entity shall not accept the bidder's request to withdraw the Bid if the Bid withdrawal notice is not accompanied by documents evidencing that the signing person is the bidder's lawful representative or if these documents are not disclosed publicly during the TPD opening ceremony. In this case, the TPD shall still be opened as stipulated in Section 18.5 of the ITB.

18.3. Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT” và HSDXKT thay thế này sẽ được thay cho HSDXKT bị thay thế. HSDXKT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp thuận cho nhà thầu thay thế HSDXKT nếu văn bản thông báo thay thế HSDXKT

không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc các văn bản này không được công khai trong lễ mở HSDXKT. Trong trường hợp này, HSDXKT bị thay thế vẫn được mở theo quy định tại Mục 18.5 CDNT.

Next, the Procuring entity shall open and clearly read out the information in the envelope containing the notice marked on the outside as "THE REPLACED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER" and exchange it with the corresponding TPD being replaced. The TPD being replaced shall not be opened and returned to the bidder in its original condition. The Procuring entity shall not accept the bidder's request to replace the TPD if the corresponding TPD replacement notice is not accompanied by documents evidencing that the signing person is the bidder's lawful representative or if these documents are not disclosed publicly during the TPD opening ceremony. In this case, the replaced TPD shall still be opened as stipulated in Section 18.5 of the ITB.

18.4. Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ "SỬA ĐỔI HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT" cùng với HSDXKT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDXKT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc văn bản này không được công khai trong lễ mở HSDXKT.

Next, the Procuring entity shall open and clearly read out the information in the envelope containing the notice marked on the outside as "THE AMENDED TECHNICAL PROPOSAL DOSSIER" with the corresponding amended TPD. The Procuring entity shall not accept the bidder's request to amend the TPD if the corresponding TPD amendment notice is not accompanied by documents evidencing that the signing person is the bidder's lawful representative or if these documents are not disclosed publicly during the TPD opening ceremony.

18.5. Việc mở HSDXKT được thực hiện đối với từng HSDXKT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

The opening of the TPD shall be conducted for each TPD in alphabetical order of the bidders' names and in the following order:

a) Kiểm tra niêm phong;

Checking the seal:

b) Mở bản gốc HSDXKT, HSDXKT sửa đổi (nếu có), HSDXKT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu các thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp HSDXKT, đơn dự thầu thuộc HSDXKT, thời gian có hiệu lực của HSDXKT, thời gian thực hiện gói thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ

có các HSDXKT được mở và đọc trong lễ mở HSDXKT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

Opening the original of the TPD, the amended TPD (if any), or the replaced TPD (if any), and clearly read out at a minimum the following information: the bidder's name, the number of originals and copies of the TPD, the bid form included in the TPD, the validity period of the TPD, implementation period of the bidding package, and other information as the Procuring entity may consider necessary. Only the TPDs that are opened and read out during the TPD opening ceremony shall be further considered and evaluated;

c) Đại diện của Bên mời thầu ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu thuộc HSDXKT, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thoả thuận liên danh (nếu có); các nội dung quan trọng của từng HSDXKT. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở HSDXKT, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 16a CDNT;

The representative of the Procuring entity shall sign for confirmation on the original Bid submission form included in the TPD, the power of attorney of the bidder's legal representative (if any); the consortium agreement (if any); and important contents of each TPD. The Procuring entity shall not disqualify any Bid while opening the TPD, except for late-submitted Bids as stipulated in Section 16a of the ITB;

d) Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự mở HSDXKT niêm phong các túi hồ sơ bên ngoài ghi "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ"; cách niêm phong do Bên mời thầu và các nhà thầu thống nhất. Sau khi niêm phong, Bên mời thầu có trách nhiệm bảo quản các túi hồ sơ nêu trên theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi mở HSDXTC theo quy định tại Mục 20 CDNT.

The Procuring entity and the bidders participating in the opening of TPD shall seal the envelopes marked on the outside as "FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER", "THE AMENDED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER", "THE REPLACED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER"; the method of sealing shall be mutually agreed upon between the Procuring entity and the bidders. After being sealed, the Procuring entity shall be responsible for safeguarding the above-mentioned sealed envelopes in accordance with the regulations on the management of confidential documents until the opening of the FPD as stipulated in Section 20 of the ITB.

18.6. Bên mời thầu lập biên bản mở HSDXKT trong đó bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và b Mục 18.5 CDNT. Biên bản mở HSDXKT phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDXKT sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu và được đăng tải trên Hệ thống mạng trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở HSDXKT.

	<p><i>The Procuring entity shall prepare minutes of the TPD opening, which shall include the information specified in point a and point b, Section 18.5 of the ITB. The minutes of the TPD opening must be signed for confirmation by the representatives of the Procuring entity and the bidder(s) attending the TPD opening ceremony. The absence of a bidder's signature on the minutes shall not invalidate the meaning or effectiveness of the minutes. The minutes of the TPD opening shall be sent to all participating bidders and published on the System within 24 hours from the time of the TPD opening.</i></p>
<p>19. Đánh giá HSĐXKT <i>Evaluation of the TPD</i></p>	<p>19.1. Tổ chuyên gia áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá các HSĐXKT. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p><i>The panel of experts shall apply the evaluation criteria listed in this Section and the evaluation method specified in the BDS to evaluate the TPDs. No other evaluation criteria or methods shall be used.</i></p> <p>19.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT:</p> <p><i>Examination and evaluation of the eligibility of the TPD:</i></p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III; <i>The examination and evaluation of the eligibility of the TPD shall be as stipulated in Section 1, Chapter III;</i></p> <p>b) Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <i>Only the bidders that are evaluated as compliant with all contents on eligibility shall be further considered in the technical evaluation.</i></p> <p>19.3. Đánh giá về kỹ thuật:</p> <p><i>The technical evaluation:</i></p> <p>a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III; <i>The technical evaluation shall be conducted in accordance with the evaluation criteria stipulated in Section 2, Chapter III;</i></p> <p>b) Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, hồ sơ dự thầu chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu thì không đáp ứng về kỹ thuật; <i>For any key personnel position, if the bid submission document proposes a number of personnel exceeding or fewer than that required in the bidding documents, it shall be deemed technically non-compliant;</i></p>

	<p>c) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 CDNT. Nhà thầu có HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở HSDXTC để đánh giá.</p> <p><i>The bidder who meets the technical requirements shall have its FPD opened for evaluation as stipulated in Section 20 and Section 21 of the ITB. The bidder whose TPD does not meet the requirements shall not have its FPD opened for evaluation.</i></p> <p>19.4. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được Chủ đầu tư phê duyệt bằng văn bản và được đăng tải trên Hệ thống mạng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh sách này. Chủ đầu tư thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng và nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, nêu rõ lý do không đáp ứng và mời tất cả các nhà thầu tham dự thầu đến mở HSDXTC</p> <p><i>The list of bidders meeting the technical requirements shall be approved in writing by the Employer and posted on the System within 05 working days from the date of such approval. The Employer shall notify the list of technically qualified and non-qualified bidders, clearly stating the reasons for non-qualification, and invite all bidders participating in the bidding to attend the FPD opening</i></p>
<p>20. Mở HSDXTC <i>Opening of the FPD</i></p>	<p>20.1. Việc mở HSDXTC được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm nêu trong văn bản thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC. Việc mở HSDXTC không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện các nhà thầu.</p> <p><i>The FPD opening shall be conducted publicly, on the date, time, and place specified in the written notice announcing the list of bidders whose technical requirements were considered compliant, in the presence of the bidders' representatives attending the FPD opening ceremony. The opening of the FPD shall not depend on the presence or absence of the bidders' representatives.</i></p> <p>20.2. Tại lễ mở HSDXTC, Chủ đầu tư công khai văn bản phê duyệt danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, sau đó tiến hành kiểm tra niêm phong của túi hồ sơ bên ngoài có ghi “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ”.</p> <p><i>At the FPD opening ceremony, the Employer shall publicly announce the written approval of the list of bidders whose technical requirements were considered qualified and examine the seals of the envelopes marked “THE FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE AMENDED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”, “THE REPLACED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER”.</i></p> <p>20.3. Tổ chuyên gia sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ</p>

“THAY THẾ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH” và HSDXTC thay thế này sẽ được thay cho HSDXTC bị thay thế. HSDXTC bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDXTC nếu văn bản thông báo thay thế HSDXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc các văn bản này không được công khai trong lễ mở HSDXTC. Trong trường hợp này, HSDXTC bị thay thế vẫn được mở theo quy định tại Mục 20.5 CDNT.

The panel of experts shall open and clearly read out the information in the envelope containing the notice marked on the outside as “THE REPLACED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER” and exchange it with the corresponding FPD being replaced. The FPD being replaced shall not be opened and returned to the bidder in its original condition. The Employer shall not accept the bidder’s request to replace the FPD if the corresponding FPD replacement notice is not accompanied by documents evidencing that the signing person is the bidder’s lawful representative, or if these documents are not disclosed publicly during the FPD opening ceremony. In this case, the replaced FPD shall still be opened as stipulated in Section 20.5 of the ITB.

20.4. Tiếp theo, Tổ chuyên gia sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “SỬA ĐỔI HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH” cùng với HSDXTC sửa đổi tương ứng. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDXTC nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc văn bản này không được công khai trong lễ mở HSDXTC.

Next, the Panel of experts shall open and clearly read out the information in the envelope containing the notice marked on the outside as “THE AMENDED FINANCIAL PROPOSAL DOSSIER” with the corresponding amended FPD. The Employer shall not accept the bidder’s request to amend the FPD if the corresponding FPD amendment notice is not accompanied by documents evidencing that the signing person is the bidder’s lawful representative, or if these documents are not disclosed publicly during the FPD opening ceremony.

20.5. Việc mở HSDXTC được thực hiện đối với từng HSDXTC theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây:

The opening of the FPD shall be conducted for each FPD in alphabetical order of the bidders' names and in the following order:

a) Kiểm tra niêm phong;

Checking the seal;

b) Đọc điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

Reading out the technical scores of the Bids that have been evaluated as technically qualified;

c) Mở bản gốc HSDXTC, HSDXTC sửa đổi (nếu có), HSDXTC thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu các thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp HSDXTC, đơn dự thầu thuộc HSDXTC, thời gian có hiệu lực của HSDXTC, giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC, giá trị giảm giá (nếu có) và các thông tin khác mà Tổ chuyên gia thấy cần thiết. Chỉ có các HSDXTC được mở và đọc tại lễ mở HSDXTC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở HSDXTC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

Opening the original of the FPD, the amended FPD (if any), or the replaced FPD (if any), and clearly read out at a minimum the following information: the bidder's name, the number of originals and copies of the FPD, the bid form included in the FPD, the validity period of the FPD, the bid price in the bid submission form included the FPD, the discount value (if any) and other information as the Panel of experts may consider necessary. Only the FPDs that are opened and read out during the FPD opening ceremony shall be further considered and evaluated. Only the information on discounts that are read out during the FPD opening ceremony shall be further considered and evaluated;

d) Đại diện của Chủ đầu tư ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSDXTC. Tổ chuyên gia không được loại bỏ bất kỳ HSDXTC nào của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi mở HSDXTC.

The Employer's representative shall sign for confirmation on all pages of the original of the FPD. The Panel of experts shall not disqualify any bidders' FPDs whose technical requirements have been considered qualified during the FPD opening.

20.6. Tổ chuyên gia lập biên bản mở HSDXTC trong đó bao gồm các thông tin quy định tại điểm a, b và c Mục 20.5 CDNT. Biên bản mở HSDXTC phải được ký xác nhận bởi đại diện Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý

	<p>nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDXTC sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được đăng tải trên Hệ thống mạng trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở HSDXTC</p> <p><i>The Panel of experts shall prepare minutes of the FPD opening, which shall include the information specified in point a, point b, and point c of Section 20.5 of the ITB. The minutes of the FPD opening must be signed for confirmation by the representatives of the Employer and the bidder(s) attending the FPD opening ceremony. The absence of a bidder's signature on the minutes does not invalidate the meaning or effectiveness of the minutes. The minutes of the FPD opening shall be sent to all bidders whose technical requirements have been considered qualified and published on the System within 24 hours from the time of the FPD opening</i></p>
<p>21. Đánh giá HSDXTC và xếp hạng nhà thầu <i>Evaluation of FPD and ranking of the bidders</i></p>	<p>21.1 Tổ chuyên gia sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại Mục 19 CDNT để xếp hạng nhà thầu đánh giá các HSDXTC. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay thầu phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p><i>The Panel of experts shall apply the evaluation criteria listed in this Section and the evaluation method as stipulated in Section 19 of the ITB to rank and evaluate the FPDs. No other evaluation criteria or methods shall be used.</i></p> <p>21.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC:</p> <p><i>The examination and evaluation of the eligibility of the FPD:</i></p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương III; <i>The examination and evaluation of the eligibility of the FPD as stipulated in Section 3, Chapter III;</i></p> <p>b) Nhà thầu có HSDXTC hợp lệ được xem xét, đánh giá chi tiết HSDXTC và xếp hạng nhà thầu. <i>Bidders with eligible FPDs shall have their FPDs further considered and evaluated in detail and ranked.</i></p> <p>21.3. Đánh giá chi tiết HSDXTC và xếp hạng nhà thầu:</p> <p><i>Detailed evaluation of the FPD and ranking of the bidders:</i></p> <p>a) Việc đánh giá chi tiết HSDXTC thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III; <i>The detailed evaluation of the FPD shall be conducted as stipulated in Section 4, Chapter III;</i></p> <p>b) Sau khi đánh giá chi tiết HSDXTC, Tổ chuyên gia lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời</p>

	<p>nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu</p> <p><i>After the detailed evaluation of the FPDs, the Panel of experts shall prepare a ranking list of bidders. The ranking of the bidders shall be conducted in accordance with the provisions specified in the BDS. The first-ranked bidder shall be invited to contract negotiation as stipulated in Section 27 of the ITB. In the event that the contract negotiation is unsuccessful, the employer shall consider and decide to invite the next-ranked bidder to the contract negotiation. If only one bidder passes the price evaluation, the bidder ranking shall not be required.</i></p>
<p>22. Bảo mật <i>Confidentiality</i></p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p><i>Information relating to the Bid evaluation and the recommendation of contract award must be kept confidential and shall not be disclosed to any bidders or any other persons not officially involved in the bidder selection process until the bidder selection results are publicly disclosed. The information contained in one bidder's Bid, under no circumstances, shall to be disclosed to another bidder, except for information publicly disclosed in the minutes of the bid opening.</i></p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p><i>Except for the clarification of the Bid, document verification and contract negotiation, the bidder shall not be permitted to contact the employer or the member of the panel of experts regarding matters related to their Bids or any other matters related to the bidding package during the period from bid opening until the public disclosure of the bidder selection results.</i></p>
<p>23. Làm rõ HSDT <i>Clarification of the Bid</i></p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong</p>

HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu (trừ trường hợp nhà thầu xác nhận việc sửa lỗi số học đối với HSDT của mình do Bên mời thầu thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT). Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDT bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc thư điện tử.

After bid opening, the bidder shall be responsible for clarifying the Bid upon request of the employer, including matters related to eligibility, capacity, experience, tax declaration and payment obligations, and documents concerning specific personnel proposed in the bidder's Bid. For matters related to eligibility, such clarification must ensure the principle of not altering the fundamental nature of the participating bidder. For other matters concerning the validity of the Bid (excluding eligibility), technical and financial proposals, the clarification must comply with the principle of not changing the essential contents of the submitted Bid and not modifying the bid price (except in cases where the bidder confirms the correction of arithmetic errors in its Bid as made by the Employer during the Bid evaluation process). The bidder must notify the Procuring entity of the receipt of the request for Bid clarification by one of the following means: direct submission, postal mail, fax, or email.

23.2. Việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện bằng văn bản. Các tài liệu không liên quan đến nội dung yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu sẽ không được xem xét, đánh giá, trừ các tài liệu tự làm rõ theo quy định tại Mục 23.4 CDNT.

The Bid clarification between the bidder and the Procuring entity shall be made in writing. Any documents unrelated to the Procuring entity's content of clarification request shall not be considered or evaluated, except for self-clarification documents as stipulated in Section 23.4 of the ITB.

23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu



câu làm rõ của chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.

The clarification of the Bid shall be conducted only between the employer and the bidder whose Bid requires clarification. For clarification that directly affects the evaluation of eligibility, technical or financial evaluation, if the bidder fails to provide clarification within the specified period or provides clarification that does not meet the employer's requirements, the Employer shall evaluate the bidder's Bid based on the Bid submitted prior to the bid closing time. The Employer must provide the bidder with a reasonable period, which shall not be less than 03 working days, to clarify the Bid

23.4. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.

In cases where the BD requires commitments or framework agreements related to equipment rental, warranty, or maintenance, but the Bid does not include such documents, the employer shall request the bidder to clarify the Bid and supplement the required documents within an appropriate period, which shall not be less than 03 working days, as a basis for evaluating the Bid.

23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu.

The bidder shall not clarify the Bid on its own initiative after the bid closing time.

23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.

If there are discrepancies or unclear contents in the Bid, the employer shall request clarification from the bidder in compliance with the provisions specified in Section 23.1 of the ITB.

23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

If there are doubts about the authenticity of the documents provided by the bidder, the employer may verify with relevant organizations or individuals related to the contents of the documents.

<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian <i>Deviation adjustment for time-based contracts</i></p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong HSMT.</p> <p><i>Deviation adjustment does not apply to lump-sum contracts, fixed unit-price contracts, or adjustable unit-price contracts. The bid price proposed by the bidder in the bid form included in the FPD shall be considered to include all necessary costs for the implementation of the bidding package according to the scope of work specified in the BD.</i></p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p> <p><i>For time-based contracts, in the event of discrepancies between the technical proposal and the financial proposal regarding the number of personnel involved in implementing the bidding package, the number of working days, quantities in each cost item excluding salaries, and quantities of other input factors specified in the technical and financial proposals, the quantities specified in the technical proposal shall serve as the basis for error correction and adjustment of deviations. Such adjustments shall be made based on the quantities and volumes specified in the technical proposal combined with the unit prices specified in the financial proposal.</i></p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu <i>Incentives in bidder selection</i></p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p><i>In the event that, after evaluation, multiple bidders are evaluated equally as the best, the selection shall be conducted in accordance with the following priority order until a winning bidder is determined:</i></p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p><i>Award the contract to small and medium enterprises owned by women in accordance with the provisions of the law on supporting small and medium enterprises (if any);</i></p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa</p>

kỹ thuật và giá;

Award the contract to the bidder with the higher technical score; award the contract to the bidder with the lower bid price after adjustment for deviations (if any), and after deduction of the value of discounts (if any) for bidding packages applying the combined technical and price evaluation method;

c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;

Award the contract to the bidder whose headquarters are located in the locality where the bidding package is implemented;

d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

Award the contract to the bidder who employs a greater number of workers who are war invalids or persons with disabilities having labor contracts with a term of 03 months or more and remaining valid at the bid closing time;

đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

Award the contract to the bidder who employs a greater number of ethnic minority workers having labor contracts with a term of 03 months or more and remaining valid at the bid closing time;

e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;

Award the contract to the bidder who employs a greater number of female workers having labor contracts with a term of 03 months or more and remaining valid at the bid closing time;

g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Allow these bidders to re-quote their bid prices to select the bidder with the lowest offered price. Bidders are not permitted to quote prices higher than their bid prices after adjustment for deviations, and after deduction of the value of discounts (if any). The bid re-quotation shall be conducted in accordance with point a, Clause 8, Article 140 of Decree No. 214/2025/ND-CP;

h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá

	<p>cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p><i>Invite these bidders to participate in online bidding using the simplified procedure. Bidders are not permitted to quote prices higher than their bid prices after error correction and adjustment for deviations, and after deduction of the value of discounts (if any).</i></p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong HSDT.</p> <p><i>In the event that the bidder is eligible for incentives specified in Section 25.1 of the ITB, the bidder must include supporting documents in its Bid.</i></p>
<p>26. Nhà thầu phụ <i>Subcontractor</i></p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p><i>A subcontractor is an organization or individual signing a contract with the bidder to participate in one or more work items of the bidding package. The bidder must provide a declaration of the subcontractors and their work items in accordance with Form No. 10 in Chapter IV. In the event that the subcontractors have not been identified at the bidding time, the tentative work items to be done by the subcontractors must be declared.</i></p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p><i>The use of a subcontractor shall not change the bidder's obligations. The bidder shall be responsible for the quantity, quality, progress, and other obligations concerning the task implemented by the subcontractor. The capacity and experience of the subcontractor shall not be considered during the evaluation of the bidder's Bid. The bidders themselves must meet capacity and experience criteria (without considering the capacity and experience of the subcontractor(s)). The bidder shall be permitted to sign contracts with subcontractors listed in the Bid or with subcontractors approved by the employer for the bidding package implementation.</i></p>

	<p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại BDS. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p><i>The bidder shall only use subcontractors to implement work with the total value for subcontractors not exceed the percentage (%) of the bidder's bid price in accordance with the provisions specified in the BDS. In the case of a consortium, each member of the consortium shall only be permitted to subcontract a percentage not exceeding the limit specified in this Section, based on the value of the portion of work that the member is responsible for as specified in the consortium agreement.</i></p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p><i>The bidder that engages in the act of transferring the awarded contract in accordance with clause 8, Article 16 of the Law on Bidding, shall be prohibited from participating in bidding activities in accordance with point b, clause 1, Article 133 of Decree No. 214/2025/ND-CP.</i></p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định HSMQT, HSMT; đánh giá HSQT, HSĐT; thẩm định kết quả mời quan tâm (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p> <p><i>The bidder shall not engage any subcontractor that has participated in providing consulting services for the same bidding package, including: preparation and appraisal of Invitation for Expressions of Interest, BD; evaluation of Expressions of Interest Document, Bid; appraisal of the results of the invitation for expressions of interest (if any), bidder selection results; project management consulting, contract management consulting, or other consulting services that include tasks directly related to the bidding package.</i></p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng <i>Document verification and contract negotiation</i></p>	<p>27.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p><i>The contract negotiation shall be based on the following:</i></p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSĐT; <i>Bid evaluation report;</i></p> <p>b) HSĐT và các tài liệu làm rõ HSĐT (nếu có) của nhà thầu;</p>

The bidder's Bid and any clarifying documents to the Bid (if any);

c) HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có).

The BD, including the general conditions and specific conditions of the contract, and any clarifying or modifying documents to the BD (if any).

27.2. Nội dung thương thảo hợp đồng:

The contents of the contract negotiation:

a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;

The contract negotiation includes discussion about the terms of reference, the proposed methodology, specific conditions of the contract, and finalization of the “Description of services” section of the contract, provided that no substantial changes are made to the original scope of services according to the terms of reference or contract provisions;

b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;

Work plan and personnel arrangement;

c) Tiến độ;

Progress;

d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);

Personnel substitution (if any);

đ) Bố trí điều kiện làm việc;

Arrangement of working conditions;

e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

Negotiation on consulting service fees shall be based on compliance with the requirements of the bidding package and practical conditions, including the clarification of the bidder's tax liability incurred in accordance with the provisions of the law on tax (if any), tax payment method (the bidder pays directly or the employer retains an equivalent amount of tax to pay on behalf of the bidder in accordance with the provisions of the current law), the tax payment amount, and other issues related to tax obligation, all of which must be specified in the contract;

g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

Negotiation of matters that arise during the bidder selection process (if any) to finalize the detailed contents of the bidding package;

h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Negotiation on other necessary contents.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

During negotiation, the bidder shall not be permitted to change the personnel proposed in the Bid, except in the case where the Bid evaluation period is extended beyond the expected time in the bidder selection plan, or due to force majeure where the bidder's proposed key personnel cannot participate in contract performance. In this case, the bidder shall be permitted to change the personnel but the bidder must ensure the replaced personnel have equivalent or higher qualifications, experience, and capabilities than the original personnel, and the bidder shall not change its bid price.

27.3. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; ĐKCT của hợp đồng.

During the contract negotiation, the parties shall negotiate to finalize the draft contract documents and the SC of the contract.

	<p>27.4. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 CDNT.</p> <p><i>In the event that the negotiation is unsuccessful, the employer shall consider and decide to invite the next-ranked bidder for negotiation; if the negotiation with the next-ranked bidder is also unsuccessful, the employer shall consider and decide to cancel the bidding as stipulated in point a of Section 29.1 of the ITB.</i></p> <p>27.5. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư, chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p><i>In case of objective reasons or force majeure preventing the bidder from attending the contract negotiation directly with the employer, the employer may consider conducting negotiation online.</i></p> <p>27.6. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của chủ đầu tư. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p><i>The Employer shall send a notice of contract negotiation and document verification to the bidder. Such notice must clearly specify the location and time for negotiation and document verification to ensure that the bidder has sufficient time to prepare and attend as requested by the employer. In the event that objective reasons or force majeure prevent the bidder from attending the contract negotiation directly with the Employer, the Employer may consider conducting the negotiation online.</i></p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu <i>Conditions for winning bid</i></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: <i>The bidder shall be considered and proposed for the winning bid if it fully meets the following conditions:</i></p> <p>28.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; <i>Having a valid Bid as stipulated in Section 1, Chapter III;</i></p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; <i>Having a technical proposal that meets the requirements as stipulated in Section 2, Chapter III;</i></p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá; <i>Having the lowest bid price under the lowest price method; having the highest technical score under</i></p>

	<p><i>the technical-based method; having the highest combined score under the combined technical and price method;</i></p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại BDL.</p> <p><i>Having a proposed bid price not exceeding the bidding package price, which is used as the basis for winning the bid, as specified in the BDS.</i></p>
<p>29. Hủy thầu <i>Cancellation of the bidding process</i></p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p><i>Events of bidding process cancellation include:</i></p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT; <i>All submitted Bids fail to meet the requirements of the BD;</i></p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMT; <i>There are changes in the objectives and scope of investment in the approved investment decision for the project, or changes in the objectives and scope of procurement in the procurement estimate due to reorganization of administrative units, government organization restructuring, and other force majeure events that affect the volume of work and evaluation criteria specified in the BD;</i></p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; <i>The BD fails to comply with the provisions of the Law on Bidding or other relevant provisions of the law, resulting in the selected bidder being unable to meet the requirements for implementation of the bidding package;</i></p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; <i>Organizations or individuals other than the winning bidder commit prohibited acts as stipulated in Article 16 of the Law on Bidding, resulting in distortion of the bidder selection results;</i></p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu. <i>Bid cancellation in accordance with clause 5, Article 42 of the Law on Bidding.</i></p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và</p>

	<p>d Mục 29.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p><i>Organizations or individuals who violate the law on bidding, resulting in bidding process cancellation in accordance with the provisions specified in points c and d of Section 29.1 of the ITB, must compensate related parties for incurred costs and shall be subject to penalties in accordance with the provisions of the law.</i></p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu <i>Notice of bidder selection result</i></p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p><i>The Employer shall publish the notice of bidder selection result on the System together with the Bid evaluation report within 05 working days from the date on which the bidder selection result is approved. The content of the notice of bidder selection results includes:</i></p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <p><i>Bidding package information:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số TBMT; <i>Invitation for Bids number;</i> - Tên gói thầu; <i>Name of the bidding package;</i> - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); <i>Approved bidding package price or cost estimate (if any);</i> - Tên chủ đầu tư; <i>Name of the employer;</i> - Hình thức lựa chọn nhà thầu; <i>Bidder selection method;</i> - Loại hợp đồng; <i>The type of contract;</i> - Thời gian thực hiện gói thầu. <i>The implementation period of the bidding package.</i> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <p><i>Information of the winning bidder:</i></p>

- Mã số thuế;
Tax code;
 - Tên nhà thầu;
Name of the bidder;
 - Giá dự thầu;
Bid price;
 - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
Bid price after discount (if any);
 - Điểm kỹ thuật;
Technical score;
 - Giá trúng thầu;
The winning bid price;
 - Thời gian thực hiện gói thầu;
The implementation period of the bidding package;
 - Thời gian thực hiện hợp đồng.
The contract performance period.
- c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.
List of unselected bidders and a summary of the reasons for each bidder's non-selection.

30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

In the event that there is a request for a specific explanation for a bidder not winning the bid, the bidder shall submit a request via the System or meet directly with the employer. The Employer shall be responsible for responding to the bidder's request within 02 working days from the date of receipt of the bidder's request.

30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.

In case of bid cancellation as stipulated in point a of Section 29.1 of the ITB, the reason for the cancellation must be clearly specified in the notice of the bidder selection result and on the System.

<p>31. Tùy chọn mua thêm <i>Option for additional purchase</i></p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> <p><i>Prior to the expiration of the contract, the employer shall negotiate with the contractor to purchase additional service volume for the package in addition to the volume stipulated in Chapter IV, provided that it does not exceed the percentage as specified in the BDS and complies with the provisions of clause 8, Article 39 of the Law on Bidding. The additional work must be similar to that specified in the signed contract and shall already have unit prices. This additional service volume shall not be used to evaluate the bidder's capacity or experience. For the consortium, the distribution of responsibilities for implementing the additional task under the additional purchase option shall follow the assignment of work agreed upon in the signed contract, unless otherwise agreed by the parties.</i></p>
<p>32. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng <i>Notice of Bid acceptance and contract award</i></p>	<p>Sau khi đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p> <p><i>After publishing the notice of bidder selection result, the employer shall send a notice of Bid acceptance and contract award to the winning bidder, including the period for finalizing and signing the contract as specified in Form No. 17, Chapter VIII. The notice of Bid acceptance and contract award shall be part of the contract documents. In the event that the winning bidder fails to finalize and sign the contract within the period specified in the notice of Bid acceptance and contract award, the bidder shall be disqualified. The period specified in the notice of Bid acceptance and contract award shall be calculated from the date on which the employer sends such notice to the winning bidder.</i></p>

33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

The finalization and signing of the contract

Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:

The finalization and signing of the contract shall be conducted as follows:

33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:

The finalization of the contract for signing shall be based on the following:

a) Dự thảo hợp đồng;

The draft contract;

b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu (nếu có);

Contents to be finalized between the employer and the winning bidder (if any);

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;

The approved bidder selection result;

d) Biên bản thương thảo hợp đồng;

The minutes of contract negotiation;

đ) Các nội dung nêu trong HSĐT và văn bản giải thích làm rõ HSĐT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

The contents specified in the Bid and the documents clarifying the Bid submitted by the winning bidder (if any);

e) Các yêu cầu nêu trong HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có).

The requirements specified in the BD and the documents clarifying and amending the BD (if any).

33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại **BDL**, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực HSĐT, nếu cần thiết.

*After receiving the notice of winning the bid, within the period as specified in the **BDS**, the parties shall proceed to finalize and sign the contract. If the above-mentioned period expires and the bidder refuses to finalize and sign the contract, the employer shall consider and decide to cancel the previous bidder selection result and decide to invite the next-ranked bidder to negotiate the contract as stipulated in Section 27 of the ITB. In this case, the employer may require the bidder to extend the validity of the Bid, if necessary.*

	<p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p><i>If the winning bidder refuses to finalize and sign the contract without a legitimate reason, the employer shall publish information on the violating bidder on the System to serve as a basis for employers to evaluate the bidder's credibility in subsequent bidding processes.</i></p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p><i>After the contract is finalized, the employer and bidder shall sign the contract. At the time of signing the contract, the Bid of the selected bidder shall remain valid.</i></p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu <i>Settlement of petitions in bidding</i></p>	<p>34.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <p><i>For the bidding packages falling under the scope of application of the Law on Bidding</i></p> <p>a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p><i>Where legitimate rights and interests are affected, bidders, authorities, or organizations are entitled to submit petitions to Petition settlement council, competent persons or the employer to re-review matters arising during the bidder selection process and the bidder selection result in accordance with Article 89 of the Law on Bidding and Articles 137, 138 and 139 of Decree No. 214/2025/ND-CP.</i></p> <p>b) Trường hợp kiến nghị lên chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.</p> <p><i>In the event that a petition is submitted to the employer, bidders, authorities, or organizations shall submit the petitions directly through the System. In of the event that a petition is submitted to the Petition settlement council or the competent person, bidders shall submit the petition to the address specified in the BDS.</i></p> <p>34.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện Theo quy</p>

định tại **BDL**.

*For bidder selection activities in accordance with point d, clause 7, Article 3 of the Law on Bidding, or for bidder selection activities not falling under the scope of application of the Law on Bidding, the settlement of petitions shall be conducted with the provisions specified in the **BDS**.*

Handwritten signature in blue ink.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU
Chapter II. BID DATA SHEET

CDNT 1.1 <i>ITB 1.1</i>	Tên chủ đầu tư: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM <i>Name of the employer: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE</i>
CDNT 1.2 <i>ITB 1.2</i>	Tên gói thầu: Dịch vụ Tư vấn triển khai chức năng Quản trị kiến trúc doanh nghiệp <i>Name of the bidding package: Consulting Services for implementation of Enterprise architecture management functions</i> Tên dự án/dự toán mua sắm: Dịch vụ Tư vấn triển khai chức năng Quản trị kiến trúc doanh nghiệp <i>Name of the project/procurement estimate: Consulting Services for implementation of Enterprise architecture management functions</i>
CDNT 3 <i>ITB 3</i>	Nguồn vốn: Vốn Chi phí của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <i>Source of funds: Fund of Operating Expenses of Vietnam JSC Bank for Industry and Trade</i>
CDNT 5.1 (c) <i>ITB 5.1 (c)</i>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: <i>Competition in bidding shall be ensured in accordance with the following provisions:</i></p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <i>The bidder participating in the bidding shall not hold more than 30% of the shares or contributed capital in:</i></p> <p>+ Chủ đầu tư: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM. <i>The Employer: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE.</i></p> <p>+ Địa chỉ chủ đầu tư: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. <i>Employer's address: 108 Tran Hung Dao, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam.</i></p> <p>+ Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. <i>In the event that the bidder and the employer are parent companies, subsidiaries, or member companies within the same state-owned economic group or state-owned corporation, the bidder may participate in the</i></p>



employer's bidding package, provided that the goods or services under such package fall within the core business lines of the state-owned economic group or state-owned corporation.

+ Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý.

In the event that the bidder is a public service unit, the bidder shall not be under the same authority or organization that directly manages the employer, except in the following cases: the bidder is a public service unit under a state management authority whose assigned functions and duties are relevant to the nature of the bidding package of such authority; or public service units that are under the same directly managing authority.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.

Public service units and enterprises under the same direct managing authority and capital-contributing authority, when participating in each other's bidding packages, shall not be required to meet the requirements on legal independence and financial independence between the bidders and the employer.

Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:

The bidder participating in the bidding shall not hold any shares or contributed capital in consulting bidders; shall not be subject, together with any consulting bidder, to ownership by the same organization or individual holding more than 20% of the shares or contributed capital in each party, specifically as follows:

Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.

The bidder participating in the bidding shall not be under the same authority or organization that directly manages the consulting bidder (as mentioned above)¹.

Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

	<p><i>The ratio of shares or contributed capital between the parties shall be determined at the bid closing time and based on the ratios specified in the enterprise registration certificate, establishment decision, or other equivalent valid documents.</i></p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> <p><i>In the event that the bidder participates in the bidding as a consortium, or the consulting bidder is selected as a consortium, the ratio of capital ownership of other organizations or individuals in the consortium shall be determined in accordance with the following formula:</i></p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p><i>The ratio of the capital ownership</i></p> <p>Trong đó: <i>In which:</i></p> <p><i>Xi: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</i> <i>Xi: Means the ratio of the capital ownership of another organizations or individuals in the ith member of the consortium;</i></p> <p><i>Yi: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</i> <i>Yi: Means the percentage (%) of volume of work undertaken by the ith member of the consortium as specified in the consortium agreement;</i></p> <p><i>n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</i> <i>n: Means the number of consortium members.</i></p> <p>⁽¹⁾ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp. <i>This criterion shall only be evaluated for bidders that are public service units.</i></p>
<p>CDNT 7.3 <i>ITB 7.3</i></p>	<p>Hội nghị tiền đấu thầu: Không <i>Pre-bid conference: No</i></p>
<p>CDNT 7.7 <i>ITB 7.7</i></p>	<p>Thời gian sửa đổi HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. <i>The period for amending the BD for a simple consulting package or an urgent consulting package that must be implemented immediately due to schedule requirements shall be 03 working days prior to the bid closing</i></p>

	<i>time.</i>
CDNT 8 <i>ITB 8</i>	<p>Chi phí nộp HSDT: Khi nộp hồ sơ dự thầu, Nhà thầu phải trả cho Chủ đầu tư một khoản tiền bằng giá bán HSMT được ghi trong TBMT (nếu có). Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi có thông báo mời thầu được Chủ đầu tư đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu, riêng đối với Nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký Hợp đồng</p> <p><i>Bid submission costs: Upon submission of the bid, the Bidder shall pay the Employer an amount equal to the selling price of the BD as specified in the Invitation for Bids (if any). The Bidder shall bear all costs related to the bidding process, from the time the Employer publishes the invitation for bids on the National e-procurement system until the notice of the Bidder selection result, and for the winning Bidder, such costs shall be borne until the Contract is signed</i></p>
CDNT 9 <i>ITB 9</i>	<p>Ngôn ngữ quy định là: Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và tiếng Anh.</p> <p><i>The stipulated languages: The languages used are Vietnamese and English.</i></p> <p>HSMT được phát hành bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng và làm cơ sở để so sánh và giải thích những mâu thuẫn hoặc khác biệt.</p> <p><i>The BD shall be issued in both Vietnamese and English. In case of any discrepancies between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail and shall serve as the basis for comparison and interpretation of any discrepancies.</i></p> <p>Nhà thầu phải nộp HSDT bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh hoặc Tiếng Việt. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng và bản tiếng Anh sẽ được sử dụng để tham khảo.</p> <p><i>The bidder must submit the Bid in both Vietnamese and English or in Vietnamese. In case of any discrepancies between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail and the English version will be used for reference.</i></p> <p>Đối với tất cả các tài liệu liên quan khác mà ngôn ngữ gốc của chúng không phải là tiếng Anh và tiếng Việt, Nhà thầu phải nộp bản dịch của các tài liệu đó sang ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt</p> <p><i>For all other related documents whose original language is neither English nor Vietnamese, the Bidder shall submit the English and Vietnamese translations of those documents.</i></p>

CDNT 10.3
ITB 10.3

Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:

The bidder must submit the following documents together with the Bid:

1. Tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu:

Documents evidencing the fulfillment of tax declaration and corporate income tax payment obligations for the most recent fiscal year prior to the bid closing time:

+ Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

Tax declaration form (or payment notice from the tax authority for business households) and the Payment receipt with confirmation from the tax authority printed from the Electronic tax system: or

+ Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Tax declaration form (or payment notice from the tax authority for business households) and confirmation from the tax authority on the fulfillment of tax obligations.

Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này

The tax payment obligations refers to the payment of tax corresponding to the applicable tax rate, taxable income, and taxable revenue declared by the bidder on the Electronic tax system (the amount of tax paid shall correspond to the amount of tax payable); in the event of deferred tax payment, tax exemption, or tax reduction in accordance with State policies, these provisions shall be applied

* Đối với nhà thầu nước ngoài: Nếu không cung cấp được các tài liệu chứng minh nêu trên thì phải có văn bản cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu, Và cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế phù hợp theo thông lệ quốc tế hoặc quy định nước sở tại (nếu có).

** For foreign bidders: In the event that the bidders are unable to provide the above-mentioned supporting documents, a written commitment confirming the fulfillment of tax declaration and corporate income tax*

payment obligations for the most recent fiscal year prior to the bid closing time must be submitted, together with a confirmation document from the relevant tax authority in accordance with international practices or the local regulations (if any).

2. Văn bản cam kết của nhà thầu đối với các nội dung: (i) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu: nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu; nhà thầu không chịu phán quyết cuối cùng của tòa án về việc phạm tội nghiêm trọng hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác; không có bằng chứng về việc nhà thầu có hành vi vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp; (ii) Trong vòng 05 năm gần đây, nhà thầu không bị kết luận vi phạm nghiêm trọng hoặc thường xuyên các nghĩa vụ quan trọng trong một hoặc nhiều hợp đồng.

The bidder's written commitment regarding the following matters: (i) Within 03 years prior to the bid closing time: the bidder has not had any personnel (who were employed by the bidder at the time that the personnel committed the violation) sentenced by a Court for violating bidding regulations causing serious consequences under law on criminal with the purpose of securing the bidder's success in winning the bid; the bidder is not subject to any final court judgment for committing serious crimes or other serious violations; and there is no evidence of the bidder committing serious violations of professional ethics; (ii) Within the past 05 years, the bidder has not been found to have seriously or frequently violated material obligations in one or more contracts.

3. Các tài liệu chứng minh theo yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương III, HSMT

Required supporting documents as stipulated in Section 2, Chapter III of the BD.

*** Tài liệu chứng minh đối với nhà thầu nước ngoài:**

** Supporting documents for foreign bidders:*

Nhà thầu phải cung cấp bản chụp có xác nhận của đại diện hợp pháp của nhà thầu (đối với các tài liệu, dữ liệu thông tin mà Nhà thầu phải thực hiện cam kết về bảo mật thì Nhà thầu phải có văn bản cam kết các thông tin kê khai trong HSĐT là trung thực hoặc cung cấp bản trích của các tài liệu có thể hiện dữ liệu thông tin để chứng minh các thông tin kê khai).

The bidder must provide copies certified by its lawful representative (for documents or data that the Bidder must commit to keep confidential, the Bidder must submit a written commitment confirming that the information

	<p><i>declared in the Bid is truthful, or provide excerpts of documents demonstrating data to evidence the declared information).</i></p> <p><i>Trường hợp các tài liệu chứng minh viết bằng ngôn ngữ khác, Nhà thầu nộp kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ quy định tại Mục 9 BDL. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp bản gốc/bản chính/bản công chứng, chứng thực hoặc được cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định để làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin trong quá trình đánh giá HSDT, thương thảo hợp đồng theo yêu cầu của Bên mời thầu (nếu có).</i></p> <p><i>If the supporting documents are written in another language, the Bidder must submit a translation into the language stipulated in Section 9 of the BDS. The bidder shall be responsible for providing the original/certified copy/notarized copy, or copy issued from the original record, or true copy certified by the issuing organization and legalized as prescribed, to serve as a basis for reference, comparison, and verification of information during the Bid evaluation and contract negotiation, at the request of the Procuring entity (if any).</i></p>
CDNT 12.2 <i>ITB 12.2</i>	<p>Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu</p> <p><i>Analysis of experts' remuneration: Not required</i></p>
CDNT 14.3 <i>ITB 14.3</i>	<p>Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng</p> <p><i>Proposed working time for key personnel: Not applicable</i></p>
CDNT 15.1 <i>ITB 15.1</i>	<p>Thời hạn hiệu lực của HSDT: ≥ 180 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu</p> <p><i>The validity period of the Bid: ≥ 180 days from the date of the bid closing time.</i></p>
CDNT 15a.1 <i>ITB 15a.1</i>	<p>Số lượng bản chụp HSDXKT, HSDXTC là:</p> <p><i>The number of copies of TPD and FPD shall be:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 bản gốc, 01 bản chụp. <i>01 original and 01 copy.</i> - 01 USB scan toàn bộ bản gốc về HSDXKT (được đóng gói, dán kín, đóng dấu niêm phong và được mở cùng HSDXKT). <i>01 USB containing scanned copies of all original documents on the TPD (packaged, sealed, stamped, and to be opened together with the TPD).</i> - 01 USB scan toàn bộ bản gốc về HSDXTC (được đóng gói, dán kín, đóng dấu niêm phong và được mở cùng HSDXTC).

	<p><i>01 USB containing scanned copies of all original documents on the FPD (packaged, sealed, stamped, and to be opened together with the FPD).</i></p> <p>- Tất cả các trang trong HSDT (bản cứng) phải có chữ ký tắt của người ký đơn Dự thầu của Nhà thầu. <i>All pages of the Bid (hard copy) must bear the initial signature of the person signing the Bid form on behalf of the Bidder.</i></p> <p>Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì Nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDXKT, HSDXTC. <i>In the event that the TPD or FPD is amended or replaced, the Bidder must submit copies of the amended or replaced documents in the same quantity as the copies of the original TPD and FPD.</i></p> <p><i>Lưu ý: Trong gói thầu này, không cho phép nộp Đề xuất Phương án Kỹ thuật Thay thế</i> <i>Note: In this bidding package, the submission of the Replaced Technical Proposals shall not be permitted</i></p>
CDNT 16.1 <i>ITB 16.1</i>	<p>Nhà thầu nộp HSDT theo địa chỉ (để tiếp nhận HSDT) như sau: Phòng Mua sắm - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số 55 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam <i>The bidder shall submit the Bid to the following address (for Bid receipt): Procurement Department - Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, No. 55 Ba Trieu Street, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam</i></p>
CDNT 18.1 <i>ITB 18.1</i>	<p>Việc mở HSDXKT được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: Phòng Mua sắm - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số 55 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <i>The opening of the TPD shall be conducted publicly and shall commence within 02 hours from the bid closing time, at the following bid opening address: Procurement Department - Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, No. 55 Ba Trieu Street, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam</i></p>
CDNT 19.1 <i>ITB 19.1</i>	<p>Phương pháp đánh giá HSDT là: <i>The method for Bid evaluation shall be:</i></p> <p>Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm <i>Technical evaluation: Scoring</i></p> <p>Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá</p>

	<i>Price evaluation: Combined technique and price method</i>
CDNT 21.2 <i>ITB 21.2</i>	Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất <i>The bidder ranking: the bidder with the highest total score shall be ranked first</i>
CDNT 26.3 <i>ITB 26.3</i>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu <i>Maximum value for subcontractors: 0% of the bidder's bid price</i>
CDNT 28.4 <i>ITB 28.4</i>	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng) <i>The bidding package price as the basis for contract award: shall include contingency costs for potential risk factors related to volume of work and devaluation that may occur during contract implementation, corresponding to the risk management responsibilities assigned to the bidder; in the event of simple consulting packages with a short implementation period and no risks or devaluation, the costs for risk factors and devaluation are calculated as 0 (VND)</i>
CDNT 31 <i>ITB 31</i>	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng <i>Option for additional purchase: not applicable</i>
CDNT 33.2 <i>ITB 33.2</i>	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu. <i>The parties shall finalize and sign the contract within 30 days from the date of receiving the notice of bid award.</i>
CDNT 34.1 (b) <i>ITB 34.1 (b)</i>	- Người có thẩm quyền: Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam <i>Authorized person: Board of Directors of Vietnam JSC Bank for Industry and Trade.</i> + Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. <i>Address: 108 Tran Hung Dao Street, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam.</i> + E-mail: muasamtsc@vietinbank.vn <i>E-mail: muasamtsc@vietinbank.vn</i> - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị:

	<p><i>Standing department assisting the Chairman of the Petition settlement council:</i></p> <p>+ Địa chỉ: Phòng Mua sắm, Khối MS & QLTS – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. <i>Address: Procurement Department, Purchasing & Assets Management Division - Vietnam JSC Bank for Industry and Trade.</i></p> <p>+ E-mail: muasamtsc@vietinbank.vn <i>E-mail: muasamtsc@vietinbank.vn</i></p>
<p>CDNT 34.2 ITB 34.2</p>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau:</p> <p><i>In case finding that their legitimate rights and interests are affected, bidders, authorities, or organizations are entitled to submit petitions in accordance with the following procedures:</i></p> <p>Theo quy trình giải quyết kiến nghị được quy định tại Điều 138 Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. <i>According to the petition settlement process in accordance with Article 138 of Decree No. 214/2025/ND-CP dated August 4, 2025.</i></p> <p>+ Email của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: MuasamTSC@vietinbank.vn. <i>Email of the individual/organization/unit responsible for petition settlement: MuasamTSC@vietinbank.vn.</i></p> <p>+ Địa chỉ của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: Phòng Mua sắm - 55 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. <i>Address of the individual/organization/unit responsible for petition settlement: Procurement Department – 55 Ba Trieu Street, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam.</i></p>

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT
Chapter III: BID EVALUATION CRITERIA

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐT

Section 1. Evaluation of the validity of the Bid

1.1 Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXKT:

Examination of the validity of the TPD:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXKT;

Examining the number of originals and copies of TPD;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXKT, trong đó có: đơn dự thầu thuộc HSĐXKT, thỏa thuận liên danh (nếu có), tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn (nếu có), tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, đề xuất về kỹ thuật và các thành phần khác thuộc HSĐXKT theo quy định tại Mục 10 CDNT;

Examining the components of the original TPD, including the bid form as part of the TPD, the consortium agreement (if any), documents evidencing the eligibility of the signatory (if any), documents evidencing the eligibility, technical proposals, and other components of the TPD as stipulated in Section 10 of the ITB;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐXKT.

Examining the consistency of the content between the original(s) and the copies to facilitate the detailed evaluation of the TPD.

Việc kiểm tra HSĐXKT không phải là lý do để loại HSĐXKT

The examination of the TPD shall not be a reason for the disqualification of the TPD

1.2 Đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT

Evaluation of the validity of the TPD

HSĐXKT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

A bidder's TPD shall be considered valid when it fully meets the following conditions:

a) Có bản gốc HSĐXKT;

The original TPD is available;

b) Có đơn dự thầu thuộc HSĐXKT được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời

gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

The bid form of the TPD is signed and sealed (if any) by the bidder's lawful representative as required by the BD; the signing date of the bid form must be after the issuance of the BD; the bid form must not include any conditions that may adversely affect the employer. For consortium bidders, the bid form must be signed and sealed (if any) by the lawful representatives of each member of the consortium, or by the member assigned to sign the bid form on behalf of the consortium in accordance with the responsibility assignment in the consortium agreement;

c) Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế;

Tax declaration and tax payment obligations have been fulfilled;

d) Thời gian có hiệu lực của HSĐXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 15.1 CDNT;

The validity period of the TPD meets the requirements as stipulated in Section 15.1 of the ITB;

đ) Nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐXKT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

The bidder's name is not listed in two or more TPDs as an independent bidder or as a member of a consortium;

e) Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

In the event of consortium bidders, the consortium agreement must be signed and sealed (if any) by the lawful representative of each member of the consortium, and the consortium agreement must clearly specify the content of work and the corresponding estimated value that each member will implement, in accordance with Form 03 of Chapter IV. The assignment of work within the consortium must be based on the work items listed in the terms of reference and the technical proposal, and work not included in these items must not be assigned;

g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT ⁽¹⁾;

The bidder ensures the eligibility as stipulated in Section 5 of the ITB ⁽¹⁾;

¹ Nhà thầu là đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được thành lập theo quy định của pháp luật khi tham dự thầu phải đáp ứng các điều kiện nêu tại Mục 5 CDNT

¹A bidder that is a non-public service unit established in accordance with the provisions of the law must meet the requirements stipulated in Section 5 of the ITB when participating in the bidding process

h) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

Within 03 years prior to the bid closing time, the bidder has not had any personnel (who signed a labor contract with the bidder at the time of committing the violation) convicted by a court for violating bidding regulations causing serious consequences in accordance with the provisions of the law on criminal, with the purpose of securing the bidder's success in winning the bid;

k) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

Not under suspension or termination of participation in the System;

l) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

The bidder fully meets the operational capacity conditions in accordance with the provisions of the laws governing the relevant sector and field (if any).

Nhà thầu có HSDXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các tiếp về kỹ thuật.

A bidder with a valid TPD shall be further considered and evaluated for technical aspects.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Section 2. Technical evaluation criteria

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

The technical evaluation of each Bid shall be conducted using a scoring method, under which the maximum scores must be specified for the general and detailed criteria; minimum scores for the general and detailed criteria (if necessary) must also be specified for contents relating to the proposed solutions and methodology, and key personnel. For the criteria concerning the bidder's experience and capacity, the necessity of prescribing a minimum score for this general criteria shall be determined based on the nature of the bidding

package. The evaluation of similar contracts of a consortium bidder shall be based on the scope of work undertaken by each member of the consortium.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:
The technical evaluation criteria include the following contents:

Bảng số 01
Table No.01

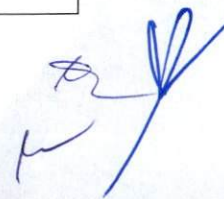
Stt No.	Tiêu chuẩn Criteria	Điểm tối đa Maximum score	Thang điểm chi tiết (nếu có) Detailed scoring scale (if any)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu Minimum required score
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu <i>Experience and capability of the bidder</i> (15% tổng số điểm) (15% of the total score)	15		8
1.1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp: Từ 3 năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp trở lên. <i>Years of experience in providing consulting services for Enterprise Architecture management: At least 3 years of experience in the field of Enterprise Architecture management consulting services.</i>	7	-Từ 03 năm kinh nghiệm trở lên: 7; <i>At least 03 years of experience: 7;</i> -Ít hơn 03 năm kinh nghiệm: 0 <i>Less than 03 years of experience: 0;</i>	

	<p>-Tài liệu chứng minh: Bản sao giấy đăng ký kinh doanh (được công chứng, chứng thực, cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) cập nhật nhất tính đến thời điểm dự thầu.</p> <p><i>Supporting document: A copy of the enterprise registration certificate (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the original issued by the issuing organization as prescribed), updated as of the bidding time.</i></p>			
1.2	<p>Nhà thầu có tối thiểu 01 hợp đồng tương tự có giá trị tối thiểu 6.000.000.000 VNĐ (Sáu tỷ đồng) cung cấp dịch vụ tư vấn hoặc triển khai phần mềm có liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp, nghiệp vụ tài chính ngân hàng cho các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại Việt Nam hoặc trong khu vực Đông Nam Á từ năm 2020 đến thời điểm đóng thầu. Hợp đồng tương tự là hợp đồng mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh).</p> <p><i>The bidder must have completed at least 01 similar contract, with a minimum value of VND 6.000.000.000 (Six billion Vietnamese dong), for the provision of consulting services or software implementation related to enterprise architecture, financial and banking operations for organizations operating in the financial or banking sector in Vietnam or the Southeast Asia region, from 2020 up to the bid closing time. A similar contract shall be defined as a contract that the bidder has completed as the main contractor (either as an independent contractor or as a member of a consortium).</i></p>	8	<p>-Nhà thầu có từ 01 hợp đồng trở lên đáp ứng yêu cầu: 8; <i>The bidder has at least 01 contract that meets the specified requirements: 8:</i></p> <p>-Nhà thầu không có hợp đồng tương tự hoặc có từ 01 hợp đồng trở lên nhưng không đáp ứng yêu cầu: 0 <i>The bidder has no similar contract, or has at least 01 similar contract but such contract(s) does not meet the specified requirements: 0</i></p>	

	<p>-Tài liệu chứng minh: Bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc được cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) văn bản Hợp đồng và một trong số các giấy tờ sau: Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng, Hóa đơn thanh toán.</p> <p><i>Supporting documents: A copy (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the original issued by the issuing organization as prescribed) of the Contract and one of the following documents: Contract acceptance minutes, Contract liquidation document, or Payment invoice(s).</i></p>			
2	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu</p> <p><i>The bidder's prestige through bidding participation and contract implementation results</i></p> <p>(5% tổng số điểm)</p> <p><i>(5% of the total score)</i></p>	5		5
	<p>Nhà thầu có cam kết:</p> <p><i>Bidder's commitment:</i></p> <p>1. Trừ trường hợp nhà thầu đồng thời được xếp thứ nhất ở nhiều gói thầu hoặc do bất khả kháng, nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu khi thực hiện các hành vi sau:</p> <p><i>Except in the event that the bidder is ranked first in multiple bidding packages or due to force majeure, the bidder has been subjected to an assessment of its bidding prestige upon engaging in the following acts:</i></p>	5	<p>-Nhà thầu có cam kết: 5</p> <p><i>The bidder provides the required commitment(s): 5</i></p> <p>-Nhà thầu không có cam kết: 0</p> <p><i>The bidder fails to provide the required commitment(s): 0</i></p>	

<p>a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;</p> <p><i>The bidder does not proceed with or refuses conduct document reconciliation or has conducted document reconciliation but refuses or fails to sign the minutes of document reconciliation during the validity period of the bid submission document, or the proposal dossier when invited for document reconciliation;</i></p> <p>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP;</p> <p><i>The bidder does not proceed with or refuses to conduct contract negotiation (if any) or has conducted such negotiation but refuses or fails to sign the contract negotiation minutes during the validity period of the bid submission document, or the proposal dossier when invited for contract negotiation, except in the events in accordance with clause 7, Article 45 of Decree No 214/2025/ND-CP;</i></p> <p>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP;</p>			
---	--	--	--

<p><i>The bidder is selected as the winning bidder but does not proceed with or refuses to finalize the contract and framework agreement, or fails to sign the contract or framework agreement, except in the events in accordance with clause 4, Article 34 of Decree No 214/2025/ND-CP;</i></p> <p>d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng.</p> <p><i>The bidder has signed the framework agreement but does not proceed with or refuses to finalize the contract, or fails to sign the contract;</i></p> <p>đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p><i>The bidder withdraws the bid submission document, proposal dossier after the bid closing time and during the validity period of the bid submission document or the proposal dossier;</i></p> <p>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p><i>The bidder fails to submit the original bid security as required by the employer, or fails to provide cash, a certified cheque, a bid guarantee letter, or a guarantee insurance certificate in accordance with the provisions of the laws on bidding;</i></p>			
---	--	--	--



<p>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; <i>The bidder fails to provide the performance security for contract execution;</i></p> <p>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn; <i>The bidder refuses or fails to confirm its acceptance of the contract award within a maximum period of three (03) working days from the date on which the employer invites the bidder to confirm its acceptance of being awarded the contract on the National e-procurement system, or has been awarded the contract but fails to perform in accordance with the commitments specified in the bid form in respect of the simplified online bidding;</i></p> <p>i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước. <i>The bidder fails to arrange the key personnel and major construction equipment to perform a construction package, a PC package or the construction portion of an EC package in accordance with the commitments specified in the bid form for domestic bidding.</i></p> <p>2. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu gồm:</p>			
--	--	--	--

	Nhà thầu không vi phạm các hợp đồng đã ký kết. <i>Information on the bidder's contract implementation results: The bidder has not violated any signed contracts.</i>			
3	Giải pháp và phương pháp luận <i>Solutions and methodology</i> (30% tổng số điểm) (30% of the total score)	30		25
3.1	Đề xuất kỹ thuật bao gồm đầy đủ các hạng mục công việc được quy định tại Phần 2 – Điều khoản tham chiếu của HSMT <i>The technical proposal includes all the work items specified in Part 2 - Terms of Reference of the BD</i>	6	Đáp ứng đầy đủ: 6 <i>Fully compliant: 6</i> Đáp ứng một phần: 2 <i>Partially compliant: 2</i> Không đáp ứng toàn bộ: 0 <i>Non-compliant: 0</i>	
3.2	Cách tiếp cận để có được những hiểu biết về đường lối phát triển, quy mô hoạt động, mô hình tổ chức, hoạt động kinh doanh của NHCT <i>Approach to obtaining insights into the development strategy, operational scale, organizational model, and business activities of VietinBank</i>	4	Mức độ hợp lý cao: 4 <i>Highly reasonable: 4</i> Hợp lý: 2 <i>Reasonable: 2</i> Chưa hợp lý: 0 <i>Not reasonable: 0</i>	
3.3	Sáng kiến cải tiến <i>Improvement initiatives</i>	2	Có sáng kiến hợp lý, mang tính khả thi cao: 2 <i>Reasonable initiatives with high feasibility: 2</i> Có đưa sáng kiến nhưng tính khả thi thấp: 1 <i>Initiatives are proposed but with low feasibility: 1</i>	

			<p><i>Không đưa sáng kiến: 0</i> <i>No initiatives proposed: 0</i></p>	
3.4	<p><i>Cách trình bày đề xuất</i> <i>Presentation of the proposal</i></p>	3	<p><i>Đề xuất hoàn chỉnh và thiết phục, được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi: 3</i> <i>Complete and convincing proposal, well-structured and reasonably presented and easy to follow: 3</i></p> <p><i>Đề xuất chưa hoàn chỉnh và thiết phục, hoặc chưa được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi: 1</i> <i>Incomplete and unconvincing proposal, or not well-structured and reasonably presented and not easy to follow: 1</i></p> <p><i>Nhà thầu không có, hoặc có nhưng trình bày không hợp lý: 0</i> <i>No proposal is submitted, or a proposal is submitted but presented in an unreasonable manner: 0</i></p>	
3.5	<p><i>Kế hoạch triển khai công việc</i> <i>Work implementation plan</i></p>	9	<p><i>Kế hoạch triển khai công việc trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, được phân tích, mô tả một cách cụ thể, rõ ràng theo các hạng mục công việc, có tính khả thi cao: 9</i> <i>The work implementation plan fully presents all required contents, is analyzed, and specifically and clearly described by work items, with high feasibility: 9</i></p>	

			<p><i>Kế hoạch triển khai công việc có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu: 5</i> <i>The work implementation plan includes all required contents: 5</i></p> <p><i>Kế hoạch triển khai công việc không rõ ràng, không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu: 1</i> <i>The work implementation plan is unclear and does not fully include the required contents: 1</i></p> <p><i>Không trình bày hoặc trình bày không hợp lý: 0</i> <i>Not presented or presented in an unreasonable manner: 0</i></p>	
3.6	<p><i>Bố trí nhân sự hợp lý</i> <i>Reasonable personnel arrangement</i></p>	6	<p><i>Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai: 6</i> <i>Personnel are arranged in accordance with the requirements of the bidding documents, with the timing and duration of consultant mobilization being appropriate to the implementation plan: 6</i></p> <p><i>Nhân sự chưa được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hoặc thời điểm và thời gian huy động tư vấn chưa phù hợp với kế hoạch triển khai: 3</i> <i>Personnel have not been arranged in accordance with the requirements of the</i></p>	

				<i>bidding documents, or the timing and duration of consultant mobilization are not appropriate to the implementation plan: 3</i> <i>Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không phù hợp: 0</i> <i>Not presented or presented in an inappropriate manner: 0</i>	
4	Nhân sự chủ chốt⁽⁴⁾ <i>Key personnel⁽⁴⁾</i> (50% tổng số điểm) (50% of the total score)		50		42
	Vị trí <i>Position</i>	Số lượng <i>Quantity</i>			
4.1	Chuyên gia cao cấp Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp <i>Senior expert in Enterprise Architecture management</i>	Tối thiểu 01 <i>At least 01</i>	20		17
4.1.1	<i>Yêu cầu về bằng cấp</i> <i>Qualification requirements</i> <ul style="list-style-type: none">Đối với chuyên gia người Việt Nam: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) của bằng cấp nhân sự và giấy tờ/văn bản chứng minh khả năng huy động nhân sự của		3	<i>Tốt nghiệp Đại học trở lên (tốt nghiệp hệ đại học hoặc trên đại học của các trường đại học tại Việt Nam hoặc các trường đại học tại nước ngoài), chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin, điện tử viễn thông, khoa học máy tính, kinh tế, tài chính ngân hàng, hoặc tương đương: 3</i>	

	<p>nhà thầu và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu.</p> <p><i>For Vietnamese experts: The bidder must submit copies (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the original issued by the issuing organization as prescribed) of the personnel's academic qualifications, together with papers/documents evidencing the bidder's ability to mobilize such personnel, and the bidder's written commitment to meet the requirements.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với chuyên gia người nước ngoài: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao và bản dịch thuật của bằng cấp nhân sự và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu. <p><i>For foreign experts: The bidder must submit copies and translations of the personnel's academic qualifications and the bidder's written commitment to meet the requirements.</i></p>			<p><i>Graduated from a University or higher (holding a bachelor's degree or postgraduate degree from universities in Vietnam or abroad), majoring in information technology, information security, electronics and telecommunications, computer science, economics, finance and banking, or an equivalent field: 3</i></p> <p><i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác: 0</i></p> <p><i>Intermediate-level diploma, college degree, or other equivalent qualifications: 0</i></p>	
4.1.2	<p><i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT</i></p> <p><i>Work experience in the field of IT</i></p> <p><i>Tài liệu chứng minh: Bảng kê khai kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu</i></p> <p><i>Supporting document: A declaration of the personnel's professional experience and the</i></p>		10	<p><i>Trên 10 năm: 10</i></p> <p><i>Over 10 years: 10</i></p> <p><i>Từ 7-10 năm: 7</i></p> <p><i>From 7-10 years: 7</i></p> <p><i>Dưới 7 năm: 0</i></p> <p><i>Under 7 years: 0</i></p>	

	<i>bidder's written commitment to meet the requirements</i>			
4.1.3	<p><i>Có ít nhất một trong các chứng chỉ TOGAF, BIAN hoặc chứng chỉ tương đương về kiến trúc doanh nghiệp</i></p> <p><i>Possession of at least one of the following certificates: TOGAF, BIAN, or equivalent certification in enterprise architecture</i></p>		3	<p><i>Có chứng chỉ đạt yêu cầu: 3</i></p> <p><i>Certificate meeting requirements: 3</i></p> <p><i>Không có chứng chỉ đạt yêu cầu: 0</i></p> <p><i>No certificate meeting requirements: 0</i></p>
4.1.4	<p><i>Kinh nghiệm làm Team Lead hoặc vai trò tương đương cho tối thiểu 02 dự án liên quan đến Kiến trúc doanh nghiệp</i></p> <p><i>Experience as a Team Lead or equivalent role in at least 02 projects related to Enterprise architecture</i></p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p><i>Supporting documents:</i></p> <p>+ Bảng kê lý lịch có xác nhận của nhà thầu đối với nội dung: (i) Vị trí công việc; (ii) Tổng số năm kinh nghiệm làm việc; (iii) Tổng số năm kinh nghiệm tối thiểu làm việc trong lĩnh vực liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp (iv) Tổng số dự án/hợp đồng thuộc các dự án liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp.</p> <p><i>A resume with confirmation from the bidder regarding the content of: (i) Job position; (ii) Total years of working experience; (iii) Minimum total years of working experience in the field of</i></p>		4	<p><i>Từ 2 dự án trở lên: 4</i></p> <p><i>At least 2 projects: 4</i></p> <p><i>Dưới 2 dự án: 0</i></p> <p><i>Fewer than 2 projects: 0</i></p>

<p><i>enterprise architecture; (iv) Total number of projects/contracts related to enterprise architecture.</i></p> <p>+ Hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư hoặc văn bản cam kết của nhà thầu về hợp đồng/dự án đã hoàn thành có sự tham gia của nhân sự chủ chốt.</p> <p><i>Contracts or confirmation from the Employer, or written commitments of the bidder regarding completed contracts/projects with the participation of the key personnel.</i></p> <p>+ Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động, đi thuê. Trong trường hợp nhà thầu huy động/ thuê lao động (nhân sự chủ chốt) thì phải có văn bản cam kết của nhà thầu về việc đảm bảo nhân sự để thực hiện gói thầu và chuẩn bị các tài liệu liên quan để đối chiếu khi thương thảo hợp đồng (hợp đồng/thỏa thuận nguyên tắc về việc huy động/thuê, sử dụng lao động hoặc tài liệu khác liên quan đến việc thuê, sử dụng lao động</p> <p><i>Key personnel may be either be permanent staff of the bidder or personnel mobilized/hired by the bidder. In the event that the bidder hires/mobilizes employee(s) (key personnel), the bidder must submit a written commitment ensuring the availability of such personnel for implementation of the bidding package and prepare relevant</i></p>				
---	--	--	--	--

	<i>documents for reconciliation during contract negotiations (contracts/principles agreements on mobilization/hiring and use of such employee(s), or other documents related to the hiring and use of such employee(s))</i>				
4.2	<i>Chuyên gia Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp Enterprise Architecture management expert</i>	<i>Tối thiểu 01 At least 01</i>	15		12
4.2.1	<p><i>Yêu cầu về bằng cấp Qualification requirements</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Đối với chuyên gia người Việt Nam: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) của bằng cấp nhân sự và giấy tờ/văn bản chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu.</i> <p><i>For Vietnamese experts: The bidder must submit copies (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the original issued by the issuing organization as prescribed) of the personnel's academic qualifications, together with papers/documents evidencing the bidder's ability to mobilize such personnel, and the</i></p>		3	<p><i>Tốt nghiệp Đại học trở lên (tốt nghiệp hệ đại học hoặc trên đại học của các trường đại học tại Việt Nam hoặc các trường đại học tại nước ngoài), chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin, điện tử viễn thông, khoa học máy tính, kinh tế, tài chính ngân hàng, hoặc tương đương: 3</i></p> <p><i>Graduated from a University or higher (holding a bachelor's degree or postgraduate degree from universities in Vietnam or abroad), majoring in information technology, information security, electronics and telecommunications, computer science, economics, finance and banking, or an equivalent field: 3</i></p> <p><i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác: 0</i></p>	

Handwritten signatures and initials in blue ink.

	<p><i>bidder's written commitment to meet the requirements.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với chuyên gia người nước ngoài: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao và bản dịch thuật của bằng cấp nhân sự và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu. <p><i>For foreign experts: The bidder must submit copies and translations of the personnel's academic qualifications and the bidder's written commitment to meet the requirements.</i></p>			<p><i>Intermediate-level diploma, college degree, or other equivalent qualifications: 0</i></p>	
4.2.2	<p><i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT</i> <i>Work experience in the field of IT</i></p> <p><i>Tài liệu chứng minh: Bảng kê khai kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu</i> <i>Supporting document: A declaration of the personnel's professional experience and the bidder's written commitment to meet the requirements</i></p>		7	<p><i>Trên 5 năm: 7</i> <i>Over 5 years: 7</i></p> <p><i>5 năm: 4</i> <i>5 years: 4</i></p> <p><i>Dưới 5 năm: 0</i> <i>Under 5 years: 0</i></p>	
4.2.3	<p><i>Có ít nhất một trong các chứng chỉ TOGAF, BIAN hoặc chứng chỉ tương đương về kiến trúc doanh nghiệp</i> <i>Possession of at least one of the following certificates: TOGAF, BIAN, or equivalent certification in enterprise architecture</i></p>		2	<p><i>Có chứng chỉ đạt yêu cầu: 2</i> <i>Certificate meeting requirements: 2</i></p> <p><i>Không có chứng chỉ đạt yêu cầu: 0</i> <i>No certificate meeting requirements: 0</i></p>	
4.2.4	<p><i>Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan đến Kiến trúc doanh nghiệp</i></p>		3	<p><i>Từ 1 dự án trở lên: 3</i> <i>At least 1 project: 3</i></p>	

<p><i>Experience in participating in projects related to Enterprise architecture</i></p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <p><i>Supporting documents:</i></p> <p>+ Bảng kê lý lịch chuyên gia có xác nhận của nhà thầu đối với nội dung: (i) Vị trí công việc; (ii) Tổng số năm kinh nghiệm làm việc; (iii) Tổng số năm kinh nghiệm tối thiểu làm việc trong liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp; (iv) Tổng số dự án/hợp đồng liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp</p> <p><i>A resume with confirmation from the bidder regarding the content of: (i) Job position; (ii) Total years of working experience; (iii) Minimum total years of working experience in the field of enterprise architecture; (iv) Total number of projects/contracts related to enterprise architecture</i></p> <p>+ Hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư hoặc tài liệu nội bộ của nhà thầu/tài liệu khác về hợp đồng/dự án đã hoàn thành có sự tham gia của nhân sự chủ chốt.</p> <p><i>Contracts or confirmation from the Employer or internal document(s) of the bidder/other documents regarding completed contracts/projects with the participation of the key personnel.</i></p> <p>+ Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động, đi thuê. Trong</p>		<p><i>Không có dự án: 0</i></p> <p><i>No project: 0</i></p>	
---	--	---	--



	<p>trường hợp nhà thầu huy động/ thuê lao động (nhân sự chủ chốt) thì phải có văn bản cam kết của nhà thầu về việc đảm bảo nhân sự để thực hiện gói thầu và chuẩn bị các tài liệu liên quan để đối chiếu khi thương thảo hợp đồng (hợp đồng/thỏa thuận nguyên tắc về việc huy động/thuê, sử dụng lao động hoặc tài liệu khác liên quan đến việc thuê, sử dụng lao động)</p> <p><i>Key personnel may be either be permanent staff of the bidder or personnel mobilized/hired by the bidder. In the event that the bidder hires/mobilizes employee(s) (key personnel), the bidder must submit a written commitment ensuring the availability of personnel for implementation of the bidding package and prepare relevant documents for reconciliation during contract negotiations (contracts/principles agreements on mobilization/hiring and use of such employee(s), or other documents related to the hiring and use of such employee(s))</i></p>				
4.3	<p>Chuyên viên chính Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp</p> <p><i>Senior Enterprise Architecture management specialist</i></p>	<p>Tối thiểu 01</p> <p><i>At least 01</i></p>	10		8
4.3.1	<p>Yêu cầu về bằng cấp</p> <p><i>Qualification requirements</i></p>		3	<p>Tốt nghiệp Đại học trở lên (tốt nghiệp hệ đại học hoặc trên đại học của các trường đại học tại Việt Nam hoặc các trường đại</p>	

<ul style="list-style-type: none"> • Đối với chuyên gia người Việt Nam: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) của bằng cấp nhân sự và giấy tờ/văn bản chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu. <i>For Vietnamese experts: The bidder must submit copies (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the original issued by the issuing organization as prescribed) of the personnel's academic qualifications, together with papers/documents evidencing the bidder's ability to mobilize such personnel, and the bidder's written commitment to meet the requirements.</i> • Đối với chuyên gia người nước ngoài: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao và bản dịch thuật của bằng cấp nhân sự và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu. <i>For foreign experts: The bidder must submit copies and translations of the personnel's academic qualifications and the bidder's written commitment to meet the requirements.</i> 		<p><i>học tại nước ngoài), chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin, điện tử viễn thông, khoa học máy tính, kinh tế, tài chính ngân hàng, hoặc tương đương: 3</i> <i>Graduated from a University or higher (holding a bachelor's degree or postgraduate degree from universities in Vietnam or abroad), majoring in information technology, information security, electronics and telecommunications, computer science, economics, finance and banking, or an equivalent field: 3</i> <i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác: 0</i> <i>Intermediate-level diploma, college degree, or other equivalent qualifications: 0</i></p>	
---	--	--	--

4.3.2	<p><i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT</i> <i>Work experience in the field of IT</i> <i>Tài liệu chứng minh: Bảng kê khai kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu</i> <i>Supporting documents: A declaration of the personnel's professional experience and the bidder's written commitment to meet the requirements</i></p>		4	<p><i>Trên 3 năm: 4</i> <i>Over 3 years: 4</i> <i>3 năm: 2</i> <i>3 years: 2</i> <i>Dưới 3 năm: 0</i> <i>Under 3 years: 0</i></p>	
4.3.3	<p><i>Có ít nhất một trong các chứng chỉ TOGAF, BIAN hoặc chứng chỉ tương đương về kiến trúc doanh nghiệp</i> <i>Possession of at least one of the following certificates: TOGAF, BIAN, or equivalent certification in enterprise architecture</i></p>		1	<p><i>Có chứng chỉ đạt yêu cầu: 1</i> <i>Certificate meeting requirements: 1</i> <i>Không có chứng chỉ đạt yêu cầu: 0</i> <i>No certificate meeting requirements: 0</i></p>	
4.3.4	<p><i>Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan đến Kiến trúc doanh nghiệp</i> <i>Experience in participating in projects related to Enterprise architecture</i> <i>Tài liệu chứng minh:</i> <i>Supporting documents:</i> + Bảng kê lý lịch chuyên gia có xác nhận của nhà thầu đối với nội dung: (i) Vị trí công việc; (ii) Tổng số năm kinh nghiệm làm việc; (iii) Tổng số năm kinh nghiệm tối thiểu làm việc trong liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp; (iv) Tổng số dự án/hợp đồng liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp</p>		2	<p><i>Từ 1 dự án trở lên: 2</i> <i>At least 1 project: 2</i> <i>Không có dự án: 0</i> <i>No project: 0</i></p>	


<p><i>A resume with confirmation from the bidder regarding the content of: (i) Job position; (ii) Total years of working experience; (iii) Minimum total years of working experience in the field of enterprise architecture; (iv) Total number of projects/contracts related to enterprise architecture</i></p> <p>+ Hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư hoặc tài liệu nội bộ của nhà thầu/tài liệu khác về hợp đồng/dự án đã hoàn thành có sự tham gia của nhân sự chủ chốt.</p> <p><i>Contracts or confirmation from the Employer or internal document(s) of the bidder/other documents regarding completed contracts/projects with the participation of the key personnel.</i></p> <p>+ Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động, đi thuê. Trong trường hợp nhà thầu huy động/ thuê lao động (nhân sự chủ chốt) thì phải có văn bản cam kết của nhà thầu về việc đảm bảo nhân sự để thực hiện gói thầu và chuẩn bị các tài liệu liên quan để đối chiếu khi thương thảo hợp đồng (hợp đồng/thỏa thuận nguyên tắc về việc huy động/thuê, sử dụng lao động hoặc tài liệu khác liên quan đến việc thuê, sử dụng lao động)</p> <p><i>Key personnel may be either be permanent staff of the bidder or personnel mobilized/hired by the</i></p>			
---	--	--	--

	<i>bidder. In the event that the bidder hires/mobilizes employee(s) (key personnel), the bidder must submit a written commitment ensuring the availability of personnel for implementation of the bidding package and prepare relevant documents for reconciliation during contract negotiations (contracts/principles agreements on mobilization/hiring and use of such employee(s), or other documents related to the hiring and use of such employee(s))</i>				
4.4	Chuyên viên Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp <i>Enterprise Architecture management specialist</i>	Tối thiểu 01 <i>At least 01</i>	5		5
4.4.1	<i>Yêu cầu về bằng cấp</i> <i>Qualification requirements</i> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với chuyên gia người Việt Nam: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) của bằng cấp nhân sự và giấy tờ/văn bản chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu. <i>For Vietnamese experts: The bidder must submit copies (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the</i> 		2	<i>Tốt nghiệp Đại học trở lên (tốt nghiệp hệ đại học hoặc trên đại học của các trường đại học tại Việt Nam hoặc các trường đại học tại nước ngoài), chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin, điện tử viễn thông, khoa học máy tính, kinh tế, tài chính ngân hàng, hoặc tương đương: 2 Graduated from a University or higher (holding a bachelor's degree or postgraduate degree from universities in Vietnam or abroad), majoring in information technology, information security, electronics and telecommunications, computer science,</i>	



	<p><i>original issued by the issuing organization as prescribed) of the personnel's academic qualifications, together with papers/documents evidencing the bidder's ability to mobilize such personnel, and the bidder's written commitment to meet the requirements.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với chuyên gia người nước ngoài: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao và bản dịch thuật của bằng cấp nhân sự và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu. <i>For foreign experts: The bidder must submit copies and translations of the personnel's academic qualifications and the bidder's written commitment to meet the requirement.</i> 			<p><i>economics, finance and banking, or an equivalent field: 2</i> <i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác: 0</i> <i>Intermediate-level diploma, college degree, or other equivalent qualifications: 0</i></p>	
4.4.2	<p><i>Có ít nhất một trong các chứng chỉ TOGAF, BIAN hoặc chứng chỉ tương đương về kiến trúc doanh nghiệp</i> <i>Possession of at least one of the following certificates: TOGAF, BIAN, or equivalent certification in enterprise architecture</i></p>		1	<p><i>Có chứng chỉ đạt yêu cầu: 1</i> <i>Certificate meeting requirements: 1</i> <i>Không có chứng chỉ đạt yêu cầu: 0</i> <i>No certificate meeting requirements: 0</i></p>	
4.4.3	<p><i>Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan đến Kiến trúc doanh nghiệp</i> <i>Experience in participating in projects related to Enterprise architecture</i> <i>Tài liệu chứng minh:</i> <i>Supporting documents:</i> + Bảng kê lý lịch chuyên gia có xác nhận của nhà thầu đối với nội dung: (i) Vị trí công việc; (ii)</p>		2	<p><i>Từ 1 dự án trở lên: 2</i> <i>At least 1 project: 2</i> <i>Không có dự án: 0</i> <i>No project: 0</i></p>	

<p>Tổng số năm kinh nghiệm làm việc; (iii) Tổng số năm kinh nghiệm tối thiểu làm việc trong liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp; (iv) Tổng số dự án/hợp đồng liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp</p> <p><i>A resume with confirmation from the bidder regarding the content of: (i) Job position; (ii) Total years of working experience; (iii) Minimum total years of working experience in the field of enterprise architecture; (iv) Total number of projects/contracts related to enterprise architecture</i></p> <p>+ Hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư hoặc tài liệu nội bộ của nhà thầu/tài liệu khác về hợp đồng/dự án đã hoàn thành có sự tham gia của nhân sự chủ chốt.</p> <p><i>Contracts or confirmation from the Employer or internal document(s) of the bidder/other documents regarding completed contracts/projects with the participation of the key personnel.</i></p> <p>+ Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động, đi thuê. Trong trường hợp nhà thầu huy động/ thuê lao động (nhân sự chủ chốt) thì phải có văn bản cam kết của nhà thầu về việc đảm bảo nhân sự để thực hiện gói thầu và chuẩn bị các tài liệu liên quan để đối chiếu khi thương thảo hợp đồng (hợp đồng/thỏa thuận nguyên tắc về việc huy động/thuê, sử dụng lao</p>				
--	--	--	--	--



<p>động hoặc tài liệu khác liên quan đến việc thuê, sử dụng lao động)</p> <p><i>Key personnel may be either be permanent staff of the bidder or personnel mobilized/hired by the bidder. In the event that the bidder hires/mobilizes employee(s) (key personnel), the bidder must submit a written commitment ensuring the availability of personnel for implementation of the bidding package and prepare relevant documents for reconciliation during contract negotiations (contracts/principles agreements on mobilization/hiring and use of such employee(s), or other documents related to the hiring and use of such employee(s))</i></p>				
<p>Tổng cộng (100%) <i>Total (100%)</i></p>	100		80	

Ghi chú:

Note:

Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê.

The bidder may propose key personnel who are either permanent staff of the bidder or personnel hired by the bidder.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

The development of technical evaluation criteria must ensure the following requirements:

+ HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên gia công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

A Bid that fails to meet the minimum required score for one or more criteria related to solutions and methodology, personnel, or technology transfer (if any) shall be considered as not meeting the technical requirements;

+ HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

A Bid with a technical score not lower than the minimum required score shall be considered as meeting the technical requirements.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Section 3. Financial evaluation criteria

3.1 Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

For the combined technical and price evaluation method

Điểm giá được xác định như sau:

The price score shall be determined as follows:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

The price score under consideration

Trong đó:

In which:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của HSDXTC đang xét;

The price score_{under consideration}: The price score of FPD under consideration:

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

G_{lowest} : The bid price after adjustment for deviations (if any), and after deduction of the value of discounts (if any), among the bidders whose financial proposals are subject to detailed financial evaluation (applicable to time-based contracts). For lump-sum and unit price contracts, this refers to the lowest bid price after discounts (if any) among the bidders whose financial proposals are subject to detailed financial evaluation;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với

gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của HSDXTC đang xét;

*G*_{under consideration}: The bid price after adjustment for deviations (if any), and after deduction the value of discounts (if any) of the financial proposal under consideration (applicable to time-based contracts). For lump-sum and unit price contracts, this refers to the bid price after discounts (if any) of the FPD under consideration;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

T: The maximum technical score.

- Xác định điểm tổng hợp:

Determination of the overall score:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

The overall score shall be determined by the following formula:

Điểm tổng hợp_{đang xét} = K x Điểm kỹ thuật_{đang xét} + G x Điểm giá_{đang xét}

Overall score_{under consideration} = K x Technical score_{under consideration} + G x Price score_{under consideration}

Trong đó:

In which:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

Technical score_{under consideration}: Means the score determined during the technical evaluation;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

Price score_{under consideration}: Means the score determined during the price evaluation;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%;

K: The technical score ratio specified in the overall score, accounting for a percentage ranging from 70% to 80%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

G: The price score ratio specified in the overall score, accounting for a percentage ranging from 20% to 30%;

+ K + G = 100%;

K + G = 100%;

- Xếp hạng nhà thầu: HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

Bidder ranking: The Bid with the highest overall score shall be ranked first.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU
CHAPTER IV - BIDDING FORMS

Mẫu số 01: HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU
Form No. 01: WORK ITEMS OF THE BIDDING PACKAGE

Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng: áp dụng
Work items based on unit price and quantity: applicable

STT <i>No.</i>	Mô tả công việc <i>Work description</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Khối lượng <i>Quantity</i>
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<p>Dịch vụ Tư vấn triển khai chức năng Quản trị kiến trúc doanh nghiệp (Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V)</p> <p><i>Consulting Services for implementation of Enterprise architecture management functions (with reference to the requirements set out in the Terms of Reference in Chapter V)</i></p>	Gói Package	01

Ghi chú:

Note:

- Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương: Không áp dụng
Work based on expert salaries and other non-salary costs: Not applicable

Mẫu số 02a. ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**Form No. 02a. BID SUBMISSION FORM ⁽¹⁾****(thuộc HSDXKT)**
(included in the TPD)

Ngày: ___ [ghi ngày, tháng, năm ký đơn dự thầu]

Date: ___ [insert the date, month, year of signing the bid submission form]

Tên gói thầu: **Dịch vụ Tư vấn triển khai chức năng Quản trị kiến trúc doanh nghiệp**Name of the bidding package: **Consulting Services for implementation of Enterprise architecture management functions**Kính gửi: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**To: **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

After studying the BD, we:

- Tên nhà thầu: ___ [ghi tên nhà thầu], Mã số thuế: ___ [ghi mã số thuế nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu **Dịch vụ Tư vấn triển khai chức năng Quản trị kiến trúc doanh nghiệp** số TBMT: ___ [Ghi số thông báo mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT.

Name of bidder: ___ [insert the name of the bidder], Tax code: ___ [insert the bidder tax code] commit to implementing the **Consulting Services for implementation of Enterprise architecture management functions** bidding package with the Invitation for Bids No.: ___ [Insert the number of the invitation for bids on the e-procurement system] in accordance with the requirements set out in the BD.

Hiệu lực của HSDXKT: ___ [Ghi thời gian hiệu lực] ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Validity period of the TPD: ___ [Insert the validity period] days, from the date of the bid closing time.

Chúng tôi cam kết:

We hereby commit that:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

We are not in the process of dissolution nor subject to revocation of enterprise registration certificate, or of cooperative, cooperative union, or cooperation group registration certificate; are not insolvent in accordance with the provisions of the law of bankruptcy (for bidders that are household businesses, the household is not in the process of operation termination or subject to revocation of household business

registration certificate).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

We shall not violate the regulations on ensuring competition in bidding.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

We have fulfilled the tax declaration and tax payment obligations for the most recent fiscal year as of the bid closing time.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

Within 03 years prior to the bid closing time, the bidder has not had any personnel (who were employed by the bidder at the time of the personnel committed the violation) convicted by a Court for violations of bidding regulations causing serious consequences in accordance with the provisions of law on criminal with the purpose of securing the bidder's success in winning the bid⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

We are not being subject to a prohibition on participating in bidding in accordance with the provisions of the law on bidding.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

We are not being subject to criminal prosecution (the household owner is not under criminal prosecution in the event that the bidder is a household business).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

We have not engaged in any acts of corruption, bribery, collusion, obstruction, or other violations of the law on bidding when participating in this bidding package.

8. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

All information declared in the Bid is truthful.

9. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

In the event of winning the bid, the Bid and any supplementing or clarifying documents of the Bid shall constitute a binding agreement between the two parties until the contract is signed.

HSDXKT này có hiệu lực trong thời gian⁽³⁾ ngày, kể từ ngày.... Tháng..... năm.....⁽⁴⁾

This TPD shall remain in effect for⁽³⁾ days, from [date] [month] [year]⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁵⁾*Lawful representative of the bidder ⁽⁵⁾**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**[insert name, title, signature and seal]***Ghi chú:****Notes:**

- (1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Chủ đầu tư, nhà thầu, tên gói thầu, tên dự án.

The bidder should note that the bid submission form must fully and accurately include the information regarding the name of the Employer, the bidder, the name of the bidding package, and the project.

Đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT phải đáp ứng yêu cầu của HSMT, thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT theo quy định tại Mục 1 Chương III.

The bid submission form must be signed and sealed (if any) by the bidder's lawful representative; the validity period of the Bid must meet the requirements of the BD, and the bid submission form must be signed after the issuance of the BD as stipulated in Section 1, Chapter III.

- (2) HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

The BD must not require the bidder to submit criminal record certificates of personnel to demonstrate compliance with this evaluation criterion.

- (3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 15.1 BDL. Thời gian có hiệu lực của HSĐXKT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

Insert the number of effective days as specified in Section 15.1 of the BDS. The validity period of the TPD shall be calculated from the date of the bid closing time to the last effective day as specified in the BD. The period from the bid closing time until the end of 24 hours of that day shall be counted as 01 day.

- (4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 CDNT.

Insert the bid closing time as stipulated in Section 16.1 of the ITB.

- (5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02b Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02b Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì việc ủy quyền thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu có từ 2 người đại diện theo pháp luật trở lên, nhà thầu cần cung cấp bản chụp được công chứng, chứng thực hoặc được cấp từ sổ gốc của một trong các văn bản tài liệu sau:

If the bidder's lawful representative authorizes a subordinate to sign the bid submission form, a Power of attorney in accordance with Form No. 02b of this Chapter must be attached; if the company's charter or other relevant documents assign the responsibility for the subordinate to sign the bid submission form, such documents must be attached (a Power of attorney in accordance with Form No. 02b of this Chapter shall not be required). If the bidder is a consortium, the bid submission form must be signed by the lawful representatives of each member of the consortium, or by the member assigned to sign on behalf of the consortium in accordance with the responsibility assignment in the consortium agreement according to Form No. 03 of this Chapter. If each member of the consortium authorizes another person, the authorization shall be carried out as for an independent bidder. If a foreign bidder does not have a seal, confirmation from a competent authority that the signature on the bid submission form and other documents in the Bid are those of the bidder's lawful representative must be provided. If the bidder has 2 or more legal representatives, a certified, notarized copy, or issued copy from the original record of one of the following documents shall be required to be provided by the bidder:

- Điều lệ công ty có nội dung quy định cụ thể về việc phân công nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn giữa những người đại diện theo pháp luật của công ty; hoặc,

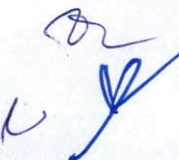
The company's charter, which specifies the assignment of duties, responsibilities, and authorities among the company's legal representatives; or,

- Văn bản của Hội đồng quản trị Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu công ty về việc giao hoặc phân công nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn giữa những người đại diện theo pháp luật của công ty; hoặc:

A document of the Board of Directors, the Board of Members/the company's Owner regarding the assignment or delegation of duties, responsibilities, and authorities among the company's legal representatives; or:

- Văn bản phân công công việc giữa những người đại diện theo pháp luật của công ty, được ký bởi tất cả những người đại diện theo pháp luật của công ty và được đóng dấu của công ty.

A document assigning work between the legal representatives of the company signed by all legal representatives of the company and stamped with the company seal.



Mẫu số 02b. GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾
Form No. 02b. POWER OF ATTORNEY ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Today, on [date] [month] [year], at ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên chủ đầu tư] tổ chức:

My name is ____ [insert name, Citizen Identity card number or passport number, and title of the legal representative of the bidder], the legal representative of ____ [insert name of the bidder], having the address at ____ [insert address of the bidder], hereby authorizes ____ [insert name, Citizen Identity card number or passport number, and title of the authorized person] to implement the following tasks during the bidding process for bidding package ____ [insert name of the bidding package] under the project/pocurement estimate ____ [insert name of the project/pocurement estimate] organized by ____ [insert name of employer]:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

Participate in and sign documents during the document reconciliation process;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

Participate in and sign documents during the contract negotiation process (if any) in the event of direct contract negotiation;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾.

Participate in and sign documents during the contract finalization process in the event of direct contract finalization.]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

The authorized person mentioned above shall only implement tasks within the scope of authorization as the lawful representative of ____ [insert name of bidder]. ____ [insert name of the legal representative of the bidder] shall take full responsibility for the tasks implemented by ____ [insert name of the authorized person] within the scope of the authorization.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản.

The power of attorney shall remain in effect from ____ to ____ ⁽³⁾. This power of attorney is made into ____ originals with the

same validity, the authorizing person shall keep ____ original(s), and the authorized person shall keep ____ original(s), and the employer shall keep ____ original(s).

Người được ủy quyền

Authorized person

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

[insert name, title, signature and seal
(if any)]

Người ủy quyền

Authorizing person

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[insert name of the legal representative of the
bidder, title, signature and seal]

Ghi chú:

Notes:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

In case of authorization, the original power of attorney must be submitted to the employer for document reconciliation, contract negotiation, and contract finalization. The authorization by the legal representative of the bidder to a deputy, subordinate, branch director, or head of the representative office of the bidder allows them to act on behalf of the legal representative of the bidder on implementation of one or more of the tasks mentioned above. The use of a seal in cases of authorization may be either the seal of the bidder or the seal of the entity to which the authorized individual belongs. The authorized person shall not be permitted to further authorize another individual.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

The scope of the authorization shall include one or more of the tasks mentioned above.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Insert the effective date and the expiration date of the power of attorney in accordance with the document reconciliation process, contract negotiation, finalization, and signing. The power of attorney must be effective prior to the commencement of the authorized tasks.

Mẫu số 03. THỎA THUẬN LIÊN DANH
Form No.03. THE CONSORTIUM AGREEMENT

Ngày: ___ [ghi ngày tháng năm]

Date: ___ [insert the date, month, year]

Gói thầu: ___ [ghi tên gói thầu]

The bidding package: ___ [insert the name of the bidding package]

Căn cứ ⁽¹⁾.....

Pursuant to ⁽¹⁾.....

Căn cứ HSMT gói thầu: ___ [ghi tên gói thầu] với số TBMT: ___ [Ghi số và ngày TBMT]

Pursuant to the BD of the bidding package: ___ [insert the name of the bidding package] with the Invitation for bids No.: ___

[Insert the number and date of the Invitation for bids]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

We, representing the signing parties of the consortium agreement, are as follows:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [Ghi tên thành viên liên danh thứ nhất]

Name of the first consortium member: ___ [Insert name of the first consortium member]

Mã số thuế: _____

Tax code: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Represented by Mr./Ms.: _____

Chức vụ: _____

Position: _____

Địa chỉ: _____

Address: _____

Điện thoại: _____

Phone number: _____

Giấy ủy quyền số.....ngày... tháng....năm (trường hợp được ủy quyền).

The Power of Attorney No.dated [date] [month] [year] (in case of authorization).

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [Ghi tên thành viên liên danh thứ hai]

Name of the second consortium member: _____ [*Insert name of the second consortium member*]

Mã số thuế: _____

Tax code: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Represented by Mr./Ms.: _____

Chức vụ: _____

Position: _____

Địa chỉ: _____

Address: _____

Điện thoại: _____

Phone number: _____

Giấy ủy quyền số.....ngày... tháng....năm (trường hợp được ủy quyền).

The Power of Attorney No. ___ dated [date] [month] [year] (in case of authorization).

...

Tên thành viên liên danh thứ n: _____ [*Ghi tên thành viên liên danh thứ n*]

Name of the n consortium member: _____ [*Insert name of the n consortium member*]

Mã số thuế: _____

Tax code: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Represented by Mr./Ms.: _____

Chức vụ: _____

Position: _____

Địa chỉ: _____

Address: _____

Điện thoại: _____

Phone number: _____

Giấy ủy quyền số.....ngày... tháng....năm (trường hợp được ủy quyền).

The power of attorney No. ___ dated [day] [month] [year] (in case of authorization)

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

The parties (hereinafter referred to as the members) have agreed to enter into this consortium agreement with the following

terms and conditions:

Điều 1. Nguyên tắc chung

Article 1. General principles

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*].

The members voluntarily form the consortium to participate in the bidding for the bidding package ____ [insert the name of the bidding package].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

The members agree that the name of the consortium for all transactions related to this bidding package shall be: ____ [insert the name of the consortium as per the agreement].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

The members commit that no member shall independently participate or form another consortium with another party to participate in this bidding package. In case of winning the bid, no member has the right to refuse to fulfill the responsibilities and obligations stipulated in the contract. In case a member of the consortium refuses to complete their responsibilities as agreed, that member shall:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*

Compensate for damages caused to the parties in consortium;

- *Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*

Compensate for damages caused to the employer in accordance with the provisions stipulated in the contract;

- *Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].*

Other forms of handling ____ [specifically insert the other forms of handling].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Article 2. Assignment of responsibilities

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] đối với từng thành viên như sau:

The members agree to assign responsibilities for implementing the bidding package ____ [Insert name of the bidding package] to each member as follows:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Leading member of the consortium:

Các bên nhất trí phân công ____ [*ghi tên thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

The parties agree to assign _____ [insert name of consortium establishing members] as the leading member of the consortium, representing the consortium in the following tasks⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDT cho cả liên danh.

Use a digital certificate and account to submit the Bid on behalf of the consortium.

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;

Sign the documents and paperwork for transactions with the employer during the participation of the bidding process, documents clarifying the Bid, or documents requesting withdrawal of the Bid.

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

Participate in the negotiation and finalization process of the contract;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

Sign the petitions in the event that the bidder has any petitions;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

Other tasks except for signing the contract ____ [insert the content of other tasks (if any)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

The members of the consortium agree to assign responsibilities for the implementation of the tasks in accordance with the table below⁽³⁾:

STT No.	Tên Name	Nội dung công việc đảm nhận Content of undertaken tasks	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu Percentage of the value undertaken compared to the total bid price
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh <i>Name of the leading member of the consortium</i>	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2 <i>Name of the 2nd member</i>	- ____	- ____ %

		- ____	- ____%
....
Tổng cộng <i>Total</i>		Toàn bộ công việc của gói thầu <i>All tasks of the bidding package</i>	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**Article 3. The effectiveness of the consortium agreement**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

The consortium agreement shall be effective from the date of signing.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

The consortium agreement shall expire in the following events:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

The parties fulfill their responsibilities, obligations and proceed with contract liquidation;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

The parties mutually agree to terminate;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

The consortium bidder does not win the bid;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo thông báo của chủ đầu tư.

The bidding for the bidding package ____ [Insert name of the bidding package] is annulled as notified by the employer.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

The consortium agreement shall be made with the consent of all members.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**LAWFUL REPRESENTATIVE OF THE LEADING MEMBER OF THE CONSORTIUM**

[xác nhận, chữ ký số]

[confirmation, digital signature]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**LAWFUL REPRESENTATIVE OF THE CONSORTIUM**

[xác nhận, chữ ký số]

[confirmation, digital signature]

Ghi chú:

Notes:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

The system automatically updates legal normative documents in accordance with the current provisions of the law.

- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

The assignment of responsibilities includes one or more of the tasks mentioned above.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

The bidder must specify the scope of specific tasks and the estimated value corresponding to the tasks to be undertaken by each consortium member, the general and individual responsibilities of each member, including the leading member of the consortium. The assignment of tasks within the consortium must be based on the work items specified in the terms of reference and technical proposal, and tasks not included in these items must not be assigned.

Mẫu số 04. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

Form No.04. ORGANIZATIONAL STRUCTURE AND EXPERIENCE OF THE CONSULTING BIDDER

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

Organizational structure of the bidder

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

[Briefly describe the formation and organization of the bidder (in case of a consortium, describe the organization of each member of the consortium). Indicate the number of consulting specialized experts employed by the bidder under long-term or indefinite labor contracts and state the years of experience of each expert].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Experience of the bidder

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Similar CS bidding packages implemented by the bidder within the last _____ [Insert number of years]¹ year(s).

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

The bidder must use the table below to declare each CS similar to the CS required in this bidding package that the bidder has implemented (either as an independent bidder, a consortium member, or a subcontractor). For each similar task, the consulting bidder must provide a summary including the names of the key personnel and subcontractors of the bidder participated, the task implementation period, and the contract price (in case the bidder participating in the bidding is a consortium member or a subcontractor, the volume of tasks and the value undertaken as the consortium member or subcontractor must be clearly stated).

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Insert the number of years based on the nature and requirements of the bidding package (typically 3, 4, or 5 years; bidders established for less than 3 years shall still be considered and evaluated, and shall not be automatically disqualified).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp HSDT.

The contract implementation experience of the experts in roles as individual consultants or as experts for other consulting bidders shall be counted only toward the experience of the individual expert, and shall not be included in the contract implementation experience of the bidder submitting the Bid.

Thời gian <i>Duration</i>	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính] <i>Name of work [briefly describe results and main product]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc <i>Name of the bidding package, name of project/procurement estimate, employer, and place of work</i>	Giá trị hợp đồng [trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện] <i>Agreement value [in event of a consortium, specify the value of CS provided by the bidder]</i>	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh] <i>Role in the work [specify whether as the bidder, subcontractor, or consortium member]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...] <i>Implementation period of the bidding package [specify from [date] to [date]]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] <i>Implementation period of the bidding package [specify from [date] to [date]]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do <i>In case of delays, specify the reasons</i>

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

The bidder must submit the copies of the relevant documents and materials.

Mẫu số 05. NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU***Form No. 05. SUGGESTIONS (IF ANY) TO COMPLETE THE TERMS OF REFERENCE***

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

[The bidder presents the contents of amendments to improve the terms of reference for contract implementation]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

Proposals for supplementing and modifying the terms of reference:

1.

2.

3.

4.

5.

Mẫu số 06. GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Form No. 06. SOLUTIONS AND METHODOLOGY PROPOSED BY THE BIDDER TO IMPLEMENT THE CONSULTING SERVICES

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

The bidder shall prepare the technical proposal (including chart(s)) consisting of 3 sections:

1. Giải pháp và phương pháp luận

Solutions and methodology

2. Kế hoạch công tác

Work plan

3. Tổ chức và nhân sự

Organization and personnel

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Solutions and methodology. [Describe the understanding of the objectives of the work specified in the Terms of reference, the technical approach, and the methodology that shall be applied to implement the work in order to achieve the expected results and the detailed level of such results. For consulting and supervision bidding packages, solutions and methodology should also include environmental and social aspects. The bidder should avoid copying or repeating the Terms of reference in this section].

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Work plan. [Provide the plan for main activities/tasks, content, and operational tentative duration, activities staging, correlation between phases, key milestones (including interim approval steps from the employer), and the expected date for report submission.

The work plan must be consistent with the technical approach and methodology, demonstrating an understanding of the Terms of reference and the ability to convert the Terms of reference into a feasible work plan. A complete list of documents to be submitted (including reports) should be attached. The work plan must consist of the Progress plan]

Tổ chức và Nhân sự. *[Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]*

Organization and personnel. *[Describe the structure and composition of the expert group, including the list of key personnel, other personnel, and relevant technical and administrative support staff(s)]*



Mẫu số 07. LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN**Form No.07. CONSULTANT EXPERT CURRICULUM VITAE**

Tên nhà thầu:

Name of the bidder:

Tên và số của vị trí tư vấn <i>Title and number of the consulting position</i>	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM] [e.g., K-1, TEAM LEADER]
Tên chuyên gia tư vấn: <i>Name of consultant:</i>	[điền tên đầy đủ] [insert full name]
Ngày sinh: <i>Date of birth:</i>	[ngày/tháng/năm] [date/month/year]
Quốc tịch <i>Nationality:</i>	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Education: [List the colleges/universities or specialized courses, including the name of the educational institutions, period of study, and the degree or qualification obtained]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Employment record relevant to the work: [List in chronological order as per the table below, positions not relevant to the work required need not be included]

Thời gian (từ...đến...) <i>Period (from...to...)</i>	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu <i>Name of organization, unit, position, and contact information for reference</i>	Địa điểm làm việc <i>Working location</i>	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu <i>Summary of previous work experience suitable for current required work</i>

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Member of Specialized associations, professional organizations and publications:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):*Languages (Only specify the languages that can be used for working):*

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

I hereby commit that the information provided above is truthful and accurate and I shall take full legal responsibility for any false information.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu <i>Lawful representative of the bidder</i> Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên <i>Signature, position, and insert full name</i>, ngày... tháng... năm...,[day] ...[month] ...[year] ... Người khai (Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên) <i>Declarant (Signature, position and insert full name)</i>
--	---

Ghi chú:

Notes:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.

Each of the consultant experts listed on Form No. 09 is required to declare this Form.

- Nhà thầu nộp cùng HSDT các tài liệu chứng minh về năng lực kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn nêu trên theo yêu cầu của HSMT.

The bidder must submit supporting documents of qualifications and experience of the consultant mentioned above as required in the BD together with the Bid.

Mẫu số 08. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC*Form No. 08. WORK IMPLEMENTATION SCHEDULE*

Stt No.	Nội dung công việc ⁽¹⁾ <i>Work contents ⁽¹⁾</i>	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [<i>Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống</i>] <i>Month/day ⁽²⁾ [The bidder shall choose the month or day on the System]</i>							
		1	2	3	4	5	n	Tổng <i>Total</i>
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1: [E.g: Work item No. 1:								
	1) Thu thập dữ liệu <i>Data collection</i>								
	2) Soạn thảo báo cáo <i>Drafting report</i>								
	3) Báo cáo sơ bộ <i>Interim report</i>								
	4) Tổng hợp ý kiến <i>Summary of comments</i>								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng] <i>Final report</i>								
2	[Hạng mục công việc 2] [Work item No. 2]								
...									
n									

Ghi chú:

Notes:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.

List all work items, and for each work item, the schedule of the specific tasks must be specified.

- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

The timeline for each specific task shall be presented by a chart, and if necessary, the bidder may provide notes and/or explanations for the chart.

Handwritten signature or initials in blue ink.

Mẫu số 09. DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Form No. 09. LIST OF EXPERTS PARTICIPATING IN THE IMPLEMENTATION OF CONSULTING SERVICES

Stt No.	Tên Name	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu Identification number/ID card/citizen identity card/Passport number	Chức danh bố trí trong gói thầu Assigned position in the bidding package	Cách thức huy động Method of mobilization	Địa điểm làm việc Working location	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹ Man-days [Choose person/month or person/day] ¹			Tổng số tháng công/ngày công Total man-months/man-days
						Hạng mục công việc 1 Work item No. 1	Hạng mục công việc 2 Work item No. 2	... ²	
I Nhân sự chủ chốt³ <i>Key personnel³</i>									
1	Nguyễn Văn A <i>Nguyen Van A</i>		[theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III] <i>[based on the locations as specified in Table 01, Chapter III]</i>	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê] <i>[The bidder shall choose one of the two options: bidder's personnel/Outsourced personnel]</i>	[Công ty] <i>[Company]</i>				[Hệ thống tự tính] <i>[Automatic calculation system]</i>
					[Thực địa] <i>[On-site]</i>				[Hệ thống tự tính] <i>[Automatic calculation system]</i>
2					[Công ty] <i>[Company]</i>				
					[Thực địa] <i>[On-site]</i>				

								
	Số công nhân sự chủ chốt <i>Key personnel's man-days</i>								
II	Nhân sự khác <i>Other personnel</i>								
1			[Nhà thầu điền] [The bidder inserts here]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê) [Bidder shall choose one of the two options: bidder's personnel/Outsourced personnel]	[Công ty] [Company]				[Hệ thống tự tính] [Automatic calculation system]
					[Thực địa] [On-site]				[Hệ thống tự tính] [Automatic calculation system]
2				[Công ty] [Company]				
					[Thực địa] [On-site]				
	Số công nhân sự khác <i>Other personnel's input</i>								

Ghi chú:

Notes:

(1) Trường hợp Mục 14.3 **BDS** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **BDS**.

*In the event that is stipulated in Section 14.3 of the **BDS**, the bidder shall choose between person/month or person/day in accordance with the provisions of this Section: the bidder must propose the total man-days for key personnel that shall not be less than the requirements specified in Section 14.3 of the **BDS**.*

(2) Hạng mục công việc theo Mẫu số 08 Chương IV.

Work items as specified in Form No. 08, Chapter IV.

(3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

The positions and the number of key personnel shall be in accordance with the requirements specified in Table No. 01, Section 2, Chapter III.

Mẫu số 11. ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**Form No.11. BID SUBMISSION FORM⁽¹⁾***(thuộc HSDXTC)**(included in the FPD)*Ngày: ___ [*ghi ngày tháng năm ký Đơn dự thầu*]Date: ___ [*insert the date, month, year of the signing date of the Bid submission form*]Tên gói thầu: ___ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu*]Name of the bidding package: ___ [*Insert name of the bidding package as specified in the invitation for bids*]**Kính gửi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam****To: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade**

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

After studying BD, we:

Tên nhà thầu: ___ [*Ghi tên nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu*] số TBMT: ___ [*Ghi số thông báo mời thầu đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu là ___ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu*]⁽²⁾ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo⁽³⁾.

Name of bidder: ___ [*Insert name of the bidder*], commit to implement the bidding package ___ [*Insert the name of the bidding package as specified in the invitation for bids*] with Invitation for Bids number: ___ [*insert the invitation for bids number on the national e-procurement system*] in accordance with the requirements specified in the BD with the bid price of ___ [*insert the value in figures, in words and in the bidding currency*]⁽²⁾ together with the accompanying bid price summary tables⁽³⁾.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá*].*In addition, we voluntarily offer a discount on the bid price at a rate of ___ [*Insert percentage (%) of the discount*].*

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu*]⁽²⁾ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

The bid price after deducting the value of discounts is: ___ [*insert the amount in figures, in words, and in the bidding currency*]⁽²⁾ (inclusive of all applicable taxes, fees, and charges (if any)).

Hiệu lực của HSDXTC: ____⁽⁴⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.
The validity of the FPD: ____⁽⁴⁾ days, from the date of [date] [month] [year]⁽⁵⁾.

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.
We hereby confirm that the information declared in the Bid is truthful.

Đại diện Hợp pháp của Nhà thầu⁽⁶⁾
Lawful representative of the Bidder⁽⁶⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]
[insert full name, position, signature and seal]

Ghi chú:

Notes:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Chủ đầu tư, nhà thầu, tên gói thầu, tên dự án. Đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT phải đáp ứng yêu cầu của HSMT, thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT theo quy định tại Mục 1 Chương III.

The Bidder please note that the bid submission form must be fully and accurately filled out with the information regarding the name of the Employer, the bidder, the bidding package, and the project. The bid submission form must be signed and sealed (if any), the validity period of the Bid must meet the requirements of the BD, and the bid submission form must be signed after the issuance of the BD as specified in Section 1, Chapter III.

(2) Trường hợp trong HSMT cho phép chào theo một số đồng tiền khác nhau thì nhà thầu cần ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền do nhà thầu chào. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, đã bao gồm tất cả các loại thuế, chi phí. Giá dự thầu bằng số hoặc bằng chữ phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp chi phí, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.

If the BD allows the quotation in various currencies, the bidder must clearly state the bid price in figures and in words for each currency quoted. The bid price specified in the bid submission form must be specific and fixed in both figures and in words, and must include all taxes and costs. The bid price in figures or in words must be appropriate and logical with the total bid price specified in the summary of costs, without proposing different bid prices or including any conditions that may disadvantage the Employer.

(3) Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì nộp thư giảm giá riêng hoặc ghi giá trị giảm giá vào đơn dự thầu.

In case the bidder proposes discounts, the bidder shall submit a separate letter of discount or directly specify the discount amount in the bid submission form.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 15.1 BDL. Thời gian có hiệu lực của HSDXTC được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là **01 ngày**.

Insert the number of effective days as specified in Section 15.1 of the BDS. The validity period of FPD shall be calculated from the date of the bid closing time to the last effective day as specified in the BD. The period from the bid closing time until the end of 24 hours of that day shall be counted as 01 day.

(5) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 BDL.

Insert the date of bid closing time as specified in Section 16.1 of the BDS.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì việc ủy quyền thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

If the bidder's lawful representative authorizes a subordinate to sign the bid submission form, a Power of attorney in accordance with Form No. 02 of this Chapter must be attached; if the company's charter or other relevant documents assign the responsibility for the subordinate to sign the bid submission form, such documents must be attached (a Power of attorney in accordance with Form No. 02 of this Chapter shall not be required). If the bidder is a consortium, the bid submission form must be signed by the lawful representatives of each member of the consortium, or by the member assigned to sign on behalf of the consortium in accordance with the responsibility assignment in the consortium agreement according to Form No. 03 of this Chapter. If each member of the consortium authorizes another person, the authorization shall be carried out as for an independent bidder.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

If the foreign bidder does not have a seal, confirmation from a competent authority that the signature on the bid submission form and other documents in the Bid are those of the bidder's lawful representative must be provided.

Trường hợp nhà thầu có từ 2 người đại diện theo pháp luật trở lên, nhà thầu cần cung cấp bản chụp được công chứng, chứng thực hoặc được cấp từ sổ gốc của một trong các văn bản tài liệu sau:

If the bidder has 2 or more legal representatives, a certified, notarized copy, or issued copy from the original record of one of the following documents shall be required to be provided by the bidder:

- Điều lệ công ty có nội dung quy định cụ thể về việc phân công nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn giữa những người đại diện theo pháp

luật của công ty; hoặc,

The company's charter, which specifies the assignment of duties, responsibilities, and authorities among the company's legal representatives; or,

- Văn bản của Hội đồng quản trị Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu công ty về việc giao hoặc phân công nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn giữa những người đại diện theo pháp luật của công ty; hoặc,

A document of the Board of Directors, the Board of Members/the company's Owner regarding the assignment or delegation of duties, responsibilities, and authorities among the company's legal representatives; or,

- Văn bản phân công công việc giữa những người đại diện theo pháp luật của công ty, được ký bởi tất cả những người đại diện theo pháp luật của công ty và được đóng dấu của công ty

A document assigning work between the legal representatives of the company signed by all legal representatives of the company and stamped with the company seal

Mẫu số 14

Form No. 14

CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG

COSTS OF WORK ITEMS BASED ON UNIT PRICE AND QUANTITY

STT No.	Mô tả công việc <i>Work description</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Khối lượng <i>Quantity</i>	Đơn giá (bao gồm VAT) <i>Unit price (VAT included)</i>	Thành tiền (bao gồm VAT) <i>Total amount (VAT included)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói <i>Work based on unit price and quantity, applicable to lump-sum contract</i>				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá <i>Work based on unit price and quantity, applicable to unit-price contract</i>				(M2)
	Các công việc <i>Tasks</i>				
1					
2					

...					
Tổng cộng <i>Total</i>					M=(M1+M2)

Ghi chú:Notes:

- (1) (2) (3) (4): Số liệu theo Mẫu số 01

(1) (2) (3) (4): Data according to Form No. 01

- (5),(6): Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

(5), (6) The bidder shall fill in the unit prices inclusive of all necessary costs to implement the service, including taxes, fees, and charges.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU*PART 2. TERMS OF REFERENCE***CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU***CHAPTER V. TERMS OF REFERENCE***I. Giới thiệu:***I. Introduction:*

- Tên gói thầu: Dịch vụ Tư vấn triển khai chức năng Quản trị kiến trúc doanh nghiệp.

Name of the bidding package: Consulting Services for implementation of Enterprise architecture management functions.

- Mục tiêu: Khoản đầu tư giúp VietinBank xây dựng khung kiến trúc doanh nghiệp tổng thể, kết nối chiến lược kinh doanh và công nghệ. Tối ưu chi phí, giảm trùng lặp hệ thống, hỗ trợ triển khai các sáng kiến số hóa như AI, ngân hàng số. Tăng hiệu quả vận hành, minh bạch quy trình và nâng cao năng lực ra quyết định. Phát triển đội ngũ nội bộ thông qua đào tạo, chuyển giao tri thức từ chuyên gia. Tạo nền tảng bền vững cho chuyển đổi số toàn hàng giai đoạn 2025–2030.

Objective: The investment aims to support VietinBank in developing a comprehensive enterprise architecture framework, linking business with technology. It seeks to optimize costs, reduce system duplication, and support the implementation of digital initiatives such as AI and digital banking. Such investment shall enhance operational efficiency, increase process transparency, and strengthen decision-making capabilities. It also aims to develop the internal teams through training and knowledge transfer from experts. It creates a sustainable foundation for the bank's full digital transformation during the 2025–2030 period.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Contract performance period: 180 days, from the effective date of the contract

II. Phạm vi công việc:*II. Scope of work:***1. Phạm vi triển khai:***Scope of implementation:*

- Quy mô triển khai

The scale of implementation

TT <i>No.</i>	Tên HHDV <i>Name of goods and services</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Đơn vị <i>Unit</i>
01	Dịch vụ Tư vấn triển khai chức năng Quản trị kiến trúc doanh nghiệp <i>Consulting Services for implementation of Enterprise architecture management functions</i>	01	Gói <i>Package</i>

- **Địa điểm triển khai:** Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
Implementation location: Vietnam JSC Bank for Industry and Trade.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Technical requirements:

TT <i>No.</i>	Phạm vi công việc <i>Scope of work</i>	Sản phẩm bàn giao <i>Deliverables</i>
I. Tiến hành đánh giá hiện trạng, đánh giá năng lực, xác định mục tiêu chiến lược về Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp (EAM) <i>Conducting assessment of the current status, capability, and identifying strategic objectives for Enterprise Architecture management (EAM)</i>		
1.1	Đánh giá chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ của VietinBank <i>Assessment of VietinBank's products and services development strategy</i>	Báo cáo đánh giá hiện trạng về chiến lược sản phẩm, dịch vụ cho VietinBank, bao gồm: <i>Assessment report on the current state of products and services strategy for VietinBank, including:</i>
1.1.1	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu chiến lược kinh doanh của VietinBank để nắm rõ định hướng và yêu cầu kinh doanh. <i>Studying the business strategy of VietinBank to clearly understand the business direction and requirements.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Kết quả đánh giá chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ của VietinBank. <i>Results of the assessment of VietinBank's product and service development strategy.</i>
1.1.2	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu mô hình hoạt động hiện tại của VietinBank về tầm nhìn, nguyên tắc kinh doanh và hoạt động, mục tiêu, mô hình, chiến lược. 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Kết quả phân tích mô hình tổ chức, quản trị các sản phẩm, dịch vụ; các Chính sách và quy trình liên quan.

	<i>Studying the current operating model of VietinBank regarding its vision, business principles and operations, objectives, organizational model, and strategy.</i>	<i>Results of the analysis of the organizational and governance model for products and services; the relevant Policies and procedures.</i>
1.1.3	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định các yêu cầu cơ bản về Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược kinh doanh mà VietinBank cần đáp ứng và những khoảng trống hiện có để đạt được mục tiêu. <i>Identifying the basic requirements of Enterprise architecture and business strategy that VietinBank needs to fulfill and the existing gaps to achieve the objectives.</i>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đánh giá năng lực và sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu kinh doanh hiện tại theo chiến lược kinh doanh của VietinBank trong 03 - 05 năm tới. <i>Assessment on the capacity and ability readiness to meet the current business requirements and objectives according to Vietinbank's business strategy for the next 03 - 05 years.</i>
1.2	<p>Khảo sát, đánh giá hiện trạng về sản phẩm, dịch vụ và năng lực kinh doanh của VietinBank</p> <i>Conducting the survey and assessing the current status of VietinBank's products, services, and business capability</i>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Xây dựng khung Kiến trúc doanh nghiệp (bao gồm thiết lập sơ đồ năng lực kinh doanh của VietinBank theo từng lĩnh vực nghiệp vụ) <i>Development of the Enterprise architecture framework (including the creation of VietinBank's business capability maps by business domains)</i>
1.2.1	<p>Khảo sát và đánh giá hiện trạng về toàn bộ các sản phẩm, dịch vụ hiện hữu của VietinBank, bao gồm tối thiểu:</p> <i>Conducting the survey and assessing the current status of all existing products and services of VietinBank, including at a minimum:</i> <ul style="list-style-type: none"> • Các sản phẩm dịch vụ lõi <i>Core service products</i> <ul style="list-style-type: none"> • Các sản phẩm kênh số <i>Digital channel products</i> <ul style="list-style-type: none"> • Các sản phẩm dịch vụ khác (nếu có) <i>Other service products (if any)</i>	
1.2.2	<p>Xây dựng khung Kiến trúc doanh nghiệp của VietinBank</p> <i>Development of VietinBank's Enterprise architecture framework</i>	

	<ul style="list-style-type: none"> Trên cơ sở khảo sát, đánh giá các sản phẩm dịch vụ và quy định sản phẩm, xây dựng khung kiến trúc doanh nghiệp, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn, sơ đồ năng lực kinh doanh (business capabilities) theo từng lĩnh vực nghiệp vụ (Tín dụng, Huy động vốn, Thanh toán...) <p><i>Based on the survey and assessment of service products, and product regulations, developing an Enterprise architecture framework, that includes, but is not limited to, business capability maps (business capabilities) by business domains (Credit, Capital raising, Payment, etc.)</i></p>	
1.3	<p>Thực hiện đánh giá chuyên sâu về kiến trúc doanh nghiệp cho tối thiểu 01 sản phẩm/ dịch vụ do VietinBank lựa chọn và đưa ra các khuyến nghị để xây dựng mô hình kiến trúc doanh nghiệp cho 01 sản phẩm/ dịch vụ đó.</p> <p><i>Implementing an in-depth enterprise architecture assessment for at least 01 product/service selected by VietinBank, and delivering recommendations to develop the enterprise architecture model for that 01 product/service.</i></p>	<p>Báo cáo chuyên sâu về kiến trúc doanh nghiệp và các khuyến nghị.</p> <p><i>In-depth report on enterprise architecture and recommendations.</i></p>
<p>II. Xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách, đề xuất danh mục các giải pháp, sáng kiến CNTT liên quan đến Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp, xác định lộ trình thực hiện trong 3-5 năm</p> <p><i>Development of a plan, budget estimation, proposal on a list of IT security solutions and initiatives related to Enterprise Architecture management, and identification of a 3- 5 year implementation roadmap</i></p>		
2.1	<p>Thiết lập mô hình quản trị EA:</p> <p><i>Establishment of the EA mangement model:</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo mô hình quản trị EA tại VietinBank giai đoạn 2025 - 2028, tầm nhìn 2030 cho VietinBank, bao gồm:

Xây dựng chức năng Kiến trúc doanh nghiệp phù hợp với mục tiêu chiến lược của VietinBank, dựa trên kết quả đánh giá hiện trạng, bao gồm:

Developing the Enterprise Architecture function aligned with the strategic objectives of VietinBank, based on the assessment results of current status, including:

- Tầm nhìn, chiến lược, sứ mệnh của Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp (EAM)
Vision, strategy, and mission of Enterprise Architecture management (EAM)

- Xác định mô hình Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp tại VietinBank đến năm 2028, tầm nhìn 2030, đề xuất, ước tính kết quả, mục tiêu, mục tiêu hoạt động đến năm 2028, tầm nhìn 2030, dựa trên các sáng kiến, dự án, giải pháp chiến lược về CNTT, đảm bảo phù hợp với mục tiêu kinh doanh chiến lược của VietinBank.

Identifying the Enterprise Architecture management model at VietinBank toward 2028, with a vision to 2030; proposing and estimating outcomes, objectives, and operating objectives toward 2028, with a vision to 2030 based on the initiatives, projects, and strategic solutions on IT, ensuring the alignment with the strategic business objectives of VietinBank.

- Định hướng chiến lược và mục tiêu cụ thể giai đoạn 2025 - 2028, tầm nhìn 2030.

Defining strategic orientations and specific objectives for the period of 2025 - 2028, with a vision to 2030.

- Xác định mục tiêu Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp đến năm 2028 và tầm nhìn 2030.

Report on the EA management model at VietinBank for the period of 2025-2028, with a vision to 2030, including:

- ✓ Tầm nhìn, chiến lược, sứ mệnh của Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp (EAM)

Vision, strategy, and mission of Enterprise Architecture management (EAM)

- ✓ Định hướng chiến lược và mục tiêu cụ thể giai đoạn 2025 – 2028

Strategic direction and specific objectives for the period of 2025 - 2028

- ✓ Mục tiêu Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp (EAM) đến năm 2028 và tầm nhìn đến năm 2030.

Enterprise Architecture management (EAM) objectives toward 2028 and the vision to 2030.

- ✓ Đề xuất năng lực và các yếu tố nền tảng của quản trị kiến trúc doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu kinh doanh và chiến lược, phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của VietinBank.

Proposal of the capacity and foundational factors of enterprise architecture management that meet business and strategic requirements, ensuring alignment with the business development direction of VietinBank.

- ✓ Đề xuất danh mục các giải pháp công nghệ/sáng kiến quản trị kiến trúc doanh nghiệp phù hợp nhất (tối thiểu 05 giải pháp/ sáng kiến) đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của VietinBank.

Proposal of a list of the most suitable enterprise architecture management technology solutions/initiatives

<p><i>Defining Enterprise Architecture management objectives toward 2028, with the vision to 2030.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đề xuất danh mục chi tiết các sáng kiến với lộ trình, giải pháp Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp theo từng giai đoạn để đạt được mục tiêu đề ra. Các sáng kiến Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp bao gồm thông tin chi tiết về: <ul style="list-style-type: none"> <i>Proposing a detailed list of initiatives with a roadmap, Enterprise Architecture management solutions by each period to achieve the set objectives. The Enterprise Architecture management initiatives shall include detailed information on:</i> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tổng quan về các sáng kiến <i>Overview of the initiatives</i> ✓ Mục tiêu thực hiện và triển khai các sáng kiến <i>The target of implementing and deploying initiatives</i> ✓ Lợi ích của việc thực hiện sáng kiến <i>Benefits of the initiatives implementation</i> ✓ Phạm vi của sáng kiến <i>Detailed scope of the initiatives</i> ✓ Dự kiến chi phí đầu tư và thời gian sáng kiến <i>Estimated investment costs and initiatives timeline</i> • Phát triển các sáng kiến tổng thể, ưu tiên và sự phụ thuộc lẫn nhau. <i>Developing general, prioritized initiatives, and mutual interdependency.</i> 	<p><i>(at least 05 solutions/initiatives) to meet business operational needs and suitable for the business development direction of VietinBank.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Đề xuất phương pháp quản lý thực hiện quản trị kiến trúc doanh nghiệp. <i>Proposal of methods to manage the implementation of the enterprise architecture management</i> • Báo cáo tư vấn xây dựng chức năng Kiến trúc doanh nghiệp và Hội đồng Rà soát kiến trúc doanh nghiệp ở cả cấp độ toàn hàng và danh mục. <i>Consulting report on the development of the Enterprise Architecture functions and the Review Board of the enterprise architecture at both the bank-wide and portfolio level.</i> • Báo cáo đánh giá hiện trạng và đưa ra yêu cầu liên quan đến các KPI/OKRs đo lường hiệu quả. <i>Report on the current status and setting out requirements related to KPIs/OKRs to measure effectiveness.</i>
--	---

	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng các biện pháp và kế hoạch để thực hiện hiệu quả Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp. <i>Developing measures and plans to effectively implement the Enterprise Architecture management.</i> • Phát triển các quy trình Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp. <i>Developing Enterprise Architecture management procedures.</i> • Xây dựng các tiêu chí về năng lực, kỹ năng tài năng, vai trò và trách nhiệm cần thiết cho lực lượng lao động Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp để đạt được các mục tiêu đã xác định. <i>Developing criteria for capabilities, skills, talents, roles, and responsibilities necessary for the Enterprise Architecture management workforce to achieve the set objectives.</i> 	
2.2	<p>Xây dựng năng lực EA cho đội ngũ VietinBank <i>Development of EA capabilities for VietinBank's team</i></p>	
2.2.1	<p>Thiết lập trung tâm COE (Center of Excellence) về EA. <i>Establishing a COE (Center of Excellence) on EA.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp để triển khai Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp giai đoạn 2025 - 2028 và tầm nhìn 2030. <i>Developing a proper organizational model to implement Enterprise Architecture management for the 2025–2028 period and with a vision to 2030.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Trên cơ sở đề xuất mô hình Trung tâm COE về EA và cơ cấu tổ chức, cùng bộ mô tả công việc chi tiết cho các vị trí thuộc COE đưa ra báo cáo khuyến nghị về việc thành lập Trung tâm COE về EA để phù hợp với chiến lược giai đoạn 2025 - 2028 và tầm nhìn 2030 của VietinBank. <i>Based on the proposed model of the COE on EA and organizational structure, together with a detailed set of job descriptions for positions under the COE, to prepare a recommendation report on the establishment of the COE on</i>

	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng mô tả từng vị trí công việc trong lĩnh vực Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược giai đoạn 2025 - 2028 và tầm nhìn 2030. <i>Developing job descriptions for each position in the field of Enterprise Architecture management aligned the strategy for the period of 2025 – 2028, with a vision to 2030.</i> 	<p><i>EA to ensure alignment with Vietinbank's strategy for the 2025–2028 period and vision to 2030.</i></p>
2.2.2	<p>Triển khai đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ <i>Implementation of training programs to enhance staff capabilities</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đào tạo để ứng dụng triển khai sáng kiến: đơn vị tư vấn/chuyên gia thực hiện đào tạo trong quá trình triển khai dự án, các đội nhóm đã chủ động triển khai EA tổ chức workshop chia sẻ kinh nghiệm, bài học và cải tiến. <i>Training for application in implementing initiatives: the consulting univr/expert shall conduct training during the project implementation process; teams that have proactively implemented EA shall organize workshops to share experiences, lessons learned, and improvements.</i> • Đào tạo để xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp: các nhân sự nòng cốt tham gia các khóa đào tạo của các đơn vị uy tín có cấp chứng chỉ trong và ngoài nước. <i>Training to develop a professional team: core personnel shall participate in training courses</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • 02 khóa đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ về EA cho cán bộ VietinBank và bàn giao Bộ tài liệu về EA. <i>02 advanced training courses to enhance capabilities for VietinBank's staff and the handover of the Set of documents on EA.</i>

	<i>provided by reputable units that issue certifications domestically and internationally.</i>	
2.3	<p>Xây dựng Kiến trúc doanh nghiệp của VietinBank <i>Development of VietinBank's Enterprise architecture</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng thí điểm việc xây dựng EA cho 1 sản phẩm/dịch vụ cụ thể. <i>Piloting the development of EA for 1 specific product/service.</i> • Nghiên cứu phương án triển khai nhân rộng. <i>Studying plans for scaled deployment.</i> • Xây dựng các sản phẩm (artifacts) của EA <i>Development of EA's artifacts</i> • Xây dựng các nguyên tắc và quy định EA. <i>Establishing EA principles and regulations.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ tài liệu Kiến trúc doanh nghiệp, bộ nguyên tắc và quy định EA, báo cáo áp dụng thí điểm EA cho 01 sản phẩm/dịch vụ và đề xuất phương án triển khai nhân rộng. <i>The Set of documents on Enterprise architecture, the EA principles and regulations set, the report on pilot application of EA for 01 product/service, and the proposed scaled implementation approach.</i>

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Implementation report and period:

- Dựa trên các điểm đã đề cập phía trên về mục tiêu, phạm vi công việc, trách nhiệm của nhà thầu và sản phẩm bàn giao của dự án phải được văn bản hóa đầy đủ và bàn giao lại cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Based on the above-mentioned points regarding objectives, scope of work, bidder's responsibilities, and deliverables of the project shall be fully documented and handed over to Vietnam JSC Bank for Industry and Trade.

- Thời hạn thực hiện: quy định tại E-HSMT.

Implementation period: as specified in the E-BD.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Experience and personnel of the bidder:

- Ngoài các nội dung yêu cầu tại Phạm vi công việc nêu trên, E-Hồ sơ dự thầu cần đề xuất các nội dung cần thiết và phù hợp để hoàn thành gói thầu trên cơ sở hiểu biết và phương pháp tiếp cận của nhà thầu.

In addition to the requirements specified in the Scope of work above, the E-Bid shall propose necessary and suitable contents to finalize

the bidding package based on the bidder's understanding and approach.

- Nhà thầu phải cung cấp một đội ngũ tư vấn có trình độ và kinh nghiệm để đáp ứng các yêu cầu của gói thầu

The bidder must provide a qualified and experienced consulting team to meet the requirements of the bidding package

1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu <i>Experience and capability of the bidder</i>	Nhà thầu cung cấp: <i>The bidder shall provide:</i>
	<ul style="list-style-type: none"> • Số năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp: Từ 3 năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp trở lên. <i>Years of experience in providing Enterprise Architecture management consulting services: At least 3 years of experience in the field of providing Enterprise Architecture management consulting services.</i> • Nhà thầu có tối thiểu 01 hợp đồng tương tự cung cấp dịch vụ tư vấn hoặc triển khai phần mềm có liên quan đến kiến trúc doanh nghiệp, nghiệp vụ tài chính ngân hàng cho các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại Việt Nam hoặc trong khu vực Đông Nam Á từ năm 2020 đến thời điểm đóng thầu. Hợp đồng tương tự là hợp đồng mà nhà thầu đã hoàn thành với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh). <i>The bidder must have at least 01 similar contract for providing consulting services or implementing software related to enterprise architecture, financial and banking operations for organizations operating in the financial or banking sector in Vietnam or the Southeast Asia region, from 2020 up to the bid closing time. A</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Bản sao giấy đăng ký kinh doanh (được công chứng, chứng thực, cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) cập nhật nhất tính đến thời điểm dự thầu. <i>A copy of the enterprise registration certificate (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the original issued by the issuing organization as prescribed), updated as of the bidding time.</i> • Bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc được cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) văn bản Hợp đồng và một trong số các giấy tờ sau: Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng, Hóa đơn thanh toán. <i>A copy (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the original issued by the issuing organization as prescribed) of the Contract and one of the following documents: Contract acceptance minutes; Contract liquidation document; Payment invoice(s).</i>

	<i>similar contract shall be defined as a contract that the bidder has completed as the main contractor (either as an independent contractor or as a member of a consortium).</i>	
2	<p>Yêu cầu nhân sự có kinh nghiệm thực hiện các dự án như sau:</p> <p><i>The proposed personnel must have experience in the following types of projects:</i></p>	
	<p>Chuyên gia tư vấn:</p> <p><i>Consulting expert:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia cao cấp Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp: Tối thiểu 7-10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT, Team Lead hoặc vai trò tương đương cho tối thiểu 02 dự án liên quan đến Kiến trúc doanh nghiệp, số lượng: tối thiểu 01 nhân sự <p><i>Senior Expert in Enterprise Architecture management: Minimum of 7–10 years of experience in the IT field, having served as a Team Lead or in an equivalent role in at least 02 projects related to Enterprise Architecture, quantity: at least 01 personnel.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp: Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT, tham gia tối thiểu 01 dự án liên quan đến Kiến trúc doanh nghiệp, số lượng: tối thiểu 01 nhân sự <p><i>Enterprise Architecture management expert: Minimum of 5 years of experience in the IT field, with participation in at least 01 project related to Enterprise Architecture, quantity: at least 01 personnel</i></p>	<p>Nhân sự tham gia thực hiện dự án đáp ứng yêu cầu tối thiểu:</p> <p><i>Personnel participating in the project shall meet at least the following requirements:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tốt nghiệp Đại học trở lên (tốt nghiệp hệ đại học hoặc trên đại học của các trường đại học tại Việt Nam hoặc các trường đại học tại nước ngoài), chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin, điện tử viễn thông, khoa học máy tính, kinh tế, tài chính ngân hàng, hoặc tương đương. <p><i>Graduated from a University or higher (holding a bachelor's degree or postgraduate degree from universities in Vietnam or abroad), majoring in information technology, information security, electronics and telecommunications, computer science, economics, finance, banking, or an equivalent field.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với chuyên gia người Việt Nam: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) của bằng cấp nhân sự và giấy tờ/văn bản chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu.

<ul style="list-style-type: none"> • Chuyên viên chính Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp: Tối thiểu 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT, tham gia tối thiểu 01 dự án liên quan đến Kiến trúc doanh nghiệp, số lượng: tối thiểu 01 nhân sự. <i>Senior Enterprise Architecture management specialist: Minimum of 3 years of experience in the IT field, with participation in at least 01 project related to Enterprise Architecture, quantity: at least 01 personnel.</i> • Chuyên viên Quản trị Kiến trúc doanh nghiệp: Tham gia tối thiểu 01 dự án liên quan đến Kiến trúc doanh nghiệp, số lượng: tối thiểu 01 nhân sự. <i>Enterprise Architecture management specialist: Participation in at least 01 project related to Enterprise Architecture, quantity: at least 01 personnel.</i> 	<p><i>For Vietnamese experts: The bidder must submit copies (notarized, certified, or issued from the original record or a true copy of the original issued by the issuing organization as prescribed) of the personnel's academic qualifications, together with papers/documents evidencing the bidder's ability to mobilize such personnel, and the bidder's written commitment to meet the requirements.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với chuyên gia người nước ngoài: Nhà thầu phải nộp kèm bản sao và bản dịch thuật của bằng cấp nhân sự và văn bản cam kết đáp ứng của nhà thầu. <i>For foreign experts: The bidder must submit copies and translations of the personnel's academic qualifications and the bidder's written commitment to meet the requirements.</i> • Nhà thầu phải cung cấp bằng chứng chứng minh năng lực của đội ngũ về lĩnh vực Kiến trúc doanh nghiệp: Nhân sự có ít nhất một trong các chứng chỉ TOGAF, BIAN hoặc chứng chỉ tương đương. <i>The bidder shall provide evidence of the team's capabilities in Enterprise architecture: Personnel are required to possess at least one certification such as TOGAF, BIAN, or an equivalent certification.</i>
---	--

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Responsibilities of the Employer:

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có trách nhiệm cử cán bộ hỗ trợ và cung cấp những tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn;

Vietnam JSC Bank for Industry and Trade shall be responsible for assigning personnel to support and provide documents related to the consultant's responsibilities;

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có trách nhiệm phối hợp thường xuyên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị tư vấn thực

hiện nhiệm vụ của mình.

Vietnam JSC Bank for Industry and Trade shall responsible for regular coordination to facilitate the consultant in carrying out its responsibilities.



10
A
S
G
E
/

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG***PART 3. REQUIREMENTS OF CONTRACT*****Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG*****Chapter VI. GENERAL CONDITIONS OF CONTRACT***

<p>1. Định nghĩa <i>Definitions</i></p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: <i>In this contract, the following terms shall have the meanings set forth below:</i></p> <p>1.1. “chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; <i>“employer” means the organization as stipulated in SC;</i></p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; <i>“Contract” means an agreement between the employer and the contractor, in writing, signed by both parties, including all annexes and attachments;</i></p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; <i>“Contractor” means the winning bidder (either an independent bidder or a consortium) as stipulated in the SC;</i></p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn; <i>“Subcontractor” means an organization or individual that signs a contract with the contractor to implement consulting services;</i></p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; <i>“Contract documents” means the documents listed in the Contract, including any amendments and supplements thereof;</i></p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); <i>“Contract price” means the amount specified in the contract between the employer and the contractor. The Contract price shall be inclusive of all taxes, fees, and charges (if any);</i></p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; <i>“Day” means calendar day; “year” means 365 days;</i></p>
--	---

	<p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu; <i>“Consulting services” means all works implemented in accordance with the contract by the Contractor as described in the Terms of reference;</i></p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; <i>“Completion” means the fulfillment of all related works by the Contractor according to the terms and conditions stipulated in the Contract;</i></p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT; <i>“Project location” means the place stipulated in the SC;</i></p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại ĐKCT; <i>“Effective date of contract” means the date stipulated in the SC;</i></p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV; <i>“Other costs” means any expenses, other than the consultant's salaries related to CS;</i></p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký. <i>“Contract performance period” shall be calculated from the effective date of the contract until the parties have completed their obligations under the signed contract.</i></p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên Contract documents and order of priority</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. <i>All documents stipulated in Section 2.2 of the GC (including all parts thereof) shall constitute the Contract, forming a unified whole that is mutually supportive, complementary, and explanatory to one another.</i></p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: <i>The documents constituting the Contract shall be arranged in the following order of priority:</i></p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; <i>The contract documents, including all annexes thereto;</i></p> <p>b) ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có); <i>The SC of the contract has been fully completed and included all amendments, additions, and clarifications made during the bidder selection process, contract negotiation (if any), and contract finalization (if any);</i></p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p>

	<p><i>The minutes of document reconciliation and minutes of contract negotiation, minutes of contract finalization;</i></p> <p>d) ĐKC của hợp đồng; <i>The GC of the contract;</i></p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; <i>Decision approving the bidder selection results;</i></p> <p>e) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng; <i>Letter of acceptance of the Bid and the contract award;</i></p> <p>g) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu (nếu có); <i>The Bid and clarifying documents thereto provided by the Contractor (if any);</i></p> <p>h) HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có); <i>The BD and amending and clarifying documents thereto (if any);</i></p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT. <i>The other documents stipulated in the SC.</i></p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng <i>Governing law and language</i></p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam. <i>The contract shall be governed by the laws of Vietnam.</i></p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng : quy định tại ĐKCT <i>The language of the contract: as stipulated in the SC</i></p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng <i>Use of contract-related documents and information</i></p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư. <i>All documents and information produced by the contractor within the scope of this Contract shall be under the ownership of the employer, unless otherwise stipulated in the SC. The contractor may retain copies of such documents and information but shall not use them for any other purposes without the prior written consent of the employer.</i></p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù</p>

hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

The Employer and the Contractor must keep confidential any documents, data, or other information related to the contract that one party provides to the other, either directly or indirectly; and must not, without the written consent of the other party hereto, disclose to any third party such documents, data, or information regardless of whether the documents, data, or information has been provided prior to, during or following the completion or termination of the contract. The Contractor may furnish to its subcontractors suitable documents, data, and information provided by the employer so that the subcontractor can implement their work in accordance with the contract; in this case, the subcontractor must provide the Contractor with a commitment to maintain the confidentiality of such documents, data, or information.

4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

The Employer shall not use any documents, data, or other information received from the Contractor for any other purpose unrelated to the contract. The contractor shall not be permitted to use any documents, data, or other information received from the employer for purposes other than the performance of the contract.

4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

The obligations of the employer and contractor stipulated in Section 4.2 and Section 4.3 of the GC shall not apply to the following information:

a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;

Information that the employer or Contractor is required to provide to competent authorities;

b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu;

Information that has already been or shall be disclosed without the fault of the employer or the contractor;

c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;

Information that belongs to one party at the time of disclosure and was not directly or indirectly provided by the other party;

d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

Information lawfully obtained by one party from a third party who is not bound by a confidentiality obligation.

	<p>4.5. Các quy định tại Mục 4 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p><i>The provisions of Section 4 of the GC shall not amend any confidentiality commitments made by either party prior to the contract signing date in connection with the provision of consulting services.</i></p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p> <p><i>The provisions of Section 4 of the GC shall remain in effect after the completion or termination of the contract for any reason.</i></p>
<p>5. Bản quyền Copyright</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư.</p> <p><i>Unless otherwise provided in the SC, all reports, data and relevant information such as maps, diagrams, plans, databases, and other documents compiled or prepared by the Contractor for the employer during the performance of the contract shall be treated as confidential and shall be under the exclusive ownership of the employer.</i></p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p><i>Upon termination or expiration of the Contract, the Contractor shall be obliged to submit all of the above-mentioned documents to the employer, together with a detailed inventory thereof. The Contractor may retain copies of such documents, data, and software, but shall not use them for purposes unrelated to the Contract without the employer's prior written consent.</i></p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p><i>In the event that agreements are required to permit the use of third parties by the Contractor for the preparation or development of drawings, specifications, designs, databases, other documents, and software, the Contractor must obtain the employer's prior written approval for such agreements. The employer reserves the right to require reimbursement of costs incurred in the preparation of the aforementioned drawings, specifications, designs, databases, documents, and software.</i></p>

	<p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p><i>The Contractor must commit that the consulting services provided to the employer by the contractor do not infringe the intellectual property rights of any third party.</i></p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.</p> <p><i>The Contractor shall be take full responsibility before the law for any damages arising from third-party claims (if any) regarding intellectual property rights infringement in connection with the consulting services provided to the employer by the contractor.</i></p>
6. Bảo hiểm <i>Insurance</i>	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><i>The contractor shall purchase, maintain, and also require subcontractors (if any) to purchase and maintain the risk insurance and other types of insurance as prescribed by law.</i></p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p> <p><i>The contractor must ensure that these insurances are purchased prior to implementing consulting works.</i></p>
7. Loại hợp đồng <i>Type of contract</i>	<p>Loại hợp đồng: được quy định tại ĐKCT.</p> <p><i>Type of contract: as stipulated in the SC.</i></p>
8. Giá hợp đồng <i>Contract price</i>	<p>Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của HSMT.</p> <p><i>The contract price stipulated in the SC shall be all costs to complete all work items of the bidding package on the basis of ensuring the progress and the quality in accordance with the requirements of the BD.</i></p>
9. Thuế, phí <i>Taxes and fees</i>	<p>Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.</p> <p><i>The contractor and subcontractor shall be responsible for paying any tax obligations and fees (if any) arising from the Contract.</i></p>
10. Tạm ứng và thanh toán <i>Advance and</i>	<p>Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p> <p><i>The advance and payment shall be conducted as stipulated in the SC.</i></p>

<i>payment</i>	
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ <i>Service's products warranty</i>	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT . <i>The warranty for service products shall be conducted as stipulated in the SC.</i>
12. Thời gian thực hiện hợp đồng <i>Contract performance period</i>	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại ĐKCT . <i>The contract performance period shall be stipulated in the SC.</i>
13. Sửa đổi hợp đồng <i>Amendment of the contract</i>	<p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p><i>During the performance of the contract, in the event that it is required to amend the terms in the contract, within the period stipulated in the SC from the receipt of the request for contract amendment by the employer or the contractor, the party receiving the request shall be responsible for reviewing and providing specific requirements for this amendment to serve as the basis for both parties to negotiate and sign the contract amendment document.</i></p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p><i>During the performance process of the contract, the parties may adjust the completion timelines for specific contents in the contract in the following cases:</i></p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p><i>In cases of force majeure or the occurrence of adverse conditions that prevent the contractor from performing the contract, and unrelated to any violations or negligence by the parties involved in the contract;</i></p>

	<p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; <i>Amendments and/or adjustments to the project, scope of work, scope of provision, design, primary construction solutions, or provision measures due to objective reasons resulting in the contract schedule;</i></p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư; <i>One or more than one party propose(s) initiatives or improvements in the performance of the contract that require progress amendments to bring greater benefits to the employer;</i></p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; <i>Suspension of the contract due to the employer's fault affecting the contract progress without any faults of the bidder;</i></p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu; <i>Work suspension upon the request of the competent authority without any fault of the employer or the contractor;</i></p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của ĐKCT <i>Other cases stipulated in the SC</i></p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép. <i>If the adjustment of completion deadlines does not exceed the contract performance period, the employer and the contractor shall agree on the adjustments; in cases where the deadlines are exceeded, the employer and the contractor shall only agree on the adjustments with approval from a competent authority.</i></p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. <i>In the event that there is a change in the scope of work specified in the contract and the terms of reference that affects the contract price, both parties shall agree and consent to the amendments to the work contents and contract price, serving as a basis for signing the contract amendment document.</i></p>
<p>14. Nhân sự <i>Personnel</i></p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 CDNT</p>

	<p>thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p><i>The contractor must mobilize all experts to implement the work as proposed in the Bid, unless otherwise agreed upon by the employer. In the event that there is a necessity to replace personnel as stipulated in Section 27 of the ITB, the contractor must report and obtain approval from the employer. The qualifications and experience of personnel being replaced must be equal to or better than those of the originally proposed personnel.</i></p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.</p> <p><i>The Employer has the right to request the contractor to replace personnel in cases where that personnel is incapable of civil liability or has failed to fulfill his/her obligations or is not the one proposed in the Bid. Upon receiving a written request for personnel replacement from the employer, the contractor must replace the expert with a competent and experienced individual approved by the employer within the tentative duration stipulated in the SC. Unless otherwise agreed, all and any costs related to the personnel replacement shall be borne by the contractor.</i></p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu <i>Rights and obligations of the contractor</i></p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu: <i>Rights of the contractor:</i></p> <p>a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; <i>To request the employer to provide information, documents related to the implementation of consulting services;</i></p> <p>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; <i>To refuse to implement unreasonable tasks beyond the scope of the Contract;</i></p> <p>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); <i>To be guaranteed copyright as prescribed by law (for consulting products with copyright);</i></p> <p>d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <i>To request timely payment from the employer as stipulated in Section 10 of this Chapter.</i></p> <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu: <i>Obligations of the contractor:</i></p> <p>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; <i>To be responsible for the quality of their consulting products;</i></p>

b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;

To submit reports and documents to the employer in the quantities and within the tentative period stipulated in the Contract. The contractor shall fully and promptly inform all information related to the consulting work that may delay or prevent the completion of work according to schedule and propose implementation solutions;

c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);

To be responsible for completing on schedule and delivering the consulting products as stipulated in the Contract. The contractor shall be responsible for presenting and defending the contents of consulting services in the review meetings of competent authorities held by the employer (if any);

d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;

To implement the work in accordance with the law, regulations, and standards related to the contract, and ensure that any subcontractors (if any), the Contractor's personnel, and subcontractors' personnel always comply with the law. To commit that, upon request from the employer, the contractor or the subcontractor shall appoint a representative with adequate authority and capability to resolve any remaining works at any time as required by the employer (including days off) until the date that consulting products are accepted;

đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;

To be responsible for providing dossiers and documents for meetings, reports, assessments, etc., in quantities as requested by the employer;

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;

To collect information necessary for the provision of consulting work under the Contract;

g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

	<p><i>To maintain the confidentiality of all information related to the consulting services, as stipulated in the contract and as prescribed by law.</i></p>
<p>16. Nhà thầu phụ <i>Subcontractor</i></p>	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p><i>The contractor shall be permitted to sign contracts with the subcontractors listed in the SC to implement a part of the work specified in the Bid. The Subcontractors shall not relieve the obligations of the Contractor. The Contractor shall remain responsible to the employer for the quantity, quality, schedule, and other obligations for the work implemented by the Subcontractors.</i></p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p><i>The replacement and/or supplement of Subcontractors in the list of subcontractors in the Bid or any change in the subcontracting content specified in the Bid shall only be implemented with the approval of the employer and the supervising consultant (if applicable) and must not exceed the maximum value of the work for the subcontractors as stipulated in the contract; the use of Subcontractors must suitable for the contractor's needs in performance the contract, Subcontractors must meet the contractor's requirements in terms of capacity and experience;</i></p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại ĐKCT.</p> <p><i>The value of work implemented by Subcontractors as stipulated under Section 16.1 of the GC shall not exceed the percentage of the contract price specified in the SC.</i></p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p><i>The contractor shall be obliged to fully and punctually pay the Subcontractors in accordance with the terms agreed upon between the Contractor and the Subcontractor</i></p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p> <p><i>Other requirements for subcontractors shall be stipulated in the SC.</i></p>

<p>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại <i>Penalties for breach and compensation for damages</i></p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT. <i>Penalties for breach of contract and compensation for damages shall be as stipulated in the SC.</i></p>
<p>18. Tạm dừng hợp đồng <i>Suspension of the contract</i></p>	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p><i>The Employer may suspend all or part of the works of the Contractor by providing a written notice of suspension to the contractor if the contractor fails to perform any specific obligation under the Contract, provided that such notice must (i) clearly specify the content of the non-performance; and (ii) require the Contractor to take corrective action within a period not exceeding thirty (30) days from the date of Contractor's receipt of the suspension notice, the Contractor shall also liable to compensate the employer for any damages (if any) resulting from such suspension.</i></p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p><i>Suspension of work by the Contractor</i></p> <p>a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p><i>If the employer fails to perform its contractual obligations and does not make payment according to the agreed terms in this contract within 28 days after the payment due date, upon notifying the employer, the Contractor may suspend work (or reduce the scope of work).</i></p> <p>b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p><i>After the employer has performed its obligations under the contract, the Contractor shall promptly resume normal work as soon as possible.</i></p>

	<p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p><i>If any costs arise as a consequence of the suspension of work (or reduction in the scope of work) under this clause, the Contractor shall notify the employer for consideration. Upon receipt of the notice, the employer shall review and provide feedback on the matters raised.</i></p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p> <p><i>Prior to suspending the implementation of work under the contract, the Contractor shall notify the employer in writing, clearly stating the reason for the suspension.</i></p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu <i>Termination of the contract due to contractor's breaches</i></p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT.</p> <p><i>The Employer may terminate a part or all of the performance of the contract by giving a written notice to the contractor if the contractor does not implement the work as stipulated in the SC.</i></p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p><i>The Employer may send a contract termination notice to the contractor upon discovering that the contractor has entered bankruptcy without incurring any compensation costs. This contract termination shall not affect the employer's interests in accordance with the provisions of the contract and the law.</i></p> <p>19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 ĐKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> <p><i>In the event that the employer terminates a part or all of the performance of the contract as per Section 19.1 of the GC, the employer may sign the contract with another contractor to perform the terminated part of the contract. The contractor shall be responsible for compensating the employer for any exceeded costs incurred in implementing the terminated part. However, the contractor must continue to perform the part of the contract that is not terminated.</i></p>

<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư <i>Termination of the contract due to employer's fault</i></p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT.</p> <p><i>The contractor may terminate part or all of the performance of the contract by written notice to the employer if the employer fails to implement its work as stipulated in the SC.</i></p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng <i>Force majeure events</i></p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p><i>In the event of force majeure, the failure of a party to perform any of its obligations shall not be considered a violation or disruption of this Contract, provided that the party affected by such event: (a) has taken reasonable and cautious precautions and necessary alternative measures, all with the objective of implementing the terms and conditions of this Contract, and (b) shall continue to perform its obligations within the scope of the Contract as long as such performance remains reasonable and practical.</i></p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p><i>In this contract, force majeure means an event which is beyond the control of the parties, not foreseeable, and unavoidable, and makes the performance of the contract impossible, and is not due to the negligence or lack of attention of both parties. Force majeure events include, but are not limited to, war, riots, strikes, fires, floods, epidemics, quarantine restrictions, or State policies and regulations.</i></p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p>

In the event of force majeure, a party affected by such event must promptly notify the other party in writing about the force majeure event and its causes within 14 days from the date of its occurrence. Simultaneously, that party shall provide the other party with a written confirmation of such force majeure event issued by a competent authority in charge of the place where the event occurs.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

The contractor affected by the event of force majeure shall continue to perform its contractual obligations to the extent permitted by actual circumstances and shall take all reasonable measures to minimize the consequences of any event of force majeure.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

The tentative periods for a party to complete a task under this Contract shall be extended by a period equal to the time that party was unable to implement the task due to a force majeure event.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

During the period of inability to provide the Services as a result of a force majeure event, upon request of the employer, the contractor shall be obligated to:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

Demobilize experts, in this case, the Contractor shall be reimbursed for the reasonable and necessary expenses borne by the contractor. If the employer requests the resumption of the Services, the contractor shall also be reimbursed for this expense; or

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

Continue to provide the Services to the extent reasonably possible; in this case, the Contractor shall continue to be paid under the terms of the Contract and shall be reimbursed for any additional costs that are reasonably and necessarily

	<p><i>incurred. In the event that a dispute arises between the parties due to the occurrence or prolongation of a force majeure event, such dispute shall be resolved in accordance with Section 22 of this Chapter.</i></p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có) <i>Contract termination and payment in case of force majeure (if any)</i></p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. <i>In the event that the implementation of the work under the contract is suspended due to a force majeure event that has been notified in accordance with the contract, and the total number of suspension days exceeds the number of days notified due to the force majeure, either party shall have the right to send a contract termination notice to the other party.</i></p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu: <i>In the event of such termination, the employer shall pay the Contractor:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. <i>Payments for any work completed shall be made in accordance with the prices specified in the contract.</i> - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng. <i>Costs for equipment and materials ordered for the bidding package (if any) that were delivered to the Contractor. Upon payment made by the employer, such equipment and materials shall become the property (and risk) of the employer, and the Contractor shall allow the employer to use them.</i>
<p>22. Giải quyết tranh chấp <i>Dispute resolution</i></p>	<p>22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải. <i>The contractor and the employer shall be responsible for resolving any dispute by mutual negotiation or mediation.</i></p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong ĐKCT. <i>In the event that the dispute cannot be resolved through negotiation or mediation within the period specified in the SC from the date the dispute arises, either party may request that the dispute be referred to the competent authority for resolution in accordance with the mechanism specified in the SC.</i></p>

23. Thông báo
Notice

23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong **ĐKCT**.

Any notice given by one party to the other in connection with the contract must be in writing and sent to the address specified in the SC.

23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

A notice from one party shall take effect from the date of receipt by the other party, or from the effective date specified in the notice, whichever is later.



Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG
Chapter VII. SPECIFIC CONDITIONS OF CONTRACT

<p>ĐKC 1.1 <i>GC 1.1</i></p>	<p>Chủ đầu tư: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM <i>The Employer: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE</i> Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <i>Address: 108 Tran Hung Dao Street, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam</i> Mã số thuế: 0100111948 <i>Tax code: 0100111948</i> Điện thoại: 02439421030 <i>Phone number: 02439421030</i> Email: MuasamTSC@vietinbank.vn <i>Email: <u>MuasamTSC@vietinbank.vn</u></i> Đại diện ủy quyền (nếu có): <i>Authorized representative (if any):</i></p>
<p>ĐKC 1.3 <i>GC 1.3</i></p>	<p>Nhà thầu: <i>The contractor:</i></p>
<p>ĐKC 1.10 <i>GC 1.10</i></p>	<p>Địa điểm dự án: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <i>Project location: Vietnam JSC Bank for Industry and Trade.</i></p>
<p>ĐKC 1.11 <i>GC 1.11</i></p>	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: <i>The effective date of the contract:</i></p>
<p>ĐKC 2.2 (i) <i>GC 2.2 (i)</i></p>	<p>Các tài liệu khác: <i>Other documents:</i></p>
<p>ĐKC 4.1 <i>GC 4.1</i></p>	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Thỏa thuận tại bước thương thảo hợp đồng <i>Use of documents and information related to the contract: As agreed during the contract negotiation</i></p>
<p>ĐKC 5.1 <i>GC 5.1</i></p>	<p>Các trường hợp khác: Thỏa thuận tại bước thương thảo hợp đồng <i>Other cases: As agreed during the contract negotiation</i></p>
<p>ĐKC 7 <i>GC 7</i></p>	<p>Loại hợp đồng: Trọn gói <i>Type of contract: Lump-sum</i></p>



<p>ĐKC 8 GC 8</p>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. <i>The contract price includes all costs, interests, and any taxes payable by the contractor: the contract price shall be fixed for the scope of work specified in the contract and the terms of reference.</i></p>
<p>ĐKC 10 GC 10</p>	<p>10.1. Tạm ứng: Không tạm ứng <i>Advance payment: No advance payment</i></p> <p>10.2. Thanh toán <i>Payment</i></p> <p>Phương thức thanh toán: _____ <i>Payment method: _____</i></p> <p>[Tuỳ theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho nhà thầu có thể quy định bằng tiền mặt, chuyển khoản.] <i>[Depending on the nature and requirements of the bidding package, specific provisions for this content shall be determined.</i></p> <p><i>Payment to the contractor may be made in cash or by bank transfer.]</i></p> <p>- Đồng tiền thanh toán: <i>Currencies of payment:</i></p> <p>a- Đối với chi phí dịch vụ cung cấp trong nước: VNĐ, <i>For domestic service costs: VND,</i></p> <p>b- Đối với chi phí dịch vụ cung cấp từ nước ngoài: USD, VNĐ. <i>For international service costs: USD, VND.</i></p> <p>Đồng tiền quy đổi là: Đồng Việt Nam (VNĐ) <i>The exchange currency shall be: Vietnamese Dong (VND)</i></p> <p>Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: ngày thực hiện thanh toán. <i>The exchange rate shall be determined as of: the payment date.</i></p> <p>Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: theo tỷ giá bán ra do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố vào ngày thực hiện thanh toán. <i>Basis for the determination of the exchange rate: based on the selling rate published by Vietnam JSC Bank for Industry and Trade on the payment date.</i></p> <p>- Số lần thanh toán: Thỏa thuận tại bước thương thảo hợp đồng</p>

	<p><i>Number of payments: As agreed during the contract negotiation</i></p> <p>- Thời hạn thanh toán: Thỏa thuận tại bước thương thảo hợp đồng</p> <p><i>Payment term: As agreed during the contract negotiation</i></p> <p>+ Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng VND.</p> <p><i>Payment method: Bank transfer in VND.</i></p> <p>+ Chứng từ thanh toán: Theo quy định cụ thể trong hợp đồng</p> <p><i>Payment records: As specifically prescribed in the contract</i></p>
ĐKC 11 <i>GC 11</i>	<p>Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng</p> <p><i>Warranty of service products: Not applicable</i></p>
ĐKC 12 <i>GC 12</i>	<p>Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực</p> <p><i>Contract performance period: 180 days from the effective date of the contract</i></p>
ĐKC 13.1 <i>GC 13.1</i>	<p>Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng</p> <p><i>Period for the recipient to respond to the request for contract amendment by the employer or the contractor: 14 working days from the date of receipt of the request for contract amendment.</i></p>
ĐKC 13.2 (e) <i>GC 13.2 (e)</i>	<p>Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật].</p> <p><i>Other cases: _____ [list out other cases (if any) in accordance with the provisions of the law].</i></p>
ĐKC 14.2 <i>GC 14.2</i>	<p>Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 10 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư)</p> <p><i>The period for the contractor to replace personnel: 10 days (After receiving the request for personnel replacement from the Employer)</i></p>
ĐKC 16.1 <i>GC 16.1</i>	<p>Danh sách nhà thầu phụ:</p> <p><i>The list of subcontractors:</i></p>
ĐKC 16.2 <i>GC 16.2</i>	<p>Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng</p> <p><i>The total value of work implemented by the subcontractor shall not exceed: 0% of the contract value</i></p>
ĐKC 16.4 <i>GC 16.4</i>	<p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ :</p> <p><i>Other requirements for subcontractors:</i></p>
ĐKC 17 <i>GC 17</i>	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</p>

	<p><i>Based on the scale, nature, and requirements of the bidding package, specify this content according to one of the following methods:</i></p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng <i>Penalties for breach of contract: Applicable</i> <i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i> <i>In the event that the penalties for breach of contract are applied, the following provisions shall be specified:</i></p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức : 3%/tháng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. <i>The contractor shall be subject to a penalty at the rate of: 3% per month for each day of delay in completing the work under the contract.</i></p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. <i>The total penalty amount shall not exceed: 8% of the value of the breached contractual obligation. The Employer may deduct the penalty amount from any payments due to the Contractor.</i></p> <p>b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. <i>In the event that the employer delays payment to the contractor as prescribed in Section 10 of the GC, the employer shall pay interest to the contractor at the base interest rate stipulated by the State Bank of Vietnam. The period shall be calculated from the first day of the delayed payment until the date on which the full payment is made by the employer to the contractor.</i></p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: áp dụng <i>Compensation for damages: applicable</i> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; <i>Compensation for damages shall be determined based on the total actual damages;</i></p>
ĐKC 19.1 <i>GC 19.1</i>	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: sẽ quy định cụ thể khi thương thảo hợp đồng <i>Termination of the contract due to the contractor's violations: shall be specified during the contract negotiation</i>
ĐKC 20 <i>GC 20</i>	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: _____ <i>Termination of the contract due to the employer's fault: _____</i> <i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng]</i>

	<i>[Specifically list the contents under which the employer's breaches entitle the contractor to request contract termination]</i>
ĐKC 22.2 GC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất đồng ý kiến mà hai bên thương lượng không có kết quả, vụ việc sẽ được chuyển sang Tòa án nhân dân có thẩm quyền để thụ lý và giải quyết. Trong thời gian chờ phán quyết của tòa án có thẩm quyền, hai bên vẫn thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Mọi chi phí giải quyết tranh chấp do bên thua kiện chịu.</p> <p><i>Dispute Resolution: During the performance of the contract, if any disagreement arises and both parties that cannot be resolved through negotiation by the parties, the case shall be referred to the competent People's Court for adjudication and resolution. While awaiting the judgment of the court, both parties shall continue to perform the committed terms specified in the contract. All costs arising from the dispute resolution shall be borne by the losing party.</i></p>
ĐKC 23.1 GC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p><i>Address for notices between the parties on the prescribed information:</i></p> <p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM, 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội</p> <p><i>Employer's contract address: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE, 108 Tran Hung Dao, Cua Nam Ward, Hanoi City</i></p> <p>Điện thoại: 02439421030 <i>Phone number: 02439421030</i></p> <p>Fax: _____ <i>Fax: _____</i></p> <p>E-mail: MuasamTSC@vietinbank.vn <i>E-mail: MuasamTSC@vietinbank.vn</i></p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ <i>Contractor's contract address: _____</i></p> <p>Điện thoại: _____ <i>Phone number: _____</i></p> <p>Fax: _____ <i>Fax: _____</i></p>

	E-mail: _____ <i>E-mail:</i> _____
--	---------------------------------------

Handwritten marks:
A small checkmark-like symbol above a stylized signature or scribble.

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**CHAPTER VIII. CONTRACT FORMS****Mẫu số 16. HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN****Form No.16. CONSULTING SERVICE CONTRACT**

____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 ____, [date] [month] [year]

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Contract No. : _____ [The Employer to provide the required information]

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Bidding package: _____ [Insert the name of the bidding package]

- Căn cứ⁽²⁾ _____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015);

Pursuant to⁽²⁾ _____ (Civil Code dated November 24, 2015);

- Căn cứ⁽²⁾ _____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15));

Pursuant to⁽²⁾ _____ (Law on Bidding dated June 23, 2023 (as amended and supplemented by Law No. 57/2024/QH15 and Law No. 90/2025/QH15));

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của chủ đầu tư;

Based on Decision No. ____ dated [date] [month] [year] of ____ regarding the approval of the bidder selection result for the bidding package ____ [insert the name of the bidding package], and the Notice of acceptance of the Bid and contract award No. ____ dated [date] [month] [year] by the employer;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Based on the minutes of negotiation and contract finalization signed by the employer and the winning Bidder on [date] [month] [year];

- Các căn cứ khác (nếu có).

Other bases (if any).

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

We, representing the parties signing the contract, are as follows:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

The Employer (hereinafter referred to as Party A)

Tên chủ đầu tư: _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*]
Name of the employer: _____ [Insert the name of employer]

Địa chỉ: _____

Address: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Phone number: _____ Fax: _____

Tài khoản: _____

Account: _____

Mã số thuế: _____

Tax code: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Represented by Mr./Ms.: _____

Chức vụ: _____

Position: _____

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*).

The Power of Attorney No. ___ dated [date] [month] [year] (in case of authorized).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

The contractor (hereinafter referred to as Party B)

Tên nhà thầu: _____

Name of the contractor: _____

Địa chỉ: _____

Address: _____

Điện thoại: _____ Fax : _____

Phone number: _____ Fax: _____

E-mail: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Account: _____

Mã số thuế: _____

Tax code: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Represented by Mr./Ms.: _____

Chức vụ: _____

Position: _____

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền).

The Power of Attorney No. ___ dated [date] [month] [year] (in case of authorized).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

The Parties agree to enter into this consulting service contract under the following terms and conditions:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Article 1. Contract subject

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

The subject of this contract shall be the services set out in Appendix A “Terms of Reference” attached hereto.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Article 2. Contract components

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

The components of the contract and their order of legal precedence are as follows:

1. Văn bản hợp đồng;

The contract document;

2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;

Contract annexes, including terms of reference, contractor's personnel, and contractor's reporting responsibilities;

3. ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

The SC of the contract has been fully completed and included all amendments, additions, and clarifications made during the bidder selection process, contract negotiation (if any), and contract finalization (if any);

4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

The minutes of contract negotiation and minutes of contract finalization (if any);

5. ĐKC của hợp đồng;

The GC of contract;

6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

Decision approving the bidder selection results;

7. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;

Letter of acceptance of the Bid and contract award;

8. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu (nếu có);

The Bid and clarifying documents thereto provided by the Contractor (if any);

9. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có);

BD and amending and clarifying documents thereto (if any);

10. Các tài liệu khác nếu có.

Other documents if any.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Article 3. The responsibilities of Party A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

The Employer commits to pay the Contractor in accordance with the contract price and the payment method specified in Article 5 of this contract, as well as fulfill all other obligations and responsibilities stipulated in the GC and SC of the contract.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

The Employer shall appoint Mr./Ms. _____ [Insert full name] as the Employer's officer responsible for coordinating activities within the scope of this contract.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Article 4. The responsibilities of Party B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

To perform the obligations set out in Article 1 of this contract;

2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;

To ensure the mobilization and deployment of personnel listed in Annex B “Personnel of the contractor” to perform the services;

3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;

To submit reports to the employer within the timeframe and in the forms specified in Annex C “Contractor's reporting responsibilities”;

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

To fully perform all other obligations and responsibilities set out in the GC and SC of the contract.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

Article 5. Contract price, term, and payment method**1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾***Lump-sum contract ⁽³⁾***a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]***Contract price: _____ [Clearly insert the amount in figures, in words, and the currency used for signing the contract]*

Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

Contract price: _____ [Clearly insert the amount in figures, in words, and the currency used for signing the contract]. This amount shall include all costs, interests, and any taxes payable by the contractor.

b) Thời hạn thanh toán:*Payment term:*

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Insert amount/percentage and currency] upon contract effectiveness (in case of advance payment).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Insert amount/percentage and currency] upon the employer's receipt and approval of the draft report prepared by the contractor.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

_____ [Insert amount/percentage and currency] upon the employer's receipt and approval of the final report.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

Total payment amount _____ [Insert value and currency]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

[The payment term may be adjusted to align with the output reports detailed in Annex C].

2. Phương thức thanh toán: _____ [Nêu tại Mục 10 ĐKCT].

Payment method: _____ [Specified in Section 10 of the SC].

Điều 6. Loại hợp đồng**Article 6. Contract type**

Loại hợp đồng: [ghi loại hợp đồng theo quy định tại Mục 7 ĐKC].

Contract type: [insert the type of contract as stipulated in Section 7 of GC].

Điều 7. Trượt giá hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng**Article 7. Devaluation of the contract and contract adjustment**

1. Trượt giá hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
Devaluation of the contract shall be conducted as stipulated in Section 8 of the GC.
2. Điều chỉnh hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Mục 13 ĐKC.
The contract adjustment shall be conducted as stipulated in Section 13 of the GC.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng: *[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với HSMT, HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Article 8. The contract performance period: *[Insert the contract performance period in accordance with the BD, the Bid and the result of the contract finalization between the two parties].*

Điều 9. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: ____ *[theo Mục 26.3 CDNT]* giá hợp đồng.

Article 9. The value of the work implemented by the subcontractor shall not exceed: ____ *[according to Section 26.3 of the ITB] of the contract price.*

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng**Article 10. Effectiveness of the contract**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.11 ĐKCT].*

This contract shall take effect from ____ [Specifically insert the effective date of the contract in accordance with the stipulations in Section 1.11 of the SC].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

This contract shall terminate after both parties complete the contract liquidation in accordance with the law.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

The contract is made in ____ sets, the Employer shall keep ____ set(s), the contractor shall keep ____ set(s); all sets of contract shall have the same legal validity.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU
THE LAWFUL
REPRESENTATIVE OF THE**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN
THE LAWFUL REPRESENTATIVE OF THE
EMPLOYER/AUTHORIZED UNIT**

CONTRACTOR

[xác nhận, chữ ký số]
[confirmation, digital
signature]

[xác nhận, chữ ký số]

[confirmation, digital signature]

Ghi chú:**Notes:**

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với ĐKCT.

Based on the scale and nature of the bidding package, the contents of this contract form may be amended or supplemented accordingly, especially for provisions that differ from the SC during contract finalization.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Update the legal normative documents in accordance with current provisions of the law.

(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 ĐKCT của hợp đồng

Select ensuring in accordance with Section 7 of the SC of the contract

(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

Specify clearly which types of costs will be paid based on actual expenses incurred and which will be paid as a fixed lump sum.

PHỤ LỤC
ANNEXES

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Annex A: Terms of reference

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Annex B: Personnel of the contractor

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Annex C: The contractor's reporting responsibilities

Phụ lục D: Bảng giá Hợp đồng

Annex D: Pricing table of the Contract

Mẫu số 17*Form No.17***THƯ CHẤP THUẬN HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG****LETTER OF ACCEPTANCE OF THE BID AND CONTRACT AWARD**

____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 _____, [date] [month] [year]

Kính gửi: (Ghi tên của nhà thầu trúng thầu) (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

To: [Insert name of the winning bidder] (hereinafter referred to as the “Bidder”)

Về việc: Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Ref: Notice on acceptance of the Bid and contract award

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [Ghi tên của Chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện Hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu].

Based on Decision No. ____ dated [date] [month] [year] of ____ [insert the name of the Employer] (hereinafter referred to as the “Employer”) regarding the approval of the bidder selection result for the bidding package ____ [Insert the name of the bidding package], the Employer hereby notifies that the Employer has approved the Bid and awarded the contract to the Bidder for the implementation of the bidding package ____ [Insert the name and reference number of the bidding package] with the contract price of _____ [insert the winning bid price specified in the Decision approving the Bidder selection result] and with the contract performance period of _____ [insert the Contract performance period as specified in the decision approving the Bidder selection result].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

We request that the lawful representative of the Bidder complete and sign the contract with the Employer according to the following schedule:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].
 Contract finalization time: ____ [insert contract finalization time], at location: ____ [insert contract finalizations location].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

This document constitutes an integral part of the contract dossier. Upon receipt of this document, the Bidder shall finalize and sign the contract in accordance with the above-mentioned provisions. The Employer shall reserve the right to refuse to finalize and sign the contract with the Bidder if it is found that the bidder's current capacity does not meet the requirements for implementing the bidding package.

Nếu đến ngày __ tháng __ năm __ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

If by [date] [month] [year], the Bidder fails to finalize and sign the contract, or refuses to finalize and sign the contract as required above, the Bidder shall be disqualified.

Đại diện Chủ đầu tư

The representative of the Employer

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[insert the name, title, signature and seal]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo Hợp đồng

Attached Document: Draft of the Contract

Mẫu số 18. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
Form No.18. CONTRACT PERFORMANCE GUARANTEE

____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 _____, [date] [month] [year]

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

To: ____ [insert the name of Employer] (hereinafter referred to as the “Employer”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

At the request of ____ [insert name of Contractor] (hereinafter referred to as the “Contractor”), is the winning bidder of the bidding package ____ [insert name of the bidding package] and commits to entering into a contract to provide services for the aforementioned bidding package (hereinafter referred to as the “Contract”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

According to the provisions of the BD (or the contract), the Contractor must submit to the Employer a bank guarantee of a specified amount to secure its obligations and responsibilities in performing the contract;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6 ĐKC của HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

We, ____ [insert name of the bank] in ____ [insert name of country or territory] with a registered headquarters at ____ [insert address of the bank⁽²⁾], (hereinafter referred to as the “Bank”), hereby commit to guarantee the performance of the contract by the Contractor with an amount of ____ [specify the corresponding value in figures, in words, and currency as specified in Section 6 of the GC of the BD]. We irrevocably and unconditionally commit to pay the Employer any amount within the limit of ____ [insert guarantee amount] as stated above, upon the receipt of a written notice from the Employer informing that the Contractor has breached the contract within the validity period of the contract performance guarantee.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

This guarantee shall take effect from the date of issuance until the end of [date] [month] [year]⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
The lawful representative of the bank
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]
 [insert the name, title, signature and seal]

Ghi chú:

Notes:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định, trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

If the guaranteeing bank requires a signed contract prior to issuing a letter of guarantee, the Employer shall consider and decide, in this case, the above part may be amended as follows:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

“At the request of ____ [insert name of the Contractor] (hereinafter referred to as the “Contractor”), is the winning bidder of bidding package ____ [insert name of the bidding package], and signed the contract No. ____ [insert the number of the contract] dated [date] [month] [year] (hereinafter referred to as the “Contract”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

Bank’s address: insert the address, phone number, fax and email for contact.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6 ĐKC.

Insert the period in accordance with the requirements stipulated in Section 6 of the GC.

